



BÁC HỒ và BÁC TÔN

MỘT TÌNH BẠN CAO CẢ



và **BÁC HỒ**
BÁC TÔN
MỘT TÌNH DẠN CAO CẢ

TRẦN DƯƠNG

và **BÁC HỒ**
BÁC TÔN
MỘT TÌNH BẠN CAO CẢ

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Lịch sử cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX gắn liền với tên tuổi Hồ Chí Minh và Tôn Đức Thắng, hai vị Chủ tịch nước kính mến, hình ảnh tiêu biểu cho khối đại đoàn kết dân tộc. Trong cuộc sống hôm nay, hình ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Tôn Đức Thắng, cùng với tình bạn cao cả của hai Bác vẫn là những tấm gương trong sáng về đạo đức cách mạng, lối sống giản dị, trong sáng... để mỗi thế hệ người dân Việt Nam noi theo. Tình bạn, tình đồng chí gắn bó keo sơn giữa Bác Hồ và Bác Tôn là một mẫu mực về lòng chung thủy của những người cộng sản. Có thể nói ngay từ buổi đầu của thế kỷ XX, khi còn là những chàng trai, hai Bác đều có chung một lý tưởng cách mạng là ra đi tìm đường cứu nước cứu dân thoát khỏi cảnh nô lệ lầm than, rồi cho đến khi là các vị chủ tịch nước được dân tin yêu, ca ngợi, hai Bác đã cống hiến trọn đời cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc, của khối đại đoàn kết toàn dân. Chính vì lý tưởng cao đẹp ấy, hai Bác đã không quản ngại gian khổ tù đày, luôn nghĩ tới nhân dân, sống cuộc đời của nhân dân, rung động trước nỗi buồn vui của nhân dân, luôn đặt mình vào đời sống của nhân dân để lo cho nhân dân, làm sao có được cuộc sống ấm no hạnh phúc.

“Bác Hồ và Bác Tôn - một tình bạn cao cả” là một cuốn sách giúp bạn đọc có thể hình dung một cách khái quát và hệ thống về mối quan hệ tình bạn giữa hai nhà lãnh đạo, hai lão đồng chí kính yêu của dân tộc.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 118 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và 120 năm ngày sinh của Chủ tịch Tôn Đức Thắng, Nhà xuất bản Thông Tấn xuất bản cuốn sách “Bác Hồ và Bác Tôn - một tình bạn cao cả”, do tác giả Trần Dương biên soạn từ nhiều nguồn tư liệu phân nào giúp bạn đọc cảm nhận được tình bạn cao đẹp giữa hai vị Chủ tịch nước trong thế kỷ XX.

Hy vọng cuốn sách sẽ cung cấp cho bạn đọc những tư liệu quý về tình bạn cao cả giữa Bác Hồ và Bác Tôn, góp phần vào đợt học tập và làm theo tấm gương đạo đức cách mạng của Bác Hồ mà toàn Đảng, toàn dân ta đang tiến hành sôi nổi và rộng khắp.

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

TỪ KÝ ỨC TUỔI THƠ...

Tôi xin được dành những trang đầu của cuốn sách này để ghi lại một số kỷ niệm từ tuổi thơ về Bác Hồ và Bác Tôn - hai vị lãnh đạo kính yêu của dân tộc ta. Quả thật, đó là những kỷ niệm không bao giờ phai mờ trong tâm trí tôi, trái lại, theo năm tháng của cuộc đời, càng trở nên sống động. Một người bạn Đức, chị Eltje Aderhold, tiến sĩ luật, từng là Bí thư Thứ nhất phụ trách văn hoá và pháp lý của Đại sứ quán Đức tại Việt Nam, có lần tâm sự với tôi: *“Trong tuổi thơ của mình, tôi đã được chứng kiến phong trào biểu tình phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam, nổi lên mạnh mẽ ở Cộng hoà Liên bang Đức. Tôi thường xuyên được đọc, được nghe thấy ba tiếng “Hồ Chí Minh” ở khắp mọi nơi. Tôi cũng được nhiều lần trông thấy chân dung và các hình ảnh của Người. Trên báo chí, trên truyền hình và tại các cuộc biểu tình ngoài đường phố, tới mức lúc đó đối với tôi, một đứa trẻ Đức, chỉ có hai nhân vật trở thành huyền thoại: một là ông già Noel, hai là Bác Hồ!”*.

Với tôi và các bạn cùng trang lứa, 148 thiếu nhi từ 9 đến 14 tuổi - đều là con em cán bộ từ khắp đất nước được Bác Hồ và Nhà nước gửi sang Cộng hoà Dân chủ Đức học tập, qua nhiều lần được gặp Bác Hồ và Bác

Tôn, hai Bác cũng là những hình ảnh gần gũi, thân mật như những người ông kính yêu trong gia đình. Thật vinh dự và tự hào, chỉ trong vòng 7 năm, từ 1955 đến 1962, chúng tôi đã ba lần được đón Bác Hồ, ba lần đón Bác Tôn, ở trong nước và cả trên đất bạn xa xôi...

Sự gần gũi, thân mật và sự hấp dẫn, lôi cuốn của hai Bác đã tạo trong lòng tôi những ấn tượng sâu sắc, và như đã nói, ngày một thêm sống động.

Từ lòng kính yêu và biết ơn, trên những chặng đường đời của mình, tôi đã say mê đọc và tìm hiểu cuộc đời của Bác Hồ, Bác Tôn - qua sách báo, phim ảnh và những hồi ức của các nhà lãnh đạo, những người từng công tác với hai Bác và giúp việc hai Bác. Từ những tư liệu sưu tầm được, tôi thấy có một đề tài đáng được quan tâm và thể hiện, đó là tình bạn gần gũi, thân thiết và cao cả giữa Bác Hồ và Bác Tôn.

Vâng, thuở ấy, còn ở tuổi ấu thơ, tôi nào biết được giữa hai nhà yêu nước đã biết tên nhau từ thập kỷ thứ hai của thế kỷ, rồi gắn bó cùng nhau, sát cánh bên nhau làm việc từ năm 1946 - tức là vào cái năm các bạn nhỏ nhất của chúng tôi cất tiếng khóc chào đời!

Bây giờ, những bạn nhỏ tuổi nhất ấy cũng đã ngoài 60. Và như vậy, tình bạn giữa Bác Hồ và Bác Tôn, cho đến nay cũng được gần một thế kỷ! Càng lớn lên, tuổi nhiều hơn, chúng tôi càng trân trọng những kỷ niệm ngày xưa của mình. - Ôi, những kỷ niệm đẹp đẽ, nên thơ mà hôm nay tôi không thể không kể lại, dạng góp phần nhỏ mọn vào pho hồi ức lớn lao của nhiều thế hệ về hai Bác kính yêu...

*

* *

Từ ký ức tuổi thơ...

Tháng 8 năm 1955, trong thời gian chúng tôi chuẩn bị lên đường sang nước bạn, một buổi tối, thật bất ngờ, chúng tôi được bác Hoàng Quốc Việt tới thăm. Lúc đó, bác Việt là Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Bác mặc sơ mi trắng dài tay, cài cả cúc cổ. Trên sân trường phổ thông Chu Văn An - nơi chúng tôi tập trung - bác Việt đã nói về tình hình nước nhà, nhắc nhở chúng tôi cố gắng học tập để mai kia về nước trở thành những người thợ, những cán bộ kỹ thuật giỏi, góp phần xây dựng đất nước. Cuối cùng, bác tươi cười hỏi:

- Trước khi lên đường, các cháu chuẩn bị đã tốt chưa? Các cháu có nguyện vọng gì không?

Không ai bảo ai, chúng tôi đều chung ước muốn được đi thăm Bác Hồ.

Một bạn đứng dậy thưa:

- Chúng cháu rất tha thiết được gặp Bác Hồ kính yêu.

Bác Việt gật đầu và vui vẻ nói:

- Tôi sẽ báo cáo với Bác Hồ. Có điều là, Bác vừa ở nước ngoài về nên rất bận, không biết Người có thu xếp được thời gian cho các cháu vào thăm không...

Thật may mắn, tối hôm sau, khi thầy trò chúng tôi đang xem kịch ở rạp Hồng Hà thì một cán bộ của Bộ Giáo dục đến báo tin là 7 giờ sáng hôm sau các thầy, các em và cán bộ, công nhân viên được vào Phủ Chủ tịch thăm Bác Hồ. Ngay tối đó, sau khi xem kịch về, các thầy đã dạy chúng tôi một bài hát mới. Lời bài hát có những câu như:

“Bác Hồ ơi, Bác Hồ ơi...”

Chúng cháu sướng vui là nhờ Bác Hồ...”

Chúng tôi cố gắng tập hát thật tốt, mong sao Bác hài lòng. Sau buổi tập hát, chúng tôi nghe các thầy dặn, về tổ chuẩn bị quần áo thật đẹp, sạch sẽ, khăn quàng đỏ, giày dép... Mọi ngày, chúng tôi còn chuyện trò, chơi tú-lơ-khơ đến tận khuya nhưng hôm nay ai cũng mắc màn đi ngủ đúng giờ. Tuy vậy, trong lòng chúng tôi rất hồi hộp vì mơ ước lớn nhất của đời mình sẽ trở thành hiện thực vào sáng ngày mai.

Từ trường Chu Văn An, chúng tôi đi tắt sang vườn Bách Thảo, sửa lại quần áo, khăn quàng thật chỉnh tề và đi theo hàng hai vào Phủ Chủ tịch. Tôi thấy đoàn chúng tôi chưa bao giờ đẹp và trật tự như vậy. Trong tháng qua, chúng tôi cũng đi hàng đôi, tay nắm tay, qua các phố phường, nhưng có phần tự do, thoải mái, lộn xộn hơn. Những gương mặt trẻ thơ hôm nay có vẻ trang nghiêm hơn do sự kiện trọng đại sắp đến.

Chúng tôi được đưa vào phòng lớn, ngồi đợi Bác kính yêu, lòng rạo rức không sao tả xiết. Chỉ 5 phút sau, cửa chính mở, Bác xuất hiện, chúng tôi sung sướng quá, bật đứng dậy, reo to: "*Bác Hồ muôn năm! Bác Hồ muôn năm!*" - Bác vẫy tay, rồi ra hiệu cho phép ngồi xuống, nhưng chúng tôi vẫn vỗ tay và hát vang lời ca: "*Bác Hồ ơi, Bác Hồ ơi, chúng cháu vui mừng vui...*"

Có đến 10 phút sau mới yên lặng. Bác ngồi bên một bàn lớn ở giữa phòng, cách hàng thứ nhất của chúng tôi độ hai mét. Trong giờ phút ấy, một ý nghĩ vụt qua đầu tôi: tôi nhớ đến các bạn tôi ở quê nhà, khi trở về quê hương, tôi sẽ kể cho các bạn nghe những gì diễn ra trong sáng nay.

Bác triu mến nhìn chúng tôi suốt lượt, rồi thông thả nói:

Từ ký ức tuổi thơ...

- Chú Hoàng Quốc Việt đã đến thăm các cháu và căn dặn các cháu nhiều rồi. Bây giờ các cháu sắp lên đường sang nước bạn học tập, Bác muốn nhắc các cháu một điều: Các cháu phải nhớ rằng, các cháu được đi học như thế này là một dịp may mắn, một vinh dự đặc biệt. Có đúng không?

Tất cả chúng tôi đồng thanh đáp lại Bác:

- Vâng ạ!

Bác lại hỏi:

- Vậy là nhờ đâu? - Lần này, Bác không đợi trả lời mà nói luôn - Đó là nhờ nhân dân ta anh dũng đánh giặc ngoại xâm, được nhân dân các nước anh em, bầu bạn yêu mến. Nhân dân Đức anh em thương yêu thiếu nhi Việt Nam, muốn giúp nhân dân ta nuôi dưỡng các cháu ăn học thật tốt để sau này phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân! Các cháu không bao giờ được quên công ơn to lớn của nhân dân ta, của nhân dân nước bạn... Các cháu nhớ lời Bác dặn chứ?

- Vâng ạ! - Lại một tiếng đồng thanh đáp vang cả căn phòng lớn.

Bác nói tiếp:

- Miền Bắc nước ta vừa mới được giải phóng hơn một năm. Công cuộc khôi phục lại đất nước còn rất nhiều khó khăn, gian khổ. Đời sống nhân dân ta thiếu thốn trăm bề. Các cháu cần luôn luôn nhớ rằng: Các bạn ở nhà còn vất vả lắm, không được may mắn như các cháu. Được như vậy các cháu càng phải chăm chỉ học tập, tu dưỡng đạo đức cho tốt để khỏi phụ lòng nhân dân và các bạn ở nhà.

Bác dừng lại một lát, nhìn chúng tôi rồi hỏi tiếp:

- Bác được biết, trong số các cháu, có nhiều cháu là người miền Nam. Nào, cháu nào là miền Nam thì giờ tay Bác xem nào...

Các bạn miền Nam lần lượt đứng dậy:

- Thưa Bác, cháu ạ... cháu ạ!

Bác vui vẻ gật đầu:

- Có đến gần một nửa nhĩ! Tốt lắm. Các cháu hãy luôn luôn nghĩ đến quê hương miền Nam mà học cho giỏi để mai kia trở về xây dựng quê hương miền Nam yêu quý của chúng ta. Theo Hiệp định Giơnevơ, một năm nữa sẽ tiến hành tổng tuyển cử, thống nhất nước nhà. Nhưng các thế lực đế quốc và tay sai đang ra sức phá hoại Hiệp định ấy. Cho nên, việc học tập tốt của các cháu cũng là góp phần đấu tranh thống nhất nước nhà. Làm được như vậy, các cháu sẽ xứng đáng với quê hương, với ba má và bà con mình đang anh dũng chiến đấu cho sự nghiệp chung của đất nước...

Như một người ông vô cùng kính yêu, với giọng nói ấm áp, ôn tồn, Bác căn dặn chúng tôi phải luôn nghĩ đến quê hương, đến miền Nam ruột thịt. Giờ đây, nhớ lại lời Bác, chúng tôi càng hiểu tấm lòng yêu thương của Bác đối với nhân dân, đối với miền Nam thật là sâu nặng. Cả đời Người đã chiến đấu cho nhân dân, cho sự nghiệp thống nhất của Tổ quốc.

Bác còn căn dặn chúng tôi những điều rất tỉ mỉ, từ việc ăn uống trên tàu, đến việc tiếp xúc, xử sự với người nước bạn:

- Các cháu hãy thi đua với nhau, thi đua giữa tổ này với tổ khác, giữa lớp này với lớp khác, giữa cháu này với cháu khác. Bác gửi cho đoàn 20 huy hiệu của Bác. Cháu nào gương mẫu nhất trên suốt chuyến đi sẽ

Từ ký ức tuổi thơ...

được thưởng huy hiệu của Bác. Số còn lại để làm công tác đối ngoại, nghĩa là tặng một số giáo viên nước bạn.

Cả phòng vỗ tay sung sướng, tưởng như bạn nào cũng muốn được thưởng huy hiệu Bác Hồ. Bác đứng dậy, bước đến hàng thứ nhất, xoa đầu những bạn nhỏ nhất. Bác lại nhìn ra cả gian phòng, nói:

- Các cháu lên đường, sẽ xa Bác, xa gia đình, cha mẹ, họ hàng thân thích, xa bạn bè, nhưng đừng lo, Bác và nhân dân cùng gia đình các cháu luôn luôn bên cạnh các cháu. Các thầy, cô, các cán bộ, nhân viên Đức sẽ coi các cháu như con em trong nhà và giúp các cháu học tập tốt.

Bác cũng nói đến những đức tính tốt của nhân dân Đức mà chúng tôi cần học tập, đó là tính kỷ luật, tính kế hoạch và sự cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất và tinh thần tiết kiệm.

Trước khi chia tay, Bác còn cho mỗi cháu một khăn quàng len và gói kẹo. Chúng tôi thật sung sướng được nhận quà của Bác. Sau đó Bác còn cho chụp ảnh kỷ niệm với Bác trước cửa chính của Phủ Chủ tịch.

*

* *

Chỉ hơn ba tháng sau khi tới Đức, ngày 6-1-1956, chúng tôi được đón Bác Tôn Đức Thắng đến thăm tại trường Kathe-Kollwitz ở ngoại ô thành phố Dresden. Thật là một niềm vui bất ngờ. Dịp ấy, Bác Tôn thay mặt Bác Hồ và Nhà nước ta sang Béclin chúc thọ Cụ Vinhem Pích - vị Chủ tịch đầu tiên của Nhà nước Đức công nông tròn 80 tuổi vào ngày 3-1.

Trong nước, Bác Hồ có bài viết đăng báo *Nhân dân* nhan đề “*Lời chúc thọ Chủ tịch Vinhem Pích*”. Sau khi ca ngợi cuộc đời cách mạng oanh liệt và những cống hiến to lớn của Cụ Vinhem Pích đối với nhân dân Đức và nhân dân thế giới, Bác Hồ viết: “*Nhân dân lao động thế giới rất quý trọng, yêu mến đồng chí Vinhem Pích. Để chúc thọ Người, Liên Xô đã phái đồng chí Vôrôsilốp, Trung Quốc đã phái đồng chí Chu Đức, đều là những vị cách mạng lão thành. Nhân dân ta cũng vinh dự cử Cụ Tôn Đức Thắng là một đồng chí già nhất trong Đảng Lao động Việt Nam sang mừng thọ đồng chí Vinhem Pích...*”.

Ngay sau lễ mừng thọ Cụ Vinhem Pích, Bác Tôn đã về thăm trường chúng tôi. Buổi sớm ấy, trời lạnh. Bác Tôn khoác chiếc áo măng tô da màu xám, cổ quàng khăn len sọc, đội mũ ấm, bước những bước chắc nịch, tiến thẳng vào hội trường lớn của nhà trường. Cùng đi với Bác có bà thứ trưởng Bộ Giáo dục Đức, một số cán bộ giúp việc Bác, các vị khách Đức và các thầy trong Ban giám hiệu. Khi Bác xuất hiện trước cửa, cả trường chúng tôi nhất loạt đứng dậy vỗ tay kính chào Bác. Trước mặt chúng tôi, Bác Tôn mỉm cười và thân ái vẫy tay. Chúng tôi đứng dậy vỗ tay chào mừng Bác khá lâu. Rồi, thầy Hiệu trưởng, trong bộ lễ phục rất sang trọng, trên ngực có những cuống huân chương, huy chương, thay mặt nhà trường trân trọng kính chào Bác Tôn Đức Thắng và giới thiệu những người cùng đi với Bác.

Cả hội trường trở lại im lặng. Hàng ghế đầu dành cho các vị khách quý và các thầy cô giáo. Tôi lặng lẽ ngắm Bác Tôn, gương mặt gầy, tóc cắt ngắn đã bạc

trắng. Câu đầu tiên Bác Tôn nói với chúng tôi là câu hỏi khá bất ngờ:

- Trước khi sang đây, các cháu đã được gặp Bác Hồ. Các cháu nhớ Bác Hồ nhiều không?

- Thưa Bác, nhớ nhiều ạ! - Câu trả lời vang dội cả hội trường.

Bác mỉm cười:

- Trước hết, Bác chuyển lời thăm hỏi ân cần của Bác Hồ tới tất cả các giáo viên, các cán bộ người Đức và người Việt, tới tất cả các cháu!

Chúng tôi đứng dậy, vỗ tay trong niềm vinh hạnh. Chúng tôi cảm thấy ở Bác Tôn hình ảnh, bóng dáng của Bác Hồ. Và, ở cạnh Bác Tôn, chúng tôi như được gần Bác Hồ hơn rất nhiều. Có thể nói, từ giờ phút ấy, trong trái tim tôi cũng như các bạn tôi, hình ảnh Bác Hồ, Bác Tôn cùng in đậm nét. Cảm động biết bao, khi mà biết rằng, giữa trăm nghìn công việc, Bác Hồ vẫn nhớ đến thầy trò chúng tôi, đã nhờ Bác Tôn chuyển lời thăm hỏi ân cần và yêu thương nhất.

Bác Tôn nhiệt liệt cảm ơn các giáo viên và cán bộ người Đức về sự nuôi dạy tận tình, chu đáo đối với các cháu học sinh Việt Nam ở đây.

Bằng giọng miền Nam, chậm rãi, ấm áp và dễ hiểu, Bác Tôn tươi cười nói với chúng tôi:

- Bác mới đi xa đất nước một thời gian ngắn mà nhớ lắm. Được đến với các cháu hôm nay, Bác đỡ nhớ rất nhiều!

Rồi Bác nhắc chúng tôi cố học cho giỏi, thành tài để xứng đáng với công lao dạy dỗ tận tình của các thầy, cô giáo và cán bộ, công nhân viên người Đức, sau này trở về Tổ quốc phục vụ nhân dân cho tốt:

Nói chuyện với chúng tôi, Bác Tôn không đề cập những gì to tát mà diễn đạt mọi điều thật giản dị, như người ông với các cháu nhỏ của mình. Giản dị mà vui, ấm cúng, Bác bảo:

- Các cháu cố mà học. Xưa kia, Bác cũng *thêm* học lắm, nhưng đâu có được yên ổn mà học? Do nghèo khổ, bị áp bức thì làm cách mạng, tin rằng rồi sẽ có ngày được sung sướng, mình chưa được sung sướng thì con cháu mình sẽ sung sướng. Nhìn thấy các cháu hôm nay, Bác vui lắm, mừng lắm, vì ước mơ của mình đã thành hiện thực một phần rồi đấy...

Sau khi nghe một bạn đại diện cho chúng tôi báo cáo với Bác về thành tích học tập, rèn luyện trong ba tháng vừa qua, Bác tỏ ý hài lòng và đặc biệt khen ngợi những bạn đã được tặng thưởng *Huy hiệu Bác Hồ*. Bác nói tiếp:

- Thời gian hãy còn quá ngắn, thành tích vừa qua mới là bước đầu. Muốn học tốt, các cháu phải giỏi tiếng Đức. Đây là phương tiện rất quan trọng để tiếp thu kiến thức. Không giỏi tiếng thì không thể học gì được. Đó là khó khăn lớn nhất của các cháu. Cố mà vượt qua. Hy vọng có dịp trở lại thăm các cháu, Bác sẽ được nghe các cháu nói tiếng Đức thật giỏi...

Bác Tôn ân cần nhắc nhở, căn dặn như thế, từng lời Bác thấm vào tâm trí chúng tôi.

Giữa trời giá rét, lại vừa từ Béclin về, Bác không quản mệt nhọc, đã đi thăm các cơ sở trong trường, từ lớp học, nhà bếp, trạm xá đến các phòng sinh hoạt của từng nhà. Bác đi thoăn thoắt, mặc dù Bác đã gần 70 tuổi và đã trải qua một cuộc đời đầy gian lao, vất vả. Tôi còn nhớ, từ phía trạm xá, Bác đi thẳng vào nhà 8,

thăm từng phòng. Phòng sinh hoạt của tổ tôi treo chân dung Bác Hồ, Bác Tôn, Bác Hoàng Quốc Việt và Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Các chân dung này đều tô màu rất đẹp. Lúc ấy tôi đang đứng phía dưới chân dung Bác Tôn. Bác từ từ bước đến chỗ tôi, hai tay đặt lên vai tôi, rồi vừa chỉ tay lên ảnh Bác, sau đó chỉ vào ngực tôi:

- Cháu thấy *cái kia* hay *cái này* đẹp hơn? Chắc là cái kia đẹp hơn cháu nhỉ?

Tôi lễ phép thưa với Bác:

- Dạ, thưa Bác, Bác trong ảnh và ở ngoài đều đẹp ạ!

Bác chỉ cười, không nói gì, vui vẻ bước sang phòng khác...

Bác Tôn còn ở lại Cộng hoà Dân chủ Đức ba tuần lễ, và thăm một số cơ sở kinh tế, lịch sử, văn hoá vừa tìm hiểu kinh nghiệm về mọi mặt ở nước bạn. Bác đã cùng các nhà lãnh đạo của nước bạn đến đặt vòng hoa lên mộ nhân kỷ niệm ngày hy sinh của Karl Liebknecht và Rosa Luxemburg, hai vị lãnh tụ anh hùng của giai cấp công nhân Đức; thăm thành phố mang tên Karl Marx - nơi có phong trào ủng hộ Việt Nam mạnh mẽ nhất; thăm trại giam Buchenwald - nơi tập trung giết người khét tiếng của phát xít Hitler trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Cũng tại đây, Bác Tôn kính viếng hương hồn đồng chí Ernst Thaelmann, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đức, một trong những người bạn thân thiết nhất của Bác Hồ thời kỳ hoạt động bí mật, đã bị sát hại chỉ một thời gian rất ngắn trước ngày giải phóng. Không xa trại tập trung Buchenwald là thành phố Weimar cổ kính, giàu truyền thống văn hoá, nơi có các nhà lưu niệm, của đại thi hào Goethe và nhà viết

kịch lỗi lạc Schiller và hàng chục lâu đài với hàng trăm năm tuổi xây bằng đá xám xịt, đủ các tượng người đội tuyết trắng long lanh. Tại hầm ngôi mộ của Goethe và Schiller có một câu chuyện về Bác Tôn mà các bạn Đức còn truyền mãi: Một đêm đông năm 1882, khi thi hào Goethe 83 tuổi hấp hối trên giường đã luôn miệng gào: *“Hãy đem tới cho ta ánh sáng, nhiều ánh sáng hơn nữa!”*. Khi nghe xong câu chuyện, Bác Tôn đã thân mật hỏi người bác sĩ cùng đi:

- Anh làm bác sĩ, giải thích tại sao người sắp chết cứ đòi ánh sáng?

Người bác sĩ chưa tìm ra câu trả lời thì Bác Tôn vỗ vai bác sĩ chậm rãi nói:

- Trí thức dù lớn đến cỡ nào, học vấn uyên thâm quảng đại bao nhiêu, mà chưa được ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin soi đường, thì mãi mãi vẫn mò đi trong đêm tối!

Sau này, là phóng viên Thông tấn xã Việt Nam tại Đức, tôi có nhiều dịp vào Cục Lưu trữ của Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức khai thác tài liệu để viết sách, viết báo, tôi đã được xem một loạt ảnh quý về chuyến đi Đức lần ấy của Bác Tôn, đồng thời đã đọc và chép lại toàn văn bức thư của Bác Hồ đề ngày 3-12-1955 giới thiệu Bác Tôn với lãnh đạo Đảng và Chính phủ Cộng hoà Dân chủ Đức và toàn văn bức thư đề ngày 4-12-1955 của Tổng Bí thư Trường Chinh gửi Ban Chấp hành Trung ương Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức đề nghị tạo điều kiện để Bác Tôn tìm hiểu các kinh nghiệm về công tác Đảng và về mối quan hệ giữa hai miền Đông và Tây Đức.

Chiều 18-1-1956, qua Đài Phát thanh Mátxcơva, buổi tiếng Việt, chúng tôi đã được nghe lời phát biểu của Bác Tôn nhân sang Liên Xô nhận *Giải thưởng Xtalin về sự nghiệp hoà bình và tình hữu nghị giữa các dân tộc*:

“Chỉ biết rằng, mặc dù tôi đã hiểu rõ từ trước mối tình hữu nghị Việt - Đức thật là thân thiết với nhau, hai dân tộc Việt - Đức thông cảm sâu sắc với nhau, nhưng những cử chỉ cao quý tôi đã được trực tiếp trông thấy, những lời nói giàu tình cảm tôi đã trực tiếp nghe thấy khiến cho tôi phải cảm động đến nghẹn ngào. Và còn cảm động mỗi khi nghĩ rằng đó là bài học cho nhân dân Việt Nam chúng tôi về tinh thần Quốc tế kết hợp với lòng yêu nước!”⁽¹⁾

*

* *

Bác Tôn về nước được một thời gian thì chúng tôi lại hân hoan nhận thư Bác Hồ. Đối với tôi, sự kiện này dù đã cách đây nửa thế kỷ - dường như vừa xảy ra hôm qua. Tôi nhớ như in cái buổi tối nghe thư Bác, mọi người chúng tôi reo hò trong niềm phấn khởi vô hạn. Ôi! Bác kính yêu ngày đêm lo nghĩ biết bao điều quan trọng của đất nước mà vẫn quan tâm tới chúng tôi, chúng tôi đâu có dám nghĩ được hưởng niềm vinh dự lớn lao này! Qua giọng đọc đầy xúc động của thầy trưởng đoàn giáo viên và học sinh Việt Nam, chúng tôi nghe như nuốt từng câu, từng chữ trong thư Bác Hồ:

“Thư gửi các cháu giáo viên, học sinh và thiếu nhi Việt Nam học tại nước Cộng hoà Dân chủ Đức.

Trích bài phát biểu này đăng trên báo *Nhân dân*, số ra ngày 22-1-1956.

Nhân dịp Nguyên đán Bính Thân, Bác thay mặt Đảng và Chính phủ thân ái gửi lời chúc các cháu năm mới. Ở nhà năm nay đồng bào đang thi đua thực hiện kế hoạch Nhà nước về kinh tế và văn hoá.

Các cháu được Đảng, Chính phủ và nhân dân nước bạn giúp ăn học; Bác mong các cháu đoàn kết, thân ái giữa các cháu và giữa các cháu với anh chị em nước bạn, thi đua học tập và giữ gìn sức khoẻ.

Bác hôn các cháu.

Mồng một Tết Bính Thân

HỒ CHÍ MINH”

Chúng tôi đã nắn nót chép thư Bác Hồ vào sổ Đội viên và học thuộc bức thư này. Năm đó, chúng tôi được đón tết cổ truyền trong tình thương và sự triu mến thật sự của Bác Hồ và Bác Tôn kính yêu. Sau Tết, Ban lãnh đạo nhà trường và Ban phụ trách Liên đội thiếu nhi đã lập chương trình cho chúng tôi học tập thư Bác Hồ và nêu quyết tâm thi đua thực hiện những lời dạy của Bác Hồ, Bác Tôn. Có thể nói rằng, mỗi chúng tôi, qua những cuộc học tập như thế, những cuộc thi như thế, đều trưởng thành rõ rệt trong phấn đấu, tu dưỡng về mọi mặt. Và, sau hai năm xa Tổ quốc, chúng tôi đã có thể báo cáo lên Bác Hồ những thành tích mới, khi được đón Bác đến thăm trường gần trọn một ngày ở nước bạn.

Đó là ngày 29-7-1957. Dịp ấy, Bác đi thăm hữu nghị chính thức một loạt nước anh em, riêng Cộng hoà Dân chủ Đức là từ ngày 25-7 đến 1-8. Hôm đầu tiên, tới Béclin, lễ tân của Bạn đã báo cáo và xin ý kiến của Người về chương trình hoạt động trong bảy ngày ấy. Bác hoàn toàn nhất trí với kế hoạch của Bạn,

Từ ký ức tuổi thơ...

chỉ đề nghị bổ sung hai điểm: một là, chiều 25-7, Bác đến thăm Chủ tịch Vinhem Pích lúc này đang mệt tại nhà riêng và hai là khi về thành phố Dresden, thu xếp để Bác đến thăm trường chúng tôi. Sau này, ông Fritz Lange, Đặc phái viên đặc biệt của Bác, kể lại rằng, Bác Hồ đã tỏ ra rất nhớ các em học sinh Việt Nam, Bác bảo *“Dù bận thế nào, tôi cũng phải được thăm các cháu của tôi”*.

Cách đây ba năm, về thăm lại trường cũ, tôi được nhìn thấy tảng đá lớn dựng trước cửa trường có khắc dòng chữ: *“Tại đây, tháng 7 năm 1957, các em học sinh Việt Nam từng theo học tại trường Kathe - Kollwitz một thời gian đã đón chào Chủ tịch Hồ Chí Minh”*.

Bên tảng đá ấy, các cô giáo Ruth và Maria đã cùng chúng tôi hát bài *“Rừng Việt Bắc in bóng Người Cha yêu dấu”* và cùng nhau ôn lại những giờ phút đáng ghi nhớ nhất của đời mình.

Ngày ấy, khi được thông báo Bác về thăm trường, lòng chúng tôi náo nức lạ thường. Chúng tôi xin nhà trường rút ngắn thời gian nghỉ hè ở Zwota để dọn dẹp trường sở, các ngã đường, sân bãi, chuẩn bị văn nghệ và là biểu ngữ với đủ màu sắc để đón mừng Bác. Nhà trường cho xây dựng một lễ đài trên sân, treo bức vẽ chân dung rất lớn của Bác, ở giữa Quốc kỳ và Quốc huy hai nước. Được chứng kiến không khí tưng bừng chuẩn bị cho ngày đón Bác dưới mái trường Moritzburg, một số vị khách từ trong nước sang cũng chia vui cùng chúng tôi. Một vị nói: *“Được gặp Bác Hồ ở trong nước đã là một vinh dự to lớn, được gặp Bác ở nước ngoài thì vinh dự đó, may mắn đó càng đặc biệt”*.

Thật vậy, từ hai năm nay, học tập và sinh hoạt trên đất nước bạn, chúng tôi không nghĩ rằng sẽ có một ngày Bác Hồ tới đây, giữa vùng ngoại ô yên tĩnh này. Bác đã đi năm châu bốn biển, đã hoạt động cách mạng trên khắp các châu lục, nhưng lại có ngày Người đặt chân lên mảnh đất đã trở thành “quê hương thứ hai” của chúng tôi! Mới hơn một năm trước đây thôi, Bác Tôn đã đến thăm, đã đi trên mảnh đất này! Đó là chưa kể tới những giờ phút quây quần bên các vị đại biểu, các nhà khoa học từ trong nước sang như: Nguyễn Khánh Toàn, Trần Huy Liệu, Nguyễn Tạo, Lê Thị Xuyến, Phan Anh, Nguyễn Công Hoà, Vũ Đại, Tôn Thất Tùng... Tất cả các vị đã mang đến cho chúng tôi tình cảm yêu thương nồng ấm của Tổ quốc, nhân dân và gia đình.

Nhớ lại hai năm trước, ở Hà Nội, tại Phủ Chủ tịch, Bác Hồ đã an ủi, động viên chúng tôi, như người ông với đàn cháu nhỏ: *“Các cháu lên đường, sẽ xa Bác, xa gia đình, cha mẹ, họ hàng thân thích, xa bạn bè, nhưng đừng lo, Bác và nhân dân cùng gia đình các cháu luôn luôn bên cạnh các cháu”*. Giờ đây, Bác - vị lãnh tụ vĩ đại, người ông vô cùng kính yêu - sắp về thăm chúng tôi! Thật sung sướng nào bằng!

Tôi có cảm tưởng thời gian như đang trôi chậm lại.

Rồi cái ngày chúng tôi mong đợi từng giờ, từng phút ấy cũng đã đến. Đây thực sự là một ngày hội lớn của 500 học sinh, sinh viên chúng tôi. Ngày 29 này, không chỉ các công dân trẻ tuổi Việt Nam mà cả các thầy, cô giáo người Đức với các thành viên trong gia đình, các bạn học sinh các nước khác như: Trung

Từ kỷ ức tuổi thơ...

Quốc, Triều Tiên, và Đức cũng mặc những bộ quần áo đẹp nhất để về đây chào đón Bác Hồ.

Làng Moritzburg hôm nay như rộn rịp hẳn lên, bầu trời và mặt hồ bên lâu đài như cũng xanh hơn, mát hơn. Ai có thể tưởng tượng được rằng, bên lâu đài Moritzburg - nơi ngày xưa vua chúa ăn chơi, săn bắn, lại có một ngày chứng kiến các công dân trẻ tuổi của một nước Á Đông lại sum vầy đón tiếp vị nguyên thủ quốc gia của mình. Bản thân tôi, tuy còn bé, trong giờ phút ấy đã cảm xúc rất nhiều, suy nghĩ rất nhiều.

Tôi nghĩ về cuộc gặp Bác lần đầu ở Hà Nội, đến bức thư Người gửi vào dịp Tết Bính Thân (1956); đến những lời thăm hỏi của Người do Bác Tôn chuyển đến trong ngày đầu năm ngoài. Và mới đầu năm nay, nhân dịp Tết Đinh Dậu, Bác gửi thư chúc Tết sinh viên, học sinh và thiếu nhi ta đang học ở nước Bạn. Đó là những kỷ niệm rất đặc biệt.

*

* *

Khi thấy đoàn xe tháp tùng Bác từ từ lăn bánh trên con đường August Bebel, tiến vào cổng trường, mấy trăm con người vô cùng sung sướng reo lên, tay tung cờ, hoa và bóng bay đủ màu chào đón Bác. Bác xuống xe, hỏi ngay bằng tiếng Đức: "*Wo ist mein Freund Otto Buchwitz?*" (Có nghĩa là: Ông bạn Otto Buchwitz của tôi đâu?). Người khoác tay ông Otto Buchwitz, cùng vào sân trường. Một số bạn của chúng tôi được dâng hoa lên Bác và các vị cùng đi.

Bước lên lễ đài, Bác vẫy tay, tươi cười nhìn các cháu. Tiếng vỗ tay, tiếng reo hò càng vang lên tưởng không bao giờ dứt. Bác ra hiệu cho các cháu tạm im

lặng, nhưng các cháu vẫn không ngớt reo hò: “*Bác Hồ muôn năm!*”, “*Bác Hồ muôn năm!*”. Trên lễ đài có một chiếc ghế danh dự dành cho Bác, nhưng Người đã trân trọng mời ông Buchwitz ngồi vào đó. Ông Buchwitz từ chối, ông ngồi vào chiếc ghế bên cạnh, nhưng Bác Hồ đã mời bằng được. Chừng như tiếng reo có lắng xuống phần nào khi Bác Hồ bước đến trước micrô và tươi cười nói với các cháu của mình:

- Các cháu có biết đồng chí Buchwitz là ai không? Suốt cả đời mình, ông đã tận tụy cống hiến cho nhân dân lao động Đức và nay 78 tuổi rồi, ông vẫn hoạt động, đặc biệt là vẫn chăm lo cho các cháu đấy.

Nghe thấy vậy, chúng tôi lại vỗ tay nhiệt liệt. Ông Buchwitz rất xúc động. Sau này tôi mới được biết rõ ông là một lãnh tụ của giai cấp công nhân Đức, đã dũng cảm chiến đấu chống bọn phát xít và bị chúng hành hạ nhiều năm trong nhà tù cho đến ngày giải phóng. Ông có công lớn trong việc thống nhất lại các chính đảng của công nhân, trở thành Thủ tướng đầu tiên và Chủ tịch Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức tại bang Sachsen (Xắcxông); và là đại biểu Quốc hội cao tuổi nhất của Cộng hoà Dân chủ Đức.

Tiếp đó, Bác Hồ giới thiệu những người cùng đi. Bác chỉ tay về phía viên thiếu tướng và viên đại tá:

- Hai chú mặc quân phục rất đẹp kia là sĩ quan cao cấp của Công an nhân dân Đức đấy. Các chú ấy có nhiệm vụ bảo vệ Bác và bảo vệ cả các cháu nữa!

Chúng tôi lại vỗ tay sung sướng. Đến lượt chú Hummeltenberg, Bác giới thiệu:

Từ ký ức tuổi thơ...

- Còn chú có khổ người to lớn kia thì làm lễ tân. Các cháu có hiểu lễ tân là gì không? Ví dụ, chú ấy có quyền nhắc Bác phải tuân theo giờ ăn, giờ ngủ.

Nghe Bác nói, chúng tôi cảm phục chú ấy lắm, vì chú ấy có quyền to quá, đối với cả Bác Hồ của chúng tôi!

Bác giới thiệu các ông: Fritz Lange, Chủ tịch Ủy ban Thanh tra Trung ương Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, là Đặc phái viên danh dự của Nhà nước Đức tháp tùng Bác. Rudi Jahn, Chủ tịch Hội đồng chính quyền thành phố Dresden. Sau cùng là các thành viên của phái đoàn do Bác dẫn đầu, trong đó có một uỷ viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, hai thành viên Chính phủ và đại biểu lâm thời nước ta tại Cộng hoà Dân chủ Đức.

Tất cả chúng tôi đều sung sướng thấy Bác mạnh khoẻ, hồng hào và rất vui tính. Tôi để ý thấy rằng, có lẽ người xúc động nhất là anh phiên dịch. Vì quá xúc động, đôi chỗ anh dịch không thành câu hoặc sai ý, Bác đã chữa lại cho. Bác ôn tồn khuyên:

- Cháu cứ bình tĩnh dịch. Bình tĩnh là một trong những đức tính cần có của người phiên dịch.

Sau những tiếng cười vui vẻ của mọi người, Bác thân mật thăm hỏi và tỏ lòng cảm ơn đối với các thầy giáo, cô giáo, các nhân viên phục vụ người Đức. Với giọng ấm áp, Bác nói với chúng tôi:

- Hình như các cô, các chú người Đức cưng các cháu lắm đấy, phải không? Nhưng không vì được cưng mà không chăm học, không ngoan ngoãn. Các cháu phải nhớ rằng, các bạn của các cháu trong nước còn khó khăn lắm, không được sung sướng như các cháu đâu.

Các cháu phải biết kính trọng các thầy, cô giáo, các bác công nhân viên, sống giản dị, cố gắng học tập, rèn luyện bản thân để xứng đáng với công lao nuôi dạy của các bạn Đức, với tình cảm cao quý của bác Vinhem Pích, của Đảng, Nhà nước và nhân dân nước bạn...

Lúc này, cả mấy trăm con người hết sức trật tự. Không ai bảo ai, chúng tôi đứng im lặng nghe Bác dạy. Giọng Người chậm rãi, ôn tồn nhưng cũng rất trang nghiêm. Lời Người giản dị, súc tích. Thật ra, điều Bác muốn nói nhất thì mãi sau này tôi mới hiểu ra. Theo lời kể của vị Đặc phái viên danh dự - ông Fritz Lavfe thì có lần Bác nói với ông rằng:

- Tôi không được vui lắm đâu, vì các đồng chí nuông chiều các cháu của chúng tôi ở đây quá. Tôi nghe nói, mỗi cháu có tới 5, 6 đôi giày. Ở nước chúng tôi, không một ai có nhiều giày như vậy đâu. Bố mẹ, anh chị em của các cháu ấy còn rất nghèo. Đi 6, 7 đôi giày nghĩa là chân các cháu không bao giờ bén đất. Được nuông chiều như vậy thì sau này làm sao các cháu thích nghi được với điều kiện sinh hoạt và lao động trong nước? Phải cho các cháu của chúng tôi lúc nào cũng hướng về Tổ quốc, về gia đình để sống và học tập, rèn luyện, phải liên hệ và hiểu được hoàn cảnh của mọi người trong nước...

Ông Đặc phái viên danh dự vội thưa với Bác:

- Ở châu Âu, mỗi em bé trung bình phải có chừng ấy đôi giày, quần áo vì thời tiết bốn mùa rất khác nhau. Lại còn phải có giày thể thao, giày đi trong nhà...

Bác lắc đầu:

Từ kỷ ức tuổi thơ...

- Đã đành là như vậy. Nhưng chúng ta đừng quên rằng, một ngày nào đó, mà cũng rất gần thôi, *các cháu của tôi* lại trở về Tổ quốc. Các cháu sẽ sống và làm việc với những người ở Việt Nam kia mà! Cho nên, phải giáo dục cho các cháu đức tính giản dị, cần cù, khiêm tốn, không được đòi hỏi, yêu sách gì cả. Dù ở xa, các cháu vẫn là thành viên của một dân tộc còn phải lao động và đấu tranh gian khổ rất nhiều...

Đấy, điều Bác quan tâm nhất là ở đó! Người bận trăm công nghìn việc, nhưng Người vẫn lo toan cho chúng tôi, đến tập thể nhỏ này, đến từng lứa tuổi, từng con người! Những lời nói của Người hôm đó đã được ghi lại và suốt mấy năm sau đó, hàng tuần nhà trường phát lại cho chúng tôi nghe.

Một chương trình văn nghệ đã được trình diễn chào mừng Bác và các vị cùng đi. Mở đầu, chúng tôi hát bài "*Người về là chiến thắng*", ca ngợi công lao của Bác Hồ vĩ đại. Rồi đến những điệu múa rất uyển chuyển như điệu "*Múa nón*", những bài dân ca Đức như "*Tình bạn chân chính không thể chuyển lay*"...

Đáp lại lòng mong ước của chúng tôi, Bác đã chụp ảnh kỷ niệm với các nhóm học sinh. Ban tổ chức chia làm 15 nhóm để ai cũng có ảnh chung với Bác.

Chụp ảnh xong, Bác đi thăm một số lớp học, nhà bếp, bệnh xá, phòng ngủ và cả những khu vườn mà chúng tôi thường ngày cuốc đất trồng rau, trồng hoa. Một bạn sung sướng được dâng lên Bác bó hoa đẹp và củ su hào rất to do bạn chăm sóc.

Tiếp xúc với Ban lãnh đạo nhà trường, Bác Hồ nói như tâm sự:

- Ở thành phố Dresden này, người ta còn thấy rõ những dấu vết do sự phá hoại điên cuồng của máy bay Anh - Mỹ đối với thành phố văn hoá và công nghiệp nổi tiếng. Người ta cũng được chứng kiến những biểu hiện của tình đoàn kết anh em đẹp đẽ của Cộng hoà Dân chủ Đức đối với Việt Nam, đối với Triều Tiên...

Người còn nói đến tình cảm của Liên Xô qua việc các chiến sĩ Hồng Quân bảo vệ và tìm lại cho thành phố những bức tranh giá trị mà Bác được xem vào sáng sớm hôm đó.

Bác đã vui lòng viết vào *Sổ vàng* của nhà trường chúng tôi dòng chữ như sau:

“Chúc các thầy giáo, cô giáo, các đồng chí công nhân viên và các cháu vui vẻ, mạnh khoẻ, đoàn kết, tiến bộ.

29-7-57

Hồ Chí Minh”

Nếu như trước ngày Bác Hồ đến, tôi cảm thấy thời gian trôi rất chậm, thì lúc này tôi lại thấy thời gian sao mà đi nhanh thế! Giờ phút chia tay với Bác thật quyến luyến. Chúng tôi quây chặt lấy Người, chỉ muốn Bác ở lại đây mãi mãi. Nhiều bạn đã khóc. Tôi thấy cay cay nơi sống mũi, Bác an ủi:

- Các cháu hãy vui lên. Lần sau Bác cháu ta sẽ gặp lại!

Rồi Người nói với những người Đức đứng gần đó:

- Các đồng chí xem, suốt chín năm trời, thực dân Pháp không tài nào bao vây được Chủ tịch nước Việt Nam; vậy mà lúc này Chủ tịch lại bị các cháu nhỏ của mình quây chặt lấy!

Bác nói tiếp:

Từ ký ức tuổi thơ...

- Trở về nước, tôi sẽ kể cho bố mẹ các cháu và nhân dân chúng tôi về công lao dạy dỗ, nuôi nấng của các bạn Đức đối với các cháu của chúng tôi.

Một sinh viên Triều Tiên nói với người bạn Việt Nam học cùng trường:

- Các bạn thật sung sướng có Bác Hồ. Người cũng là của chúng tôi đấy nhé! Người bạn Việt Nam không nói gì, chỉ gật đầu và lặng lẽ siết chặt tay người bạn một cách triu mến.

Được chứng kiến tất cả những gì diễn ra trong ngày này, thầy Hiệu phó Achiw Hirsch nói với các nhà báo Đức:

- Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà chính trị tuyệt vời đến mức huyền thoại (fabelhaft). Trong đời tôi, tôi chưa hề gặp một con người thân tình, đáng yêu và có thái độ dân chủ đến thế. Tôi sung sướng được Người tặng một Bằng khen có chữ ký của Người.

*

* *

Thực hiện lời Bác Hồ dạy: Học tập và thực tiễn lao động phải kết hợp tốt với nhau, nhà trường không những bố trí chúng tôi đi thăm, làm việc tại nhà máy, tại các hợp tác xã mỗi tháng một lần, gọi là ngày “học tập trong sản xuất”, mà đến đầu tháng 5-1958, chúng tôi còn được tổ chức đi lao động dài ngày.

Lớp tôi được về một công trường nổi tiếng, đó là công trường xây dựng xí nghiệp Liên hợp Schwarze Pumpe và thành phố Hoyerswerda bây giờ.

Trong ký ức, tôi còn nhớ, ngày ấy, nơi đây chỉ là đồi và rừng. Mấy đường phố còn lát nhựa đang dở, nhà

cửa vừa bắt đầu xây dựng, chưa có tiện nghi gì cả, người đến ở chủ yếu là công nhân ở các nơi mới được đưa về. Công việc của chúng tôi chủ yếu là đo đạc địa, thỉnh thoảng mới dùng xe cút kít chở đất cát hoặc xi măng, vôi vữa. Chúng tôi được chụp khá nhiều ảnh, tháng 5 năm ấy, nhân dịp kỷ niệm ngày 19-5, chúng tôi đã chọn những tấm đẹp nhất dán vào quyển anbum to màu xanh kính dâng Bác Hồ. Thật không ngờ, sau khi nhận được quyển ảnh, Bác Hồ đã gửi thư trả lời và cảm ơn món quà nhỏ của tập thể chúng tôi. Chúng tôi thầm nghĩ rằng, hẳn là Bác lấy làm hài lòng thấy các cháu của mình đang tham gia lao động, tập làm chủ nhân mai sau của đất nước.

Một tháng sau, chúng tôi lại được đón Bác Tôn về thăm trường lần thứ hai. Lần này, Bác dẫn đầu đoàn đại biểu Quốc hội nước ta đi thăm Cộng hoà Dân chủ Đức từ ngày 3 đến 13-6-1958.

Cuộc đón tiếp giản dị mà ấm cúng. Chúng tôi đứng trên sân nghe Bác Tôn nói chuyện. Bác vẫn mặc bộ com-lê màu tối như hồi tháng giêng 1956. Bác nói:

- Đoàn đại biểu Quốc hội được nước Bạn bố trí một chương trình làm việc rất sát sao. Nhưng sát sao đến đâu, đoàn vẫn rất mong muốn được về thăm các cháu và tập thể giáo viên, nhân viên nhà trường. Riêng Bác, Bác rất nhớ các cháu! Không về thăm các cháu thì lòng Bác sẽ không yên, cảm thấy như thiếu một cái gì vậy.

Chúng tôi rất xúc động nghe Bác Tôn nói và vỗ tay hồi lâu. Bác Tôn tươi cười nói tiếp:

- Giờ thì Bác đã về đến đây rồi. Bác vui lắm! Các cháu cũng vui chứ?

Đáp lại câu hỏi của Bác, chúng tôi lại vỗ tay sung sướng và thưa thật to:

- Vâng ạ!

Nhìn chúng tôi suốt lượt với một vẻ hài lòng, Bác nói:

- Năm ngoái, Bác Hồ đã đến thăm các cháu. Đó là một vinh dự to lớn của các cháu. Bác Hồ và Bác đều vui vì các cháu tiến bộ trong học tập, tu dưỡng và lao động. Cũng như Bác Hồ, Bác và các bác trong đoàn rất mong các cháu học tập tốt, rèn luyện đạo đức tiến bộ hơn nữa!

Nhà trường trân trọng kính biểu Bác Tôn tập ảnh giới thiệu sinh hoạt, học tập và lao động của học sinh chúng tôi. Đội văn nghệ vinh dự trình diễn một số tiết mục ca múa chào mừng Bác Tôn và đoàn đại biểu Quốc hội. Nổi bật lên là điệu múa quạt của các bạn nữ và điệu “hò kéo pháo” của các bạn nam. Bác Tôn khen ngợi các cháu và mong các cháu không những học tập tốt mà còn hát hay, múa đẹp hơn nữa.

Ban lãnh đạo nhà trường trân trọng đề nghị Bác Tôn và đoàn ghi lưu niệm vào *Sổ khách* của trường. Bác Tôn viết:

“Trông các cháu thiếu nhi Việt Nam được các bạn Đức chăm nom dạy dỗ chu đáo cả về trí đức thể dục, đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hoà hết sức vui mừng phấn khởi. Cảm ơn các bạn Đức. Cảm ơn các anh chị cán bộ Việt Nam công tác ở nhà trường. Chúc tất cả các đồng chí thu được nhiều kết quả hơn nữa.

Dresden, 9-6-58”

BÁC HỒ VÀ BÁC TÔN - MỘT TÌNH BẠN CAO CẢ

Bác Tôn, rồi các bác, các vị khách lần lượt ký tên phía dưới.

Thế là trong tuổi thơ chúng tôi, cho đến ngày 9-6 ấy, chúng tôi đã hai lần được chào đón Bác Hồ, hai lần chào đón Bác Tôn. Năm sau đó, trở về nước nghỉ phép, chúng tôi lại được đến thăm Bác Tôn tại trụ sở Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (ở phố Tràng Thi) và mùa hè 1962, chúng tôi đã được đến thăm tại cơ sở 2 của Bộ Giáo dục ở Thái Hà ấp. Năm đó, chúng tôi đang tham dự một lớp chính trị để chuẩn bị ra công tác. Bác Hồ vừa đi nghỉ hè ở Liên Xô về, sau một chặng đường dài “hai vạn ba nghìn cây số” là những vinh dự thật to lớn.

Tôi, một đứa bé ngày nào, vì lòng kính yêu và biết ơn hai Bác, xin được ghi lại đôi nét về tình bạn cao cả của hai Bác...

CUỘC “SONG HÀNH” VÌ DÂN TỘC

Trong đêm tối của chế độ thực dân phong kiến trên đất nước ta, ở thập kỷ thứ hai của thế kỷ XX, vào cùng một thời điểm và cùng một địa điểm xuất phát, có hai chàng trai xuất hiện, như hai cánh chim đại bàng băng qua đêm tối, tung cánh đến cùng một chân trời - đó là quê hương của các chiến sĩ công xã Paris - để tìm đường và báo hiệu bình minh cho đất nước.

Hai chàng trai ấy là Nguyễn Tất Thành và Tôn Đức Thắng. Không hẹn trước mà cùng một chí hướng, hai chàng trai đã làm một cuộc “song hành” lịch sử vì dân tộc.

Từ cảng Nhà Rồng, thành phố Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh), ngày 5-6-1911, Nguyễn Tất Thành lên tàu *Admiral Latouche Tréville* hướng về nước Pháp. Trước ngày lên đường, anh đã nói với người bạn chí cốt của mình: *“Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”*.⁽¹⁾

Năm ấy, Nguyễn Tất Thành 21 tuổi.

Về chuyến đi lịch sử ấy, hơn 10 năm sau, anh nói rõ hơn với nhà thơ, nhà báo Nga Ôxíp Maudênxtam: *“Vào trạc tuổi mười lăm, lần đầu tiên tôi được nghe*

(1). *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*. Tập 1. Tr 45-46.

những từ Tự do, Bình đẳng, Bác ái... Người Pháp đã nói thế và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy”⁽¹⁾.

Và tận sau này, không lâu trước khi qua đời, Nguyễn Tất Thành - giờ đây là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại - trả lời phỏng vấn của nhà báo Mỹ Anna Luidơ Xtrông rằng:

“Nhân dân Việt Nam, trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, người khác nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi”⁽²⁾.

Ba lần nói về mục đích chuyến đi, tựu chung vẫn là “sẽ trở về giúp đồng bào”. Hành trang của anh có những gì? Chỉ có hai bàn tay - như lời anh nói với người bạn của mình. Với hai bàn tay ấy, anh sẽ làm việc, sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi.

Nói cho đúng, trong “hành trang” của anh, còn có khẩu hiệu: *Tự do, Bình đẳng, Bác ái* mà anh lần đầu được tiếp xúc tại lớp dự bị trường tiểu học Pháp - bản xứ ở thành phố Vinh. Anh cần hiểu nó và chiến đấu cho lý tưởng của nó. Ngoài ra, “hành trang” của anh là những hiểu biết của anh về tình hình đất nước, về nỗi thống khổ và sự oán ghét của dân tộc dưới ách thực dân, là tên tuổi các lãnh tụ của các phong trào yêu nước như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, tên tuổi các nhà chí sĩ lừng danh như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... Cũng cần nói, trong “hành trang”

(1) Sách đã dẫn, T1, Tr. 47.

(2) Sách đã dẫn, T1, Tr. 47.

Cuộc “song hành” vì dân tộc

ấy còn có những hoạt động quả cảm đầu tiên của anh, như ba năm trước đó, ở tuổi 18, đã tham gia biểu tình chống thuế của nông dân Thừa Thiên và đã bị thực dân Pháp theo dõi. Chúng đã khiển trách ông Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh của anh vì *“đã để cho con trai có những hoạt động chống Pháp”*.

Một năm sau chuyến đi của Nguyễn Tất Thành là “cuộc đời trên mặt biển” của người thợ Ba Son Tôn Đức Thắng. Cũng từ Bến cảng Nhà Rồng, con tàu Lacoóc đã đưa anh sang Pháp. Là con một gia đình tương đối khá giả trên mảnh đất Cù lao Ông Hổ, anh có thể tìm đường xuất dương đi học hoặc có thể theo học ở thành phố để làm thầy ký, thầy phán hưởng cuộc đời nhàn hạ. Song, sớm đau nỗi đau của nhân dân, anh lao vào cuộc sống của giai cấp thợ thuyền, gắn bó máu thịt với cuộc đấu tranh vì lợi ích của người lao động. Trải qua biết bao công việc, từ làm công cho các gara và đê pô tư nhân, làm các nghề tiện, nguội, điện, sửa máy xe hơi, tàu thủy, làm công cho Hãng Cơ rô ở Sài Gòn..., anh sớm có ý thức cộng đồng sâu sắc, dành được mối thiện cảm và niềm tin của bạn bè, đồng nghiệp. Ở tuổi 20, Tôn Đức Thắng tích cực tham gia vào việc lập ra các hội đoàn truyền thống để đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm, chống đánh đập, phạt vạ, tổ chức các hội tương tế, ái hữu. Và, như sự đánh giá của các nhà nghiên cứu, công lao lịch sử của Tôn Đức Thắng hồi đó là *“đã thổi bùng lên luồng sinh khí mới vào đội ngũ giới cần lao, góp phần tạo ra bước chuyển mình quan trọng của giai cấp công nhân Việt Nam, từ “đấu tranh tự phát” sang “đấu tranh tự giác”*.⁽¹⁾

(1) Xem: *Tôn Đức Thắng - người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*. Nhiều tác giả. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội - 2003, Tr. 55.

Cùng những người thợ ưu tú khác, Tôn Đức Thắng tham gia tổ chức thành công cuộc bãi công, bãi khoá đầu tiên ở Hãng Ba Son tại Trường Bách Nghệ Sài Gòn vào năm 1912.

Năm 1916 Tôn Đức Thắng bị động viên vào đội quân lính thợ trong hải quân Pháp. Tháng 10 tàu chở anh cập bến cảng Mácxây, anh bắt đầu nhận việc trên chiến hạm France. Cuộc hành trình sang Pháp của Tôn Đức Thắng vừa để tránh sự truy nã sau cuộc đình công, bãi khoá nói trên, vừa để thực hiện niềm “mong mỗi học tập được thật nhiều để sau này về nước đấu tranh có hiệu quả hơn”.⁽²⁾

“Kể từ đó, tôi bắt đầu cuộc đời trên mặt biển” - nhiều thập kỷ sau, Chủ tịch Tôn Đức Thắng đã viết như vậy.

Tôn Đức Thắng đến Pháp và cùng lao động với công nhân Pháp. Anh nhanh chóng nhận rõ: Công nhân, lao động Pháp là những người bạn chân chính của công nhân, lao động Việt Nam. Thoạt đầu, anh làm cho xưởng Arsenal de Toulon và sau đó trở thành người lính thợ trên chiến hạm France của Pháp. Ở đâu, anh cũng gặp và yêu mến những người bạn tốt, từ đó nảy nở và ngày càng phát triển mạnh tình cảm “bốn phương vô sản đều là anh em” trong anh. Con đường đưa anh trở thành một chiến sĩ quốc tế là một điều tất yếu.

Và như thế, Nguyễn Tất Thành và Tôn Đức Thắng, từ những con sông quê hương - ấy là dòng sông Lam non xanh nước biếc ở Nghệ An và dòng sông Hậu hiền hoà êm ả trên đất An Giang, đã đi ra các đại dương,

(1) Xem: Sách đã dẫn, tr. 54.

Cuộc “song hành” vì dân tộc

mở rộng tầm mắt đến những bến bờ và tìm ra chân lý của cuộc đời.

Chân lý ấy sẽ được khẳng định mạnh mẽ vào mùa xuân 1919. Nguyễn Tất Thành trở thành đảng viên Đảng Xã hội Pháp với cái tên mới là Nguyễn Ái Quốc. Về mục đích tham gia Đảng này, sau này ta sẽ được đọc trong tác phẩm *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*: “Chỉ vì đây là tổ chức duy nhất bênh vực nước tôi, là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại Cách mạng Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái”.⁽¹⁾

Nửa năm sau, vào ngày 18 tháng 6 năm 1919, thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vécxây *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* đòi Chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Người còn gửi thư riêng kèm theo *Bản yêu sách* này cho các đoàn đại biểu Đồng Minh dự hội nghị và tất cả các nghị viên của Quốc hội Pháp.

Cũng năm đó, Người tham gia tích cực vào Ủy ban Quốc tế III của Đảng Xã hội Pháp mà mục đích của Ủy ban là vận động Đảng gia nhập Quốc tế III và bảo vệ Cách mạng Nga.

Là tác giả của hàng loạt bài báo sắc sảo, Nguyễn Ái Quốc vạch trần bản chất của bọn thực dân, nêu rõ thực trạng đời sống khổ cực của dân bản xứ và lên tiếng chào mừng thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga. Và sự kiện quan trọng nhất trong thập kỷ này của Nguyễn Ái Quốc trên đất Pháp là Người đã được đọc tác phẩm của Lênin: “*Sơ thảo lần thứ nhất những luận*

(1) *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Thông tin lý luận, H. 1992, tr.64.

cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa” (đăng trên báo *L'Humanité*, số ra ngày 16 và 17-7-1920). Luận cương này giải đáp cho Nguyễn Ái Quốc con đường giành độc lập, tự do cho đồng bào. Sau này, nhân kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh Lênin, Người kể lại sự kiện đó trên tạp chí *Các vấn đề phương Đông* như sau:

“Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ tin tưởng biết bao. Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”⁽¹⁾

Từ thủ đô Paris, Nguyễn Ái Quốc viết thư bằng tiếng Pháp gửi Quốc tế Cộng sản đã ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành thế giới quan của Người và sau đó, cùng với việc bỏ phiếu tán thành gia nhập Đảng Cộng sản Pháp (và cũng là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp), Người dứt khoát đi theo Quốc tế III. Với sự kiện trọng đại xảy ra vào cuối tháng 12 năm 1920 này tại thành phố Tours, Nguyễn Ái Quốc ở tuổi 30 - là người Cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam.⁽²⁾

Cùng thời điểm đó, cũng vào mùa xuân 1919, cuộc đời Tôn Đức Thắng được đánh dấu bằng một mốc son mới. Đó là việc Tôn Đức Thắng, một công nhân Việt Nam, làm lính thợ trên chiến hạm France, đã kéo lên ngọn cờ đỏ phản chiến trên cột cờ đỏ đóc, phản đối cuộc chiến tranh can thiệp, ủng hộ nước Nga Xôviết. Sự kiện đó được kể như sau:

(1) *Hồ Chí Minh Toàn tập*. NXB Chính trị Quốc gia, 1995, T10, tr. 126.

(2) Xem *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Thông tin lý luận, H.1992, T1, tr. 105.

Cuộc “song hành” vì dân tộc

Ngày 1-4-1919, chiến hạm France tiến vào Biển Đen. Chiến hạm này có 1.200 binh sĩ và thợ máy, được trang bị 12 khẩu đại bác 305 li, 22 khẩu trung pháo 138 li, nhiều pháo phòng không và các trang thiết bị hiện đại. Chiến hạm có nhiệm vụ tiến vào Biển Đen là để tấn công thành phố Xêvaxtôpan, nước Nga. Mệnh lệnh này gây một tâm trạng bất mãn sâu rộng trong binh lính, vì chiến tranh đã kết thúc, người ta đang mong được trở về căn cứ và sống trong bình yên.

Pháp và Nga từng là đồng minh trong chiến tranh chống lại Đức và các nước phe Đức. Vì sao giờ đây Pháp quay lại chống nước Nga? Đó là câu hỏi được đặt ra và bàn tán khá sôi nổi trên chiến hạm. Những người thuộc Đảng Xã hội Pháp cực lực phản đối sự can thiệp của Chính phủ nước này chống lại nước Nga Xôviết. Đa số binh sĩ và thủy thủ trên chiến hạm ủng hộ quan điểm đó. Bởi vì, họ được biết nước Nga Xôviết do Lênin đứng đầu là nơi mọi người được hưởng sự bình đẳng, toàn bộ nhà máy, công xưởng, ruộng đất thuộc về nhân dân. Các dân tộc trên đất nước ấy được tự quyết vận mệnh của mình.

Tôn Đức Thắng, người thủy thủ Việt Nam, những năm qua hoạt động trong Công đoàn Pháp và trong phong trào yêu nước của Việt kiều tại Pháp, được sự giúp đỡ của những người Pháp tiến bộ, hiểu hơn về nước Nga. Sau này Người kể rằng: “Cách mạng Nga, Đảng Bôn-sê-vích, Lênin, những tiếng đó đến với tôi trước hết qua những báo chí không được kiểm duyệt, những báo chí mà quân đội được phép đọc. Ít nhất, báo chí đó đã giúp tôi thấy được cuộc cách mạng Nga là cái gì khiến đế quốc tư bản phải run sợ, hần học. Sự tiếp xúc với một số công nhân Pháp đã giúp tôi thấy rõ hơn: đây là cuộc

cách mạng xã hội chủ nghĩa, cuộc cách mạng của những người lao động nghèo khổ. Dần dần tôi được biết thêm rằng tất cả các dân tộc trong đế quốc Nga đều cùng nhau đoàn kết để làm cách mạng. Lênin chủ trương các dân tộc bình đẳng và hợp tác với nhau. Tất cả những điều đó khiến tôi càng hăm mộ cách mạng Nga, tin tưởng ở đó nhân dân lao động đang đứng lên xoá bỏ những điều bất công, mà tôi - một trong những người thợ của một dân tộc da vàng - đã từng chịu đựng”.⁽¹⁾

Ngày 5-4, chiến hạm cập cảng Ôđécxa, một đại đội lính thuỷ đánh bộ được lệnh lên bờ đóng chốt. Hạm đội đang chuẩn bị bước vào chiến trận. Trong giờ phút ấy, không khí trên tàu hết sức sôi sục. Một số người vận động thuỷ thủ họp mítting để đấu tranh với bọn chỉ huy. Nhưng viên đại tá đã ra lệnh các đơn vị pháo bắn vào cảng. Cảng Xêvaxtôpôn bị pháo kích suốt 2 ngày đêm. Binh sĩ cực lực phản đối. Họ hát vang bài “*Quốc tế ca*” hùng tráng “*Vùng lên hỡi các nô lệ ở thế gian...*” để biểu thị sự ủng hộ mạnh mẽ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga, ủng hộ Lênin, ủng hộ chính quyền Xôviết. Ngồi trong buồng máy, Tôn Đức Thắng lòng đau như xé. André Marty, một người nòng cốt của binh sĩ chiến hạm France bảo với Tôn Đức Thắng:

- Trước khi họp mítting, mày ra kéo cờ đỏ nhé! Kéo để cho chiến hạm Hồng quân biết chúng ta là bạn, không phải là thù.

Tôn Đức Thắng rất muốn được tự tay làm việc đó. Lúc này quăng gân sáng, chiến hạm đã lọt vào Biển Đen. Tiếng kèn tập hợp vừa nổi lên thì ngọn cờ đỏ đã được Tôn Đức Thắng kéo lên trên cột cờ đô đốc.

(1) Xem Trần Văn Giàu: *Giai cấp công nhân Việt Nam. Sự hình thành và sự phát triển của nó từ giai cấp “tự mình” đến giai cấp “cho mình”*. NXB Sự thật, Hà Nội, 1958, tr. 311.

Cuộc “song hành” vì dân tộc

Lịch sử ghi đậm nét sự kiện này. Đó là sáng ngày 20-4-1919. Ngọn cờ đỏ phản chiến đã tập hợp đông đảo binh sĩ và thủy thủ trên chiến hạm trong cùng một ý chí: Phải lập tức ngừng ngay cuộc chiến tranh chống nước Nga! Và 3 ngày sau, chiến hạm phải rời khỏi Biển Đen, trở về Pháp. Thế là cuộc nổi dậy phản chiến của binh lính hạm đội France hoàn toàn thắng lợi!

Lênin đánh giá cao cuộc nổi dậy phản chiến của binh lính Pháp, Anh ở Biển Đen. Người cho rằng, “việc bỏ Ôđécxa và Crưm chúng tỏ binh lính Anh và Pháp không muốn đánh nước Nga Xôviết, và đó chính là đảm bảo cho thắng lợi của chúng ta”.⁽¹⁾

Việc Tôn Đức Thắng kéo ngọn cờ đỏ phản chiến lên cột cờ đỏ đốc, phản đối cuộc chiến tranh can thiệp, ủng hộ nước Nga Xôviết non trẻ đã được đánh giá là “*một kỳ tích, một sự kiện anh hùng. Tôn Đức Thắng đã đi trước thời đại*”.⁽²⁾

Nhiều năm sau, nhớ lại sự kiện nói trên, Chủ tịch Tôn Đức Thắng nói: “*Tôi tin rằng bất cứ người Việt Nam yêu nước nào có mặt trong giây phút lịch sử đó ở Biển Đen cũng không thể hành động khác như tôi đã làm. Bởi vì yêu Tổ quốc và căm thù đế quốc - trước hết là yêu Cách mạng tháng Mười và căm thù những kẻ chống lại nó*”.

Tôi đã nhớ tới những lời hết sức khiêm tốn của nhà cách mạng lão thành, khi về thăm mảnh đất từng diễn ra sự kiện vĩ đại này. Cũng tại đây, tôi nhớ đến trường ca *Bài thơ Hắc Hải* của nhà thơ lớn Nguyễn Đình Thi. Giữa mùa hè rực rỡ trên Biển Đen mà tôi cứ tưởng tượng đến mùa xuân đầy tuyết trắng năm xưa. Và, trong cảm xúc dạt dào, tôi muốn ngâm lên những câu thơ hào sảng:

(1) V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến Bộ, Mátxcơva, 1977, T.38, tr. 387.

(2) *Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực...*, tr. 165.

*Ngoài khơi vãn bay cao phấp phới
Lá cờ sáng rực ánh bình minh
Lá cờ đỏ thắm tình nhân ái
Lá cờ tha thiết gọi hoà bình...*

*

* *

Với những hoạt động vang dội của Nguyễn Ái Quốc trên đất Pháp và việc kéo ngọn cờ đỏ trên Biển Đen của Tôn Đức Thắng, dù không hẹn, hai người con ưu tú của dân tộc đã gặp nhau trong quyết tâm đến với Lenin. Nguyễn Ái Quốc tự hào về người công nhân của Tổ quốc mình và Tôn Đức Thắng vô cùng xúc động được đọc những bài báo sắc sảo và *Bản yêu sách* gồm 8 điểm mà Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị hoà bình Vécxây. Lẽ ra, hai người đã có thể gặp nhau trên quê hương của các chiến sĩ Công xã Paris và tình bạn của hai vị đã được bắt đầu từ đây. Song, Tôn Đức Thắng lần tìm Nguyễn Ái Quốc mà không gặp được. Thật đáng tiếc. Nhưng, trong tâm tưởng, Tôn Đức Thắng cảm thấy Nguyễn Ái Quốc rất gần mình. Người tích cực hoạt động trong Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp mà Nguyễn Ái Quốc là một lãnh tụ. Sau khi chiến hạm France trở về Pháp, các binh sĩ bị theo dõi rất chặt chẽ, họ bị phân tán ra nhiều nơi vì Chính phủ nước này đề phòng một cuộc nổi dậy của họ ngay tại nước Pháp. Tôn Đức Thắng được giải ngũ và nhận công việc thợ máy tại hãng Rơnô.

Có một điều cũng cần phải nói ngay rằng, từ những năm ấy, Nguyễn Ái Quốc và Tôn Đức Thắng đều mong muốn được đến nước Nga - quê hương của vị lãnh tụ, người thầy của cách mạng. Ở Nguyễn Ái

Quốc, điều ấy đã quá rõ. Còn ở Tôn Đức Thắng, ta có thể tìm đọc trên báo *Người thủy thủ Xôviết*, số 24 năm 1957, những dòng tâm sự của Người:

“Tôi mơ ước cùng với lá cờ đỏ này, tuần dương hạm sẽ cập bến Nga, tôi sẽ lên bờ và được dịp tham gia cuộc cách mạng và học tập các bạn Nga để trở về Tổ quốc giúp đỡ dân tộc tôi xóa bỏ ách nô lệ”.

Song, điều ấy đã không thể diễn ra. Vì rằng, sau vụ binh biến Hắc Hải, Tôn Đức Thắng sẽ khó có thể hoạt động và làm việc yên ổn trên đất Pháp.

Vì thế, ngay trong năm 1920, Tôn Đức Thắng buộc phải rời khỏi Pháp về nước.

Về đến Sài Gòn, Tôn Đức Thắng vào làm công nhân cho hãng Kroff của một người Đức. Ở đây, cũng như trên nhiều khu vực của đất nước, phong trào yêu nước đã sôi động. Với kinh nghiệm qua những năm tranh đấu của bản thân cùng những hiểu biết bước đầu về đấu tranh giai cấp, Tôn Đức Thắng quyết định đi tiếp con đường đã chọn từ 15 năm trước đây và ngày càng đi sâu vào giai cấp công nhân, ngày đêm suy nghĩ về việc đoàn kết của lực lượng thợ thuyền. Trước mắt là tổ chức công nhân như thế nào giữa lúc nhiều nhà máy được mở rộng và xây dựng mới và cũng vì thế, đội ngũ công nhân trong thành phố ngày càng thêm đông đảo. Có tổ chức thì mới có sức mạnh. Đòi hỏi ấy của lịch sử đặt ra cho Tôn Đức Thắng, người công nhân số 1, có uy tín lớn trong thành phố.

Nhưng, như đã nói, Tôn Đức Thắng đã từng bị chính quyền thực dân truy nã, nên việc tổ chức công nhân phải được tiến hành thận trọng, bí mật. Vừa làm thợ, vừa kín đáo liên lạc với những người bạn cũ,

những người cùng chí hướng, tập hợp lại trong tổ chức mang tên *Công hội bí mật*.

Cho đến năm 1925, tổ chức này đã có gần 300 hội viên. Đây là tổ chức công hội đầu tiên của giai cấp công nhân Việt Nam. Lúc này, ở nước ta chưa có chính đảng của giai cấp công nhân, nên *Công hội bí mật* chưa thể có đường lối và điều lệ rõ ràng. Tuy nhiên, tổ chức này cũng đã lãnh đạo công nhân đấu tranh giành nhiều thắng lợi, đáng chú ý nhất là cuộc đấu tranh của gần 1.000 công nhân Ba Son vào tháng 8-1925, buộc bọn chủ phải chịu tăng 10% lương. Thành viên của *Công hội bí mật* gồm những công nhân ưu tú, giác ngộ nhất, không chỉ ở hãng Kroff, nhà máy Ba Son, hãng Faxi, Nhà đèn chợ Quán, chợ Rẫy mà cả ở Trường Bách Nghệ, hãng rượu Bình Tây, hãng dầu Nhà Bè... Đứng đầu tổ chức này chính là Tôn Đức Thắng, thợ máy hãng Kroff. Tham gia ban lãnh đạo còn có: Nguyễn Văn Cẩn - thợ nguội hãng Faxi, Mạnh - thợ vẽ hãng dầu Nhà Bè, Đặng Văn Sâm - thợ tiện nhà máy điện. Nhiệm vụ trước hết của *Công hội bí mật*, như đã nói, là đoàn kết công nhân và nhân dân lao động, chống áp bức, bóc lột, chống bất công. Chưa phải là một tổ chức cách mạng thực sự, quy mô còn nhỏ, song, đối với phong trào cách mạng Việt Nam lúc này, sự ra đời của *Công hội bí mật* có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Như ngọn đuốc được thắp sáng, cháy bùng lên trong đêm tối, báo hiệu bình minh trong đêm tối, báo hiệu bình minh của một giai đoạn lịch sử mới trên đất nước ta - mà điều cốt yếu là đến với với *Công hội bí mật*, giai cấp công nhân Việt Nam bắt đầu có ý thức về sức mạnh của mình, dần dần tiến lên vũ đài chính trị, trở thành giai cấp đi đầu của các lực lượng cách mạng Việt Nam.

Cuộc “song hành” vì dân tộc

Ở phía trời Âu, Nguyễn Ái Quốc rất vui mừng về việc ra đời của tổ chức *Công hội bí mật* ở Sài Gòn cũng như sự chuyển mình của lực lượng công nhân trong nước. Bản thân Người, từ những năm đầu xuất dương, đã đến với tổ chức công đoàn và lăn lộn trong phong trào công nhân quốc tế. Ngay từ năm 1913, hai năm sau khi rời bến cảng Sài Gòn, Người tham gia sinh hoạt và là hội viên công đoàn hải ngoại của nước Anh. Rồi, cuối năm 1918, với tư cách đảng viên Đảng Xã hội Pháp, Người cùng các đồng chí của mình hoạt động tích cực và đóng góp có hiệu quả vào việc xây dựng các tổ chức công đoàn trong công nhân Pháp. Người trở thành một đoàn viên chính thức của công đoàn Kim khí quận 17 thành phố Paris.

Người đã suy nghĩ rất nhiều về tình hình nước nhà, về những người lao động cùng khổ, về việc tổ chức họ lại đấu tranh chống đế quốc thực dân. Chỉ trong mấy năm vừa qua trong Chiến tranh Thế giới thứ nhất, thực dân Pháp đã cướp đi của nhân dân ta cả một khối lượng lớn về lương thực, sản phẩm công nghiệp: 268.433 tấn gạo, 18.756 tấn ngô, 19.950 tấn rượu, 10.758 tấn đường, 5.159 tấn thầu dầu, 3.000 tấn thóc, 2.452 tấn dầu, 2.344 tấn thuốc lá, 1.248 tấn cao su, 1.150 tấn cùi dừa và hàng trăm tấn bông, tấn gỗ, khoáng sản cũng như các mặt hàng chiến lược khác. Riêng bằng con đường phát hành công trái, chỉ trong 4 năm ấy, chính quyền thực dân đã thu của nhân dân ta 184.305.204 đồng phrăng vàng. Còn về sức người, chúng đã động viên ngót 100 ngàn thanh niên Đông Dương (mà phần lớn là thanh niên Việt Nam), gồm 50 ngàn lính chiến, 50 ngàn lính thợ vào cuộc chiến.

BÁC HỒ VÀ BÁC TÔN - MỘT TÌNH BẠN CAO CẢ

Ngay Tôn Đức Thắng, người sáng lập và lãnh đạo *Công hội bí mật*, cũng từng là một trong những thanh niên đó, đã từ chiến trường châu Âu sống sót trở về.

Trong niềm vui trước những nhân tố tích cực của phong trào công nhân Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc say sưa nghiên cứu các vấn đề công đoàn của các nước, nhất là về hình thức tổ chức, để rút ra kinh nghiệm thực tiễn cho việc tổ chức công đoàn ở Việt Nam. Đặc biệt, Người nghiên cứu kỹ biên bản cuộc họp ngày 27-6-1923 của Ban Chấp hành Quốc tế Công hội đỏ, nghiên cứu tính chất, đặc điểm các công đoàn ở Trung Quốc, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ... Nội dung các điều thu hoạch đã được Người đề cập trong tác phẩm nổi tiếng *Bản án chế độ thực dân Pháp*.

Tác phẩm ấy đã đến tay Hội trưởng *Công hội bí mật* Tôn Đức Thắng. Anh vui mừng đón nhận nó, đọc nó say sưa, nhất là chương *Nô lệ thức tỉnh*. Không riêng Anh, các đồng chí, đồng nghiệp của Anh cũng nức lòng phấn khởi và tin tưởng, khi được Nguyễn Ái Quốc đề cập trong tác phẩm của mình sự kiện Công hội lãnh đạo 600 thợ dệt, nhuộm Chợ Lớn bãi công, đòi tăng lương, giảm giờ làm. Cuộc đấu tranh đạt hiệu quả, chủ phải thoả mãn các yêu sách của công nhân.

Không lúc nào Tôn Đức Thắng không nhớ tới Nguyễn Ái Quốc. Đọc các bài báo, các tài liệu của Người gửi về, Tôn Đức Thắng càng hy vọng Nguyễn Ái Quốc trở về nước hoạt động và sẽ học được ở Người nhiều bài học quý giá khác.

Tháng 5-1925, một hạm đội Pháp được phái sang Viễn Đông. Hạm đội này mang tên *Jules Michelet*. Nó là chiến hạm chỉ huy bị hỏng, phải đưa vào Ba Son sửa chữa. Tôn Đức Thắng nhận ra nó cũng đã từng có

Cuộc “song hành” vì dân tộc

mặt ở Biển Đen. Giờ đây, Tôn Đức Thắng nghĩ, nó đến đây để rồi tới Trung Quốc đàn áp cuộc nổi dậy của nhân dân Trung Quốc ở các tô giới Pháp. Anh nói với bạn bè:

- Nay nó đàn áp Trung Quốc, mai sẽ tới chúng ta. Phải tìm cách ngăn nó lại hay ít nhất cũng làm chậm bước đi của nó.

Vì vậy, cùng với chi nhánh Công hội Ba Son, Tôn Đức Thắng bàn bạc và vận động một cuộc bãi công và lãn công, kéo dài thời gian sửa chữa *Michelet*. Vượt qua những khó khăn, nguy hiểm, *Công hội bí mật* Sài Gòn - Chợ Lớn mà nòng cốt là tổ Công hội Ba Son dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tôn Đức Thắng đã kìm chân hạm đội Pháp gần ba tháng. Không những thế, theo yêu sách, công nhân Ba Son còn được tăng lương 10%.

Cuộc đấu tranh thắng lợi này đã gây tiếng vang đến Quảng Châu - nơi Nguyễn Ái Quốc đang có mặt. Bằng những bài báo của mình như: *Tình cảnh nông dân Trung Quốc* đăng trên báo *La Vie Ouvrière* ngày 4-1-1924, soạn cuốn *Trung Quốc và thanh niên Trung Quốc...*, Nguyễn Ái Quốc lên tiếng ủng hộ mạnh mẽ cách mạng Trung Quốc. Người tố cáo hành động xâm lược của các đế quốc đối với Trung Quốc và chỉ rõ “can thiệp vào Trung Quốc là trực tiếp tấn công giai cấp công nhân... Vô sản thế giới phải liên hiệp với công nhân Nga để đập tan cuộc tấn công của đế quốc, và khẩu hiệu hành động phải là:

- Hãy để yên giai cấp vô sản Trung Quốc!
- Không được đụng đến Trung Hoa!⁽¹⁾

(1) Theo *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*. T1, tr. 237.

Như vậy, ở hai phương trời, Nguyễn Ái Quốc và Tôn Đức Thắng - với tấm lòng trong sáng của những người chiến sĩ quốc tế - đã bày tỏ tình đoàn kết với giai cấp công nhân và nhân dân lao động Trung Quốc, cũng như mấy năm trước đối với Cách mạng Nga.

Với những cống hiến và bước tiến mới, cuộc đấu tranh của *Công hội bí mật* mà nòng cốt là công nhân Ba Son, nó đã *vượt ra khỏi khuôn khổ lãnh đạo của một tổ chức công hội mà chức năng chủ yếu là đấu tranh cho quyền lợi thiết thực hàng ngày của công nhân. Qua cuộc đấu tranh này thấy rõ công nhân đang muốn vươn lên một tổ chức cách mạng cao hơn.*⁽¹⁾ Tôn Đức Thắng, người sáng lập và lãnh đạo Công hội, sau này cũng thừa nhận: “*Anh em công nhân hồi ấy mong muốn có một tổ chức đấu tranh rộng rãi, lôi kéo được đông đảo quần chúng làm cách mạng.*”⁽²⁾

Trong khoảng thời gian đó, trước yêu cầu của lịch sử, *Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội* do Nguyễn Ái Quốc sáng lập trên đất Quảng Châu nóng bỏng đã ra đời. Một sự trùng hợp ngẫu nhiên chăng? Không! Đó là sự phát triển tất yếu của lịch sử cách mạng Việt Nam!

Với tổ chức cách mạng này, Nguyễn Ái Quốc mong muốn có một lực lượng tiên tiến thực hiện sứ mệnh “gieo mầm cộng sản” trong quần chúng nhân dân lao động. Người sáng lập báo *Thanh niên*, cơ quan phát ngôn của Hội và mở các lớp huấn luyện cho những nhà cách mạng trẻ tuổi để rồi phái về nước tổ chức nhiều chi hội theo nguyên tắc “mỗi hội viên mới được

(1) *Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực...* tr. 319.

(2) *Một số vấn đề lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội, 1974, tr. 228.

Cuộc “song hành” vì dân tộc

kết nạp vào Hội phải trở thành một phần tử mới của một chi bộ mới”.

Như vậy, Nguyễn Ái Quốc không chỉ tổ chức người Việt làm cách mạng ở Pháp mà còn ở nhiều nước khác nữa, như Trung Quốc, Thái Lan... và dù ở đâu, Người cũng hướng về cách mạng trong nước. Đặc biệt, với việc sáng lập và lãnh đạo Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên - một tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam - Nguyễn Ái Quốc đã đáp ứng một yêu cầu có tầm vóc lịch sử lớn lao của cách mạng Việt Nam.

“PHẢI TÌM CHO ĐƯỢC ANH THỌ MÁI TÔN ĐỨC THẮNG!”

Hai năm trước, tôi 13-6-1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời Paris đi Liên Xô, đất nước của Lenin, quê hương của Cách mạng tháng Mười. Một chuyến đi như thế, Tôn Đức Thắng cũng đã từng mơ ước, song điều kiện không cho phép. Nhưng, qua hàng loạt bài viết của Nguyễn Ái Quốc về Liên Xô, về Lenin, Tôn Đức Thắng đã cảm thấy như mình cũng có mặt trên đất nước ấy. Tôn Đức Thắng cùng các nhân vật nòng cốt của *Công hội bí mật* say sưa đọc các bài như *Lenin và các dân tộc thuộc địa* (đăng trên tờ *Pravda* ngày 27-1-1924), *Lenin và các dân tộc phương Đông* (đăng trên tờ *Le Paria*, tháng 7-1924). Rất tiếc là Nguyễn Ái Quốc không kịp được gặp Lenin. Lòng rạo rức, Tôn Đức Thắng đọc những dòng chứa chan niềm kính yêu của Nguyễn Ái Quốc - mà cũng là của các chiến sĩ ưu tú Việt Nam - đối với Lenin: “Từ những người nông dân Việt Nam đến những người săn bắn trong các rừng Dahôma, cũng đã thầm nghe nói rằng ở một góc trời xa xăm có một dân tộc đã đánh đuổi được bọn bóc lột và hiện đang tự quản lấy đất nước mình... Họ cũng đã nghe nói rằng nước đó là nước Nga, rằng có những người dũng cảm, mà người dũng cảm nhất là Lenin... Họ còn được biết rằng

“Phải tìm cho được anh thợ máy Tôn Đức Thắng!”

người lãnh tụ vĩ đại này... muốn giải phóng các dân tộc khác nữa...

Khi còn sống, Người là người cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội...”⁽¹⁾

*Một góc trời xa xăm... mà sao gần gũi thế, đáng yêu thế! Và Lenin, Người cũng muốn giải phóng các dân tộc khác. Tôn Đức Thắng bồi hồi nghĩ đến Lenin, nghĩ đến nước Nga. Cảm ơn Nguyễn Ái Quốc, người chiến sĩ Lenin đầu tiên của dân tộc! Nhờ Nguyễn Ái Quốc mà các chiến sĩ cách mạng Việt Nam nhận rõ: *Lenin là hiện thân của tình anh em bốn bể*.*

Trên một đoạn đường ngắn ngủi vừa qua, Nguyễn Ái Quốc đã làm được bao điều trọng đại: Người dự Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế nông dân tại điện Kremli, Mátxcơva với tư cách đại biểu chính thức của nông dân, Người phát biểu trước Đại hội hai lần và được bầu vào Đoàn Chủ tịch của Hội đồng; Người nói chuyện với nhân dân Nga trên Quảng trường Đỏ; dự Đại hội lần thứ IV của Quốc tế Cộng sản thanh niên họp ở Mátxcơva; dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản... Thật tự hào, vì qua Nguyễn Ái Quốc, những người bạn quốc tế đã biết đến Việt Nam, hiểu rõ hơn cuộc chiến đấu của những người cách mạng Việt Nam.

Đến tận nơi và nhìn tận mắt bao điều tốt đẹp đang dần dần nảy nở trên quê hương Lenin bao la, Nguyễn Ái Quốc càng nóng lòng mong ngày trở về Tổ quốc. Có thể nói, ở Pháp cũng như ở Nga, Người suốt ngày nghĩ tới Tổ quốc, và suốt đêm mơ tới Tổ quốc mình.⁽¹⁾ Vị trí

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H. 1995, tập 1, tr. 236-237.

chiến đấu của Người là ở đó. Cho dù, ở Việt Nam, ở Đông Dương, các hoạt động của Người sẽ gặp không ít khó khăn, nguy hiểm. Không ít người Việt Nam yêu nước đã bị chém đầu vì những nguyên cớ “nhẹ” hơn những việc Người đã làm. Người quý từng giờ, từng phút. Người học tiếng Nga - tiếng nói của Lênin. Người tranh thủ vào học lớp ngắn hạn của trường Đại học Cộng sản dành cho những người cộng sản Phương Đông ở Mátxcơva. Và công việc thường xuyên nhất là Người cho công bố các bài báo nêu rõ quan điểm của mình về vai trò của các thuộc địa, trách nhiệm của những người cộng sản ở chính quốc và ở thuộc địa, trách nhiệm của Quốc tế Cộng sản...

Bài *Quốc tế ca* mà ngày nào Tôn Đức Thắng đã cùng các binh sĩ thuỷ thủ trên tàu France hát vang ở Hắc Hải, giờ đây được Nguyễn Ái Quốc dịch ra tiếng Việt, theo thể thơ lục bát. Những vần lục bát thân quen, giản dị, mà không hề làm mất đi cái khí thế hùng hực đang thổi vào lòng phong trào cách mạng Việt Nam:

*Hỡi ai nô lệ trên đời,
Hỡi ai cực khổ đồng thời đứng lên!
Bất bình này chịu sao yên,
Phá cho tan nát một phen cho rồi!
Bao nhiêu áp bức trên đời,
Sạch sành sanh phá cho rồi mới tha
Cuộc đời này sẽ đổi ra,
Xưa kia con ở, nay là chủ ông!*

(1) Trần Dân Tiên - *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Nxb Sự Thật, Hà Nội - 1980, tr. 46.

“Phải tìm cho được anh thợ máy Tôn Đức Thắng!”

Kiên trì vượt qua bao nhiêu khó khăn, phức tạp, Nguyễn Ái Quốc đã có thể thực hiện chuyến về Việt Nam qua Trung Quốc. Những người cách mạng trong nước - trong đó có Tôn Đức Thắng - hồi hộp chờ đợi ngày về của vị lãnh tụ.

Tại Quảng Châu năm 1925, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên mà hạt nhân là Cộng sản Đoàn. Tại đây, Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện chính trị cho thanh niên Việt Nam. Lớp được tổ chức tại số nhà 13/1 phố Văn Minh. Phần lớn học viên là những thanh niên học sinh, trí thức và một vài người là tú tài nho học có lòng yêu nước. Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách và là giảng viên chính của các khoá học. Tham gia giảng dạy còn có một số cán bộ Việt Nam như Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, một số cán bộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc và cả một số thành viên của đoàn cố vấn Liên Xô tại Trung Quốc. Chương trình học tập rất phong phú và thiết thực, gồm ba vấn đề lớn: Cách mạng thế giới, cách mạng Việt Nam và phương pháp vận động cách mạng.

Không có điều kiện tham dự các khoá học này của Nguyễn Ái Quốc, nhưng Tôn Đức Thắng và nhiều đồng chí khác đã vui mừng đón đọc cuốn *Đường cách mệnh*. Đây là tập hợp các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các khoá huấn luyện chính trị ở Quảng Châu từ 1925 đến 1927, do Bộ Tuyên truyền của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông ấn hành và bí mật chuyển về nước theo nhiều ngã đường khác nhau. Tác phẩm này được viết một cách đơn giản, ngắn gọn, nhưng nội dung khá phong phú, giúp người đọc nắm bắt những tư tưởng lớn mang tính

chất quốc gia và quốc tế của Nguyễn Ái Quốc, thông qua nó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam theo cách riêng của mình. Những người cách mạng trong nước đón đọc nó như đón nhận một bó đuốc soi sáng con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam.

Cũng tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã cùng các đồng chí của Người lập ra Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức, một đoàn thể có tính chất quốc tế bao gồm người Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ, Triều Tiên, Indônêxia, Miến Điện... Tuyên ngôn của Hội khẳng định: “Con đường thoát duy nhất để xóa bỏ sự áp bức chỉ có thể là liên hiệp các dân tộc nhỏ yếu bị áp bức và giai cấp vô sản toàn thế giới, áp dụng cách mạng để lật đổ về căn bản chủ nghĩa tư bản đế quốc cực kỳ hung ác”.

Cứ sau một khoá huấn luyện của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên ở Quảng Châu, các học viên lại được đi viếng mộ Phạm Hồng Thái và mỗi người đều tuyên thệ “*nguyện hiến dâng cho Tổ quốc, dù hy sinh cũng không từ*”. Phần lớn các học viên được phái về nước công tác. Cũng có người được phái đi vận động Việt kiều ở Thái Lan.

Với phong trào công nhân Sài Gòn, Nguyễn Ái Quốc có tình cảm rất tốt đẹp. Cho nên, khi kết thúc lớp huấn luyện đầu tiên, Người đã cử Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi về Sài Gòn hoạt động vào cuối năm 1926. Trong sự nhìn nhận của Người, Sài Gòn sẽ là một trong những trung tâm lớn để truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản trong nước. Khi tiễn Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi về nước, Nguyễn Ái Quốc dặn:

- *Phải tìm cho được anh thợ máy Tôn Đức Thắng!*

“Phải tìm cho được anh thợ máy Tôn Đức Thắng!”

Và Người giao cho hai ông mấy nhiệm vụ:

- Đưa đường lối cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin về tuyên truyền, giác ngộ quần chúng, trước tiên là công nông, thanh niên, học sinh, tiểu tư sản trí thức và gây cơ sở cho Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội ở Sài Gòn và lục tỉnh. Đó là nhiệm vụ khẩn trương nhưng lâu dài.

- Trước mắt vận động một số thanh niên có tâm huyết, kịp gửi sang Trung Quốc dự lớp huấn luyện khoá II, mở vào cuối năm 1926.

Hãy nghe ông Phan Trọng Bình kể lại chuyến đi năm ấy:

“Theo những điều giảng của Bác Hồ “công nông là người chủ cách mạng”, “công nông là gốc cách mạng”, chúng tôi chú ý tìm hiểu phong trào công nhân. Điều tra các cuộc bãi công của công nhân, đặc biệt là cuộc bãi công của công nhân Ba Son, chúng tôi thấy cuộc bãi công này không hoàn toàn tự phát và nhằm mục đích thuần túy kinh tế, mà có tổ chức khéo léo nhằm một mục đích chính trị nhất định, có tinh thần quốc tế vô sản cao...

Chúng tôi phát hiện có một nhóm công nhân do Bác Tôn Đức Thắng đứng đầu và gây dựng nên, lãnh đạo cuộc đấu tranh này. Chúng tôi liền bắt liên lạc với Bác Tôn.

Qua một số buổi gặp gỡ và tìm hiểu, chúng tôi mới biết trước kia, Bác Tôn đã từng học ở trường thợ máy Sài Gòn. Tốt nghiệp ở trường ra, phần lớn vào làm cho các hãng của tư bản Pháp ở Sài Gòn. Một số ít, chúng đưa đi làm trên các tàu của Pháp.

Bác Tôn học khoá 1914-1917. Mặc dù chưa mãn khoá nhưng vì nhu cầu chiến tranh, bọn thực dân bắt

một số học viên khoá này, trong đó có Bác Tôn, sung vào lính thợ đưa sang Pháp phục vụ chiến tranh..."⁽¹⁾

Được hỏi về việc Bác Tôn cùng một số công nhân tổ chức *Công hội bí mật*, trở thành nhóm trung kiên lãnh đạo Công hội, Bác Tôn cho biết: lúc đó Bác chưa có đường lối cách mạng. Ông Bình hỏi Bác Tôn:

- Bên Pháp, nhân dân đã được pháp luật ban bố cho mọi quyền dân chủ, bọn chủ nắm hết của cải trong tay, công nhân vào làm để kiếm sống phải chịu cho chúng bóc lột. Nhưng nếu chúng bóc lột quá tay thì phải đấu tranh và có quyền đấu tranh chống lại bất công. Tình cảnh công nhân ta thì khác xa - Toàn thể dân tộc ta, từ vua quan đến dân đen đều là dân mất nước, đều là nô lệ cho thực dân Pháp, không có một tí quyền lợi nào cả. Chúng ta phải đấu tranh đòi quyền sinh sống gồm kinh tế và chính trị. Chúng ta không thể chỉ đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế, nên không thể tổ chức nghiệp đoàn kiểu bên Pháp hồi đó được. Chúng ta phải tổ chức cái gì khác cho công nhân. Chúng ta tổ chức Công hội, nhưng phải tổ chức bí mật, không thì nó bỏ tù. Ngay cả tổ chức những hội tương tế, ái hữu... không dễ mà xin được. Bề ngoài chỉ nói giúp đỡ nhau trong cảnh khó khăn, những khi gặp tang tóc, bệnh hoạn..., kỳ thực là bênh vực nhau trước những cảnh bất công, có khi tổ chức đấu tranh công khai, như bãi công, đình công... như cuộc bãi công ở Ba Son năm 1925. Có khi tổ chức cho năm, ba anh em đánh lén chúng và bọn chó săn của chúng..."

(1) *Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực...*, tr. 185.

“Phải tìm cho được anh thợ máy Tôn Đức Thắng!”

Ông Bình nói trong câu chuyện kể lại của mình: *“Chúng tôi tìm hiểu Bác Tôn, không dè chúng tôi lại trở thành đối tượng tìm hiểu của Bác”*. Và ông kể tiếp:

- Điều lý thú, sau cuộc trao đổi, chúng tôi rất mừng là đã gặp được một đối tượng chủ yếu của phong trào cách mạng. Ở Bác Tôn, chúng tôi đã gặp được một người công nhân tiêu biểu cho giai cấp công nhân của một nước thuộc địa, có ý thức giai cấp công nhân, đồng thời có ý thức dân tộc sâu rộng, có quyết tâm đấu tranh bất khuất, dày kinh nghiệm vận động công nhân, có ảnh hưởng trong giới thợ thuyền. Ngược lại, Bác Tôn cũng được gặp những thanh niên có hiểu ít nhiều về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, có đường lối cách mạng mà Bác đang cần.

Như vậy là, qua những người như ông Bình, ông Lợi, dù xa cách nghìn trùng, Bác Tôn đã gần Bác Hồ - lúc này là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thêm một bước.

Ông Bình cho biết: “Nỗi vui mừng lộ rõ khi chúng tôi kết nạp Bác Tôn vào Hội Thanh niên”. Đây là một bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác Tôn, một công nhân ưu tú đã đứng vào tổ chức do Nguyễn Ái Quốc sáng lập.

Bác Tôn cũng đã giới thiệu cho ông Bình những công nhân trong nhóm trung kiên của Bác như: Trần Trương (tức Sáu Trương), Trần Ngọc Giải (tức Thuận Hoà), Đặng Văn Sâm (tức Nhuận), Bùi Văn Thêm (tức Định). Những người này cũng đã được kết nạp vào Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội và còn được giới thiệu đi học lớp huấn luyện chính trị khoá III ở Quảng Châu.

Ngoài nhóm công nhân ở Sài Gòn, Bác Tôn còn giới thiệu một số người có nhiệt tình yêu nước ở Mỹ Tho

như cô Ba Viễn, một cô giáo có uy tín trong tỉnh, rồi cô Ba Viễn lại giới thiệu chị Nguyễn Trung Nguyệt, tức Bảo Lương. Nguyễn Trung Nguyệt đã được cử đi dự lớp huấn luyện chính trị khoá IV.

Cuối năm 1927, “Thanh niên” đã có cơ sở ở lục tỉnh, một Kỳ bộ “Thanh niên” lâm thời được thành lập, đóng ở Sài Gòn. Sài Gòn là nơi đầu tiên có Thành bộ “Thanh niên” do Bác Tôn làm Bí thư. Bác Tôn cũng là người trong Ban lãnh đạo Kỳ Bộ.

*

* *

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc rất vui mừng khi gặp các học viên vừa từ trong nước sang, nhất là những người từ Sài Gòn đến. Hầu như họ đều biết rõ Bí thư Thành bộ “Thanh niên” Tôn Đức Thắng, nên có thể trả lời Nguyễn Ái Quốc về những câu hỏi liên quan đến người lãnh đạo công nhân này. Nguyễn Ái Quốc vốn rất có thiện cảm về sự kiện người thuỷ thủ Tôn Đức Thắng kéo cờ đỏ trên Hắc Hải. Giờ đây, lại được biết những cống hiến to lớn của Tôn Đức Thắng trong việc phát triển *Công hội bí mật*, phát triển tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội. Từ hàng loạt sự việc, Nguyễn Ái Quốc cảm nhận ở Tôn Đức Thắng một tầm nhìn rộng mở, trước hết thể hiện ở sự tiếp thu phương thức tập hợp công nhân và đấu tranh của giai cấp công nhân châu Âu trong thời điểm phân hoá giữa hai xu hướng cải lương và cách mạng - giữa *Đệ Nhị* và *Đệ Tam Quốc tế*. Nguyễn Ái Quốc nhận thấy ở Tôn Đức Thắng một người đồng chí trung kiên, cùng đi trên con đường của Lênin.

Các học viên từ Sài Gòn sang, khi nói đến Tôn Đức Thắng, đều gọi là Anh Hai. Họ kể cho Nguyễn Ái

“Phải tìm cho được anh thợ máy Tôn Đức Thắng!”

Quốc biết: lúc mới về nước, Anh sống một mình hoặc ở nhà bà con anh em ở đường Quai la Marue (bến Phạm Thế Hiển ngày nay), trưa thường ăn cơm lao động vùng chợ Bến Thành cũ, uống nước trà Huế pha ba bận (tam thất) với miếng kẹo một xu. Anh Hai lo cho anh em xung quanh còn hơn lo cho bản thân mình. Anh chăm sóc lớp trẻ rất chu đáo, gần và làm việc với Anh lúc nào cũng vui vẻ, được Anh giáo dục rất nhiều về chính trị tư tưởng. Anh năng tập thể dục và hướng dẫn cho mọi anh em trẻ đều biết tập thể dục theo thời buổi đó như tập võ. Anh rất thích đánh cặp song đao. Ai cũng quý mến Anh về thái độ đối nhân xử thế. Xuất thân từ gia đình nông dân, song Anh đã sớm học nghề thợ, trở thành công nhân áo xanh chính cống. Anh có những kiến thức nhất định về Nho học và Pháp văn.

Điều nổi bật ở Anh Hai là một người có đạo đức và tài năng về tổ chức cách mạng, tác phong nhanh nhẹn, sống giản dị và có lập trường giai cấp kiên định. Mọi người học được ở Anh về tác phong đạo đức rất nhiều, nhất là đạo đức gần dân tộc, trọng nhân dân.

Ít năm sau, Anh Hai thành lập gia đình, kết hôn với một nữ sinh trường “đầm” (sau này gọi là trường Marie Curie) thuộc một gia đình danh tiếng ở Mỹ Tho. Việc lương duyên giữa Tôn Đức Thắng và Đoàn Thị Giàu (thường gọi là Hai Oanh) là một câu chuyện rất lạ: Một bạn đồng lứa với Tôn Đức Thắng cũng là lính thợ, bị bệnh ở Toulon, được Tôn Đức Thắng chăm sóc hết sức tận tình. Người bạn đó tên là Ba Sứ, vì bệnh nặng không qua khỏi, đã được Tôn Đức Thắng lo liệu, chôn cất. Trước khi mất, người bạn viết thư cho gia đình báo rằng: để tạ ơn cho người đã giúp mình, thì

người chị gái nên nhận người ấy làm chồng. Mọi việc diễn ra đúng như lời trăng trối của Ba Sứ ở Toulon.

Một hôm, đang vừa đi vừa suy tư trên bến Bạch Đằng, đột nhiên phía sau có tiếng gọi:

- Hai Thắng, Hai Thắng. Chú về hồi nào vậy? Sao không xuống chơi?

- Ủa, ai mà biết mình vậy? Xuống chơi là xuống đâu?

Tôn Đức Thắng hơi hốt hoảng khi nghe tiếng gọi đúng tên mình. Từ ngày ở Pháp về, Người luôn bị bọn lính kín, mã tà rình rập. Người nông dân trạc tuổi năm mươi, tiến lại gần Tôn Đức Thắng, nắm tay thân mật kéo vào quán cà phê bên đường và tự giới thiệu:

- Tui là cậu của Ba Sứ ở Vĩnh Kim lên tìm chú đã mấy hôm, bữa nay mới gặp. Chú đúng là Hai Thắng trong tấm hình này.

Ông đưa ra tấm hình chụp đám tang Ba Sứ ở Toulon, Tôn Đức Thắng đứng đầu quan tài trông rất rõ mặt. Ông nói tiếp:

- Gia đình có nhận được một lá thư của Ba Sứ gửi về, do chính tay chú gửi phải không? Từ nãy giờ tôi nhìn chú hoài, tôi sợ lắm, nhưng cuối cùng tôi cứ kêu đại tên chú, may sao cũng trúng. Trong thư, thằng Ba Sứ nói ông già, bà già nó nên gả chị Hai nó cho Hai Thắng. Nó nói nhiều về chú lắm. Ông già, bà già con Oanh hỏi thì nó nói: em nó chịu thì nó cũng ưng. Nó giữ tấm hình này ba bốn năm nay. Hôm tôi lên Sài Gòn tìm chú, nó mới cho tôi mượn để nhìn mặt. Bây giờ chú đã về thì xuống Vĩnh Kim nói cho con Oanh cùng cha mẹ nó, kéo mọi người trông đợi...

Trước tình cảnh ấy, nghe câu chuyện mà cậu của Ba Sứ kể lại, Tôn Đức Thắng rất cảm động. Ai nữ lòng

“Phải tìm cho được anh thợ máy Tôn Đức Thắng!”

nào từ chối. Mấy ngày sau, hai người cùng về Vĩnh Kim.

Về tới nhà, sau khi được giới thiệu, cha của Ba Sứ biết, ông hết sức vui mừng, cảm động rơi nước mắt, nói không ra lời. “*Đây thật là người ơn nghĩa của tôi cho đến nay mới gặp!*”. Đoạn ông nói tiếp với người ơn nghĩa ấy:

- Chú em đã giúp con tôi từ khi nó đau ốm cho đến lúc qua đời, một tay chôn cất nó và còn gửi về cho tôi tấm hình tang lễ của nó do chú lo liệu, thật tôi không biết lấy chi đền đáp ơn này.

Nói tới đây, ông bật khóc, cả nhà đều khóc theo. Chị Hai Oanh khóc nức nở. Đến ông cậu của Ba Sứ cũng không cầm lòng được, cũng khóc theo.

Người ta kể lại rằng, Anh Hai Thắng cũng xúc động, khóc to. Gần như là đám ma của Ba Sứ tại nhà. Anh Hai thấy cả gia đình đau khổ như vậy nên đã ở lại mấy ngày để tìm lời an ủi.

Mấy ngày sau cha của Ba Sứ vẫn suy nghĩ không biết lấy gì đền đáp công ơn con người trẻ tuổi hiền hậu mà đáng kính này. Ông bàn qua tính lại nhiều lần với cậu của Ba Sứ, cuối cùng cậu của Ba Sứ nói: chỉ có một cách hay nhất là gả con Hai Oanh cho Hai Thắng thì mới đền ơn và gần gũi được lâu dài. Vả lại, cả hai cũng xứng đôi vừa lứa.

Thế rồi, hai ông đem việc này bàn với chị Hai Oanh. Chị xúc động và nghĩ tới em mình ở xứ lạ quê người nếu không có Anh Hai Thắng đùm bọc những ngày nằm liệt trên giường bệnh và khi qua đời còn mai táng tận tình thì chắc là giờ chết của em mình sẽ vô cùng vất vả. Chị Hai thưa với cha:

BÁC HỒ VÀ BÁC TÔN - MỘT TÌNH BẠN CAO CẢ

- Thừa ba, cuộc đời của con phải do ba và cậu Sáu quyết định.

Hai ông vui mừng. Cậu Sáu của Ba Sứ nói thẳng sự việc với Anh Hai Thắng. Anh cũng không từ chối.

Từ già gia đình chị Hai Oanh ra về, tới Sài Gòn, Anh Hai Thắng dặn dò mọi mặt công tác với anh em xong, xin phép Kroff nghỉ mấy ngày, lên xe về thẳng Long Xuyên, còn ghé thăm một số người trong tổ chức, bàn bạc với họ về công việc cách mạng. Về tới nhà, Anh Hai Thắng thưa lại đầu đuôi mọi việc và lời hứa hẹn của Anh tại Rạch Gầm, cho gia đình nghe. Gia đình mừng rỡ, cùng nhau chọn ngày lành tháng tốt xuống Rạch Gầm, tại ấp Đông, xã Kim Sơn, tổng Lợi Trường, huyện Châu Thành, Mỹ Tho, tổ chức lễ thành hôn cho hai người.

Theo phong tục tập quán và lễ nghi dân tộc mà đặc biệt là xã Kim Sơn, đám cưới Tôn Đức Thắng - Đoàn Thị Giàu đã diễn ra trong sự triu mến, hoan hỉ của mọi người.

Sau đám cưới, hai người lên Sài Gòn. Ông làm thợ, bà lo việc nội trợ. Bà Tôn Thị Hạnh, con gái lớn của Bác Tôn Đức Thắng, sau này kể thêm về những ngày sống ở Sài Gòn:

“Má tôi chỉ biết ba tôi ngày hai buổi đi làm và mỗi tháng đưa cho mẹ tôi 150 đồng, còn việc ba tôi hoạt động cách mạng thì lúc đầu mẹ tôi không biết, nhưng dần dà rồi cũng biết. Mẹ tôi lo ăn ngày ba bữa cơm nước phục vụ cho mọi người trong nhà, trong đó có những người hoạt động cách mạng (Sáu Thương, Hai Nguyệt, Thọ Cụt, v.v.). Sau vụ đường Barbier, mặc dù ba tôi không tham gia nhưng ba tôi biết thế nào cũng bị bắt nên nói thật với mẹ tôi. Mẹ tôi bảo: “Anh đi làm cách

“Phải tìm cho được anh thợ máy Tôn Đức Thắng!”

mạng, làm việc phải, lẽ nào tôi lại ngăn anh, anh yên lòng đi”.

Sau lần ấy, ba tôi đưa mẹ tôi về quê, ở nhờ nhà ông Sáu ở Vĩnh Kim...”⁽¹⁾

*

* *

Sau khi cuốn *Đường khách mệnh* ra đời, đầu tháng 5-1927, từ Quảng Châu Nguyễn Ái Quốc bí mật đi Hương Cảng, từ Hương Cảng đi Thượng Hải rồi từ đó đi Vladivôxtôc (Liên Xô). Mấy tháng trước đó, Người gửi báo cáo cho Quốc tế Cộng sản về những công việc Người đã làm cho Đông Dương từ khi tới Quảng Châu.

Tháng 11-1927, Nguyễn Ái Quốc được Quốc tế Cộng sản cử đi Pháp công tác. Đầu tháng 12, tại Pháp, Người nhận sự phân công của Quốc tế Cộng sản đi dự cuộc họp của Đại hội đồng của Liên đoàn chống đế quốc ở thành phố Brúcxen (Bỉ).

Sau cuộc họp này, Người viết thư gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, nêu rõ: “trong hai hoặc ba tuần lễ nữa, tôi sẽ trở về đất nước tôi”.⁽²⁾

Nhưng, chuyến đi không được tiến hành ngay, do những khó khăn về ngân sách và phải chờ đợi quá lâu các chỉ thị của Quốc tế Cộng sản về thời gian lên đường. Ngày 12-4-1928, từ Béclin (Đức), Người gửi thư cho Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản, nói rõ: “*Không thể công tác ở Pháp, vô ích ở Đức, nhưng cần thiết ở Đông Dương...”*”.⁽³⁾

(1) Trích bài đăng trên tạp chí *Thất Sơn*, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh An Giang, số 44, 1-1999.

(2) *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Thông tin lý luận, H. 1992, tr. 291.

(3) *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, T1, tr. 296.

Mãi đến ngày 25 tháng 4 năm đó, Nguyễn Ái Quốc mới nhận được quyết định của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản đồng ý để Người trở về Đông Dương theo nguyện vọng. Bản quyết định có ghi: “...*đồng chí có thể trở về Đông Dương; chi phí chuyến đi cũng như thời gian ba tháng lưu lại do Đảng Cộng sản Pháp chịu*”.⁽¹⁾

Hơn một tháng sau, Người rời nước Đức, qua Thụy Sĩ rồi sang Italia trên cuộc hành trình để về gần Tổ quốc.

(2) Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, Sđd, T1, tr. 296-299.

“MỘT THỨ LỬA THỦ VÀNG”

Đúng vào lúc Nguyễn Ái Quốc (dưới tên gọi mới là Thầu Chín) đang hoạt động ở các nơi có Việt kiều sinh sống trên đất Thái Lan, nhằm tuyên truyền, giáo dục, tổ chức cho họ, thì có tin: ngày 10-10-1929, Người bị toà án Vinh (Nghệ An) xử vắng mặt và bị khép vào tội tử hình.

Cũng ở thời điểm đó, do một sơ hở về tổ chức, Tôn Đức Thắng bị mật thám bắt giam ở bốt Catina. Trong gần một năm trời, dù không đủ chứng lý, chính quyền thực dân vẫn đưa Tôn Đức Thắng ra xử tại Toà đại hình Sài Gòn. Về quãng thời gian này, bà Tôn Thị Hạnh kể:

“Ngày ba tôi đưa mẹ tôi về quê, mẹ tôi đã có thai đứa con thứ ba. Khi bụng to sắp đến ngày sinh nở thì được tin ba tôi bị bắt, mẹ tôi buồn muốn chết, nhưng nhìn lại hai đứa con còn nhỏ và bụng mang dạ chửa, mẹ tôi cố nguôi ngoai để sống nuôi con (theo lời mẹ tôi kể). Sau khi mẹ tôi sinh đứa con thứ ba, nó là con trai, mẹ tôi đặt tên là Tôn Đức Liêm, lúc bấy giờ mới nghĩ đến việc làm ăn buôn bán, nuôi thỏ, nuôi lợn, nuôi gà. Mỗi tháng một lần gánh gà, gánh thỏ lên Sài Gòn bán, đồng thời dò thăm tin tức của ba tôi. Được biết ba tôi bị giam ở bốt Catina, một hôm, mẹ đưa tôi và thằng em thứ ba lên bốt Catina thăm ba tôi. Khi đến cửa

bớt, bà dặn tôi “Con có gặp ba thì đừng khóc mà ba buồn”. Vào đến nơi gặp ba tôi, thấy ba tôi bị còng chân, tôi cúi đầu xuống muốn khóc, nhưng mẹ tôi thì cười nói tự nhiên và đưa thằng em tôi cho ba tôi bế. Ngồi chơi một tí thì lính mã tà đến đuổi mẹ con tôi ra, ra khỏi cổng bớt, mấy mẹ con mới dám khóc và từ đây cứ mỗi tháng một lần mẹ tôi lại gánh gạo, gánh thỏ lên Sài Gòn bán.

Hôm Tòa đại hình đưa ba tôi và nhiều người nữa ra xử, mẹ tôi lại dắt tôi và hai em tôi lên xem xử ba tôi, cốt để ba tôi được trông thấy mặt chúng tôi. Mỗi khi lính dẫn ba tôi đi qua, thế nào mẹ tôi cũng cố đưa chúng tôi đến gần để ba tôi được trông thấy mặt. Phiên tòa ban sáng kêu xử tử ba tôi, mẹ con tôi chỉ biết khóc, đến chiều tòa lại xử khác, kêu án ba tôi 20 năm khổ sai đày đi Côn Đảo...”⁽¹⁾

Được tin anh thợ máy Tôn Đức Thắng - con chim đầu đàn của phong trào công nhân thành phố Sài Gòn cùng một số đồng chí của anh bị xử, Nguyễn Ái Quốc đã trải qua những giờ phút lo buồn. Lúc này Người đã trở lại Trung Quốc và đang chuẩn bị tiến hành nhiều công việc quan trọng, trước hết là việc thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước đang trong tình trạng phân tán, chia rẽ. Trong thời khắc lịch sử này, những người như Tôn Đức Thắng có mặt là cần thiết biết bao! Người đã từng rất vui khi được báo cáo: sau khi được Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi nói về mục đích tôn chỉ của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội và truyền đạt ý kiến của Nguyễn Ái Quốc thì Tôn Đức Thắng chấp nhận ngay và đã đem toàn bộ tổ chức của mình gia nhập tổ chức do lãnh tụ

(1) Tạp chí *Thất Sơn*, số 44, tháng 1-1999.

“Một thứ lửa thử vàng”

Nguyễn Ái Quốc - người mà Tôn Đức Thắng ngưỡng mộ từ nhiều năm trước - sáng lập. Lúc đó là mùa xuân 1927. Chính nhờ đó mà tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội ở Sài Gòn và Nam Bộ có đông người là thành phần công nhân - khác với các tổ chức của Hội ở Trung Bộ, Bắc Bộ, thành phần số đông là tiểu tư sản. Trong một bài viết của mình, nhà nghiên cứu Lưu Phương Thanh ở Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng thành phố Hồ Chí Minh, viết:

“Chúng ta có thể nói: *Bác Hồ là người đã đem hạt giống cách mạng theo đường lối Mác - Lênin về gieo ở Việt Nam, còn Bác Tôn là người đã chuẩn bị sẵn miếng đất tốt tại thành phố Sài Gòn để cho hạt giống ấy mau nảy mầm, lên cây, ra hoa và kết trái*”.⁽¹⁾

Phan Trọng Bình, một trong những người được Nguyễn Ái Quốc giao nhiệm vụ bắt liên lạc với Tôn Đức Thắng, khi kết thúc một hồi ức của mình cũng khẳng định:

“*Tuy Bác Tôn bị bắt trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời nhưng Bác đã có nhiều đóng góp lớn cho sự chuẩn bị thành lập Đảng*”.⁽²⁾

Bị lính kín đón bắt tại đầu Cầu Kiệu, rồi bị giam và tra tấn dã man hơn một năm trời tại Khám lớn Sài Gòn, Tôn Đức Thắng - con người của lịch sử cách mạng Việt năm ấy - vẫn luôn luôn giữ vững khí tiết, kiên cường chiến đấu chống lại sự khủng bố của địch, không cho chúng moi những tin tức về tổ chức bí mật của cách mạng tại thành phố và ở Nam Bộ. Đặc biệt, Người luôn tỏ ra tin tưởng ở tương lai tất thắng của

(1) Trích ở bài “*Bác Tôn - người công nhân ưu tú, lãnh tụ công đoàn đầu tiên ở Việt Nam, và ở thành phố Sài Gòn*”.

(2) Hồi ức “*Bác Tôn Đức Thắng*”.

cách mạng. Những đức tính ấy toả sáng và khích lệ các đồng chí của Người.

*

* *

Trong số những người cùng bị đày ra Côn Đảo với Tôn Đức Thắng có Phạm Văn Đồng, từng là Bí thư Kỳ Bộ, bị địch chặn bắt ở ga xe lửa Sài Gòn khi ở miền Trung vào. Bốn năm trước, Phạm Văn Đồng đã dự lớp huấn luyện do Nguyễn Ái Quốc mở ở Quảng Châu, để chuẩn bị lớp đảng viên đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Phạm Văn Đồng có thể đã kể cho Tôn Đức Thắng những kỷ niệm về Nguyễn Ái Quốc, qua đó Tôn Đức Thắng càng hình dung rõ nét hơn về con người, cốt cách của vị lãnh tụ sáng suốt này.

Tôn Đức Thắng, Phạm Văn Đồng và những người cộng sản thuộc lớp đầu tiên bị đày ra Côn Đảo rất vui mừng trước sự kiện hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam, lúc đầu diễn ra tại căn buồng của một công nhân nghèo. Sau đó chuyển qua mấy địa điểm khác ở Cửu Long (Hong Kông, Trung Quốc). Tham dự Hội nghị có đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, chi bộ của những người công nhân Việt Nam ở nước ngoài. Tại Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc đề nghị xoá bỏ mọi thành kiến, xung đột cũ giữa các nhóm cộng sản, thành thật hợp tác để thống nhất thắng lợi một Đảng Cộng sản mới, cử Ban chấp hành Trung ương lâm thời. Hội nghị đã nhất trí về việc hợp nhất Đảng, tán thành lấy tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam; thông qua các văn kiện chính thức của Đảng: *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Điều lệ vắn tắt* do chính Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.

Là người sáng lập Đảng, nhưng Nguyễn Ái Quốc không tham gia Ban Chấp hành Trung ương lâm thời, vì Người còn có những nhiệm vụ khác do Quốc tế Cộng sản giao phó. Trong bức thư gửi đại biểu Đảng Cộng sản Pháp bên cạnh Quốc tế Cộng sản, Người còn viết rõ:

“Tôi không tham gia Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam vì tôi chưa trở về Đông Dương được, nhất là lúc này, chúng đã ban cho tôi một cái án tử hình vắng mặt”.⁽¹⁾

Người còn tranh thủ khởi thảo các *Điều lệ vắn tắt* của Công hội, Nông hội, Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Phản đế đồng minh và Hội Cứu tế...

Sau khi hoàn thành trách nhiệm do Quốc tế Cộng sản giao phó, ngày 18-2-1930, Nguyễn Ái Quốc đã gửi Lời kêu gọi tới đồng bào cả nước. Trong *Lời kêu gọi* này Người chỉ ra tình hình thế giới và trong nước đang có những chuyển biến mới: Các thế lực đế quốc điên cuồng chuẩn bị chiến tranh thế giới, sự áp bức và bóc lột vô nhân đạo của đế quốc Pháp ngày càng tăng. Nhân dân ta đã hiểu rằng, có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết! Lời kêu gọi viết:

“Hỡi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh! Anh chị em bị áp bức bóc lột!

Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập. Đó là Đảng của giai cấp vô sản. Đảng sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng Việt Nam đấu tranh nhằm giải phóng cho toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột chúng ta. Từ nay anh chị em chúng ta cần phải gia nhập Đảng, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng đê:

(1) Hồ Chí Minh - *Biên niên tiểu sử*, xuất bản lần thứ hai, Nxb Chính trị Quốc gia, H. 2006, tr. 10-11.

1) *Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến Việt Nam và giai cấp tư sản phản cách mạng.*

2) *Làm cho nước Việt Nam được độc lập.*

3) *Thành lập Chính phủ công nông binh.*

4) *Tịch thu tất cả các nhà băng và cơ sở sản xuất của đế quốc trao cho Chính phủ công nông binh.*

5) *Quốc hữu hoá toàn bộ đồn điền và đất đai của bọn đế quốc và địa chủ phản cách mạng Việt Nam chia cho nông dân nghèo.*

6) *Thực hiện ngày làm 8 giờ.*

7) *Hủy bỏ mọi thứ quốc trái và thuế thân, miễn các thứ thuế cho nông dân nghèo.*

8) *Đem lại mọi quyền tự do cho nhân dân.*

9) *Thực hành giáo dục toàn dân.*

10) *Thực hiện nam nữ bình quyền”⁽¹⁾*

Sau năm ngày làm việc, chiều 7-2, Nguyễn Ái Quốc tổ chức một bữa cơm liên hoan nhỏ để tiễn các đại biểu, các đồng chí, học trò của Người về nước. Người rất cảm động vì những ước mơ của Người đã được thực hiện sau bao nhiêu năm phấn đấu gian khổ. Trong số các đại biểu dự *Hội nghị thành lập Đảng* có hai người bạn thân thiết của Tôn Đức Thắng là Châu Văn Liêm, Nguyễn Thiệu - đại diện *An Nam Cộng sản Đảng* đã lên tàu Đại Phúc tinh từ Sài Gòn đến Hồng Kông. Hội nghị kết thúc trong niềm hân hoan lộ rõ trên gương mặt các đại biểu từ Nam đến Bắc. Họ phấn khởi lên đường về nước để báo tin vui cho đồng bào, đồng chí và cùng nhau lao vào cuộc chiến đấu mới, theo những lời dặn dò kỹ lưỡng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Theo

(1) *Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, T.3, tr. 10.

lời kể của đại biểu Nguyễn Thiệu, thì: *uy tín của ông Nguyễn có sức nặng đặc biệt đối với những người tham dự Hội nghị. Trong các buổi thảo luận, ông khéo léo hướng dẫn mọi người. Nhờ những lời phát biểu cởi mở, súc tích và những kết luận có căn cứ khoa học của ông, ông đã thuyết phục được tất cả các đại biểu và đưa Hội nghị đến thành công.*⁽¹⁾

*

* *

Những tin tức và văn kiện của Hội nghị thành lập Đảng như một luồng ánh sáng mới cực kỳ hấp dẫn, rọi đến tận các thành phố, nông thôn, miền xuôi, miền ngược, đến tận các trại giam, tù ngục. Ở nhà ngục Côn Đảo, Tôn Đức Thắng và các tù chính trị khác cũng vậy. Tuy nhiên, trong buổi đầu, do nhiều vấn đề mới nảy sinh, đã nổ ra các cuộc tranh luận trong nội bộ những người cộng sản hoặc giữa những người cộng sản với đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng. Một trong những vấn đề đầu tiên được thảo luận khá sôi nổi là tại đây, giữa địa ngục Côn Đảo này, có thể tổ chức một chi bộ Đảng được không? Cuối cùng, kết quả là chi bộ Đảng Cộng sản ở nhà tù Côn Đảo đã ra đời vào khoảng đầu năm 1932, tại khám Chử Tồn. Lúc đầu, chi bộ có khoảng 20 đảng viên. Bí thư là Nguyễn Hối. Tôn Đức Thắng là một trong những chỉ uỷ viên. Nhà nghiên cứu Bùi Đình Phong cho biết: Chi bộ này đã xác định những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Lãnh đạo đấu tranh trong tù.
- Giáo dục bồi dưỡng lý luận cho nhau.
- Tuyên truyền, giác ngộ binh lính, giám thị.

(1) Dẫn theo TS Lê Văn Yên - *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Hội nghị thành lập Đảng và Đại hội II, III của Đảng*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 2006, tr. 50.

- Liên hệ với Đảng ở đất liền và tổ chức vượt ngục khi có điều kiện.

Chi bộ đặt lên hàng đầu lòng trung thành tuyệt đối với Đảng là tiêu chí quan trọng nhất của đảng viên.

Công việc mà chi bộ phân công cho Tôn Đức Thắng là một trong những người chỉ đạo tổ chức tương tế để giúp đỡ lẫn nhau. Người còn tích cực góp phần đảm bảo mạch máu giao thông liên lạc giữa các khám trong Banh và giữa Banh I và Banh II. Chi bộ cho ra tờ báo *Ý kiến chung* nhằm tuyên truyền, giác ngộ, giáo dục, tổ chức quần chúng và các đảng viên cộng sản, tạo thành một khối thống nhất, thực hiện tốt các nhiệm vụ đề ra của chi bộ. Ban biên tập của *Ý kiến chung* được đặt tại khám 9, Banh I - nơi Tôn Đức Thắng bị giam giữ. Người có vai trò to lớn cho việc tờ báo ra đời; tham gia viết nhiều bài và tìm mọi cách bảo vệ, duy trì tờ báo hoạt động bí mật, mở đường dây liên lạc quan hệ với các Banh khác, tạo điều kiện phát hành tờ báo đến tận các cơ sở được an toàn.

Ông Nguyễn Văn Hoan, một người bạn tù ở Côn Đảo với Tôn Đức Thắng, sau này là thẩm phán, Phó Chánh án toà án Nhân dân tối cao, có kể lại:

“Kiên quyết, hiền hậu, trầm tĩnh, giản dị, đó là những đức tính của Bác Tôn. Có thể nói, suốt bao nhiêu năm sống chung với Bác trong nhà tù, tôi không thấy Bác gắt gỏng hay to tiếng với ai. Bác rất thương đồng chí và đồng bào. Bọn lưu manh, trộm cắp, dưới thời Pháp thống trị, liệt vào loại người ngoài lề xã hội, nhưng sống chung với họ ở Sở tải và Hàm xay lúa, Bác đã cảm hoá, làm cho họ thấy, trong nhà tù, chỉ có đi theo người cộng sản, họ mới có quyền lợi thiết thân. Trong công tác vận động quần chúng nói chung và

cảm hoá bọn lưu manh anh chị nói riêng, Bác Tôn đã có phần đóng góp lớn lao.

Năm 1936, phong trào đấu tranh lên cao, bắt đầu bằng cuộc bãi thực sáu ngày đòi chính quyền nhà tù phải tổ chức cho anh em ăn Tết Nguyên đán Bính Tý. Cuộc đấu tranh thắng lợi và tất cả các yêu sách của anh em, trong đó có tổ chức văn nghệ đều được thoả mãn.

Tối 30, trong tiệc kẹo đón Xuân, Bác Tôn đã đại diện cho chi bộ ở Lao I, chúc Tết anh em và động viên mọi người mài giũa ý chí, chuẩn bị bước sang một năm mới đấu tranh quyết liệt, thu được nhiều thắng lợi hơn”.⁽¹⁾

Ông Hoan cho biết: cuộc đấu tranh giữa những người cộng sản và những người theo chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi trong Quốc dân Đảng từng diễn ra gay gắt. Tôn Đức Thắng và một số đồng chí của Người được cử làm đại diện tiếp xúc với số thủ lĩnh Quốc dân Đảng để bàn bạc việc thành lập “Liên minh Quốc Cộng” nhằm củng cố và phát huy các thắng lợi trong đấu tranh chống chính quyền nhà tù. Cuộc thương lượng ấy kéo dài, không mang lại kết quả. Các đại biểu Quốc dân Đảng cho rằng trong nhà tù, nhất là Côn Đảo, một nơi xa xôi, cô lập mà ở đó lực lượng của quân thù hùng hậu, việc đấu tranh sẽ dẫn tới sự khủng bố không cần thiết... Phong trào đấu tranh càng cao, bộ mặt xấu xa của số ít thủ lĩnh Quốc dân Đảng phản động càng bị phơi trần. Bị dư luận anh em tù thường và số ít lính mã tà tiến bộ phê bình, họ chủ trương ám sát cán bộ lãnh đạo của anh em cộng sản. Người họ chọn để giết là Bác Tôn.

(1) Theo tài liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng, số D7/1.

Do cơ sở phát hiện, chỉ uỷ thành lập một tiểu đội gồm một số thanh niên gan dạ, có tinh thần hăng hái để bảo vệ Bác Tôn trong những giờ ra chơi và ăn cơm. Nguyễn Văn Hoan, Võ Thúc Đồng, Hà Thế Hanh, Võ Văn Ngựa và một số người khác được chỉ uỷ cử vào tiểu đội này.

Việc bảo vệ Bác Tôn được tiến hành chu đáo và kéo dài đến khi tù Quốc dân Đảng Banh 10 xin rời đi nơi khác.

Ông Nguyễn Văn Hoan kể tiếp:

“Tháng 5-1936, Mặt trận bình dân giành thắng lợi trong cuộc tuyển cử và chuẩn bị thành lập Chính phủ liên hiệp. Trong chương trình hành động của mình, Mặt trận có ghi khẩu hiệu đại xá tù chính trị ở các xứ thuộc địa của Pháp lên hàng đầu.

Đón lấy thời cơ ấy, chỉ bộ nhà tù phát động một cuộc đấu tranh rộng lớn đòi thực hiện khẩu hiệu trên, kèm theo một số yêu sách khác.

Hình thức đấu tranh là bãi thực dài ngày. Lực lượng đi tiên phong trong cuộc đấu tranh này là anh em ở hai khám “bướng bình”.

Cuộc đấu tranh nổ ra ngày 27-5. Đại diện cho anh em đưa yêu sách là Phạm Hùng. Lập tức, Phạm Hùng bị bọn chủ ngục bắt đưa đi giam ở hầm tối. Qua bốn ngày nhịn ăn của anh em ở hai khám nói trên, anh em tù cộng sản ở Lao I và Lao II hưởng ứng, rồi những ngày sau, anh em tù thường cũng hưởng ứng, lực lượng đấu tranh từ số trăm dần dần lên đến số ngàn.

Khi cuộc đấu tranh của anh em hai khám “bướng bình” bước vào ngày thứ mười ba và của anh em khác vào ngày thứ chín thì địch bắt đầu run sợ. Chúng khủng bố để đối phó. Một mặt, trong sân trại, chúng

bố trí súng liên thanh chĩa vào các khám, mặt khác cho ác ôn dùng roi mây to bằng cổ tay xông vào các khám “bướng bình” đánh đập anh em. Đảng bộ ra lệnh phản đối bằng hò la, một thứ vũ khí của người tù. Hàng ngàn tiếng la phát ra từ Lao I và II làm náo động cả đảo. Đánh xong khám “bướng bình”, chúng tiến vào các khám 8, 9, 10 của Lao I. Bên kia chúng tấn công anh em Lao II.

Tại các khám 8, 9, Ủy ban đấu tranh đã thành lập các đội tự vệ bao gồm những thanh niên khoẻ mạnh, hăng hái làm nhiệm vụ che chở cho số anh em già yếu, ốm đau...

Cũng qua lời kể của ông Nguyễn Văn Hoan, người nghe thật xúc động về hình ảnh Bác Tôn - người cộng sản kiên cường - trong cuộc đấu tranh ấy:

“Tuy tuổi gần 50, Bác Tôn cũng tình nguyện xung vào đội tự vệ. Mở tung hai lần cửa, bọn ác ôn xông vào. Cuộc tiến công của địch bắt đầu, nhưng chúng vấp ngay phải sự chống cự mãnh liệt của đội tự vệ, đứng hàng đầu là Bác Tôn. Hàng chục cây “cú ngoéo” bổ xuống đầu Bác Tôn và anh em như búa bổ. Trận đánh giáp lá cà diễn ra rất ác liệt giữa những người tay không, nhin đói đã chín ngày liền với đội ngũ quân thù sung sức, có vũ khí trong tay. Chúng rất chật vật mới tiến lên được một bước và, nhờ có thêm lực lượng bổ sung, dần dần chúng mới dón được anh em vào một góc tường.

Đối với bọn ác ôn, Bác Tôn không phải là người xa lạ. Do đó, nhân cơ hội, chúng đã tập trung tấn công vào Bác. Khắp người Bác nổi lên những vết bầm tím. Quần áo rách tả tơi và đầm máu, nhưng Bác vẫn thản nhiên, hình như không biết đau.

Sau trận khủng bố, bọn chủ ngục đưa Bác và một số anh em bị thương đi băng bó và giam riêng. Tôi cũng ở trong đó và cùng được đi với Bác.

Trong lúc này, mọi người cảm thấy tình đồng chí có một ý nghĩa thiêng liêng vô cùng. Bác cũng như anh em càng thương nhau hơn và đều tự hào, niềm tự hào của những người chiến thắng, vì sự khủng bố đã nói lên sự suy yếu của quân thù.

... Tại nơi điều trị, Bác Tôn và anh em vẫn tiếp tục đấu tranh. Sau một buổi nhịn ăn nữa, cuộc đấu tranh kết thúc thắng lợi. Chủ đảo thoả mãn những yêu sách chính của anh em đề ra, duy có yêu cầu đòi đại xá, chúng trả lời không đủ thẩm quyền giải quyết, hứa chuyển lên chính quyền Đông Dương.

Sau mấy ngày điều trị, tuy vết thương chưa lành, Bác Tôn và anh em đòi về khám cũ.

Đầu băng bó, áo quần tơi tả, Bác bước vào khám 9 giữa những tiếng vỗ tay hoan hô của anh em.

... Trong những buổi học tập, Bác vẫn ngồi khoanh tròn chân trên nền xi măng nghe giảng bài và trong buổi tập thể dục buổi sáng, khi diễu hành, Bác vẫn cất cao giọng hát..."⁽¹⁾

Trên đây chỉ là đôi nét phác hoạ về hình ảnh Bác Tôn trong nhà tù Côn Đảo. Đã có hàng trăm hồi ức, cuốn sách, phim truyện... miêu tả 15 năm đấu tranh bất khuất của Bác nơi đảo xa, đặc biệt khi bị chúa đảo điều đến *Hầm xay lúa* để giúp bọn coi tù (*cấp rảnh*) khi đứng đầu *chi bộ đặc biệt*, làm Chủ tịch *Hội tù nhân*, đồng thời nêu tấm gương của người cán bộ rất ham học văn hoá và lý luận theo tinh thần mà Lenin

(1) Tài liệu đã dẫn.

“Một thứ lửa thử vàng”

đã dạy: “*Học, học nữa, học mãi*”. Được báo cáo cụ thể và đầy đủ về tấm gương của Tôn Đức Thắng và các đồng chí của Người ở Côn Đảo, sau này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định:

“Biến cái rủi thành cái may, các đồng chí ta đã lợi dụng những ngày tháng ở tù để hội họp và học tập lý luận. Một lần nữa, việc đó lại chứng tỏ rằng chính sách khủng bố cực kỳ dã man của kẻ thù chẳng những không ngăn trở được bước tiến của cách mạng, mà trái lại nó đã trở nên một thứ lửa thử vàng, nó rèn luyện cho người cách mạng càng thêm cứng rắn. Mà kết quả là cách mạng đã thắng, đế quốc đã thua”.⁽¹⁾

*

* *

Cho đến ngày cách mạng thắng lợi, trong 15 năm, từ ngày Đảng ra đời đến Tổng khởi nghĩa 1945 thành công, Nguyễn Ái Quốc cũng đã trải qua bao phen tù đầy, sống những ngày đầy thử thách hiểm nguy.

Không bao lâu sau ngày Tôn Đức Thắng đặt chân lên đảo Côn Lôn, Nguyễn Ái Quốc (với cái tên Tống Văn Sơ trong thẻ căn cước) bị một sĩ quan Anh và mấy tên cảnh sát Trung Quốc ập vào nơi ở, số nhà 186 phố Tam Lung (Cửa Long) chĩa súng vào người, xịch tay, đẩy lên xe bịt kín, giải về Sở Cảnh sát Hồng Kông và sau đó bị giam trong nhà tù của thực dân Anh tại đây.

Nhờ sự giúp đỡ tận tình của vị luật sư người Anh - một sự giúp đỡ “vì danh dự chứ không nhất thiết vì tiền” - tên là Lôđơbi (Loseby) cũng như sự nỗ lực của luật sư Nooen Prít ((Nowell Pritt) cùng một số bạn

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, T.10, tr. 3-4.

BÁC HỒ VÀ BÁC TÔN - MỘT TÌNH BẠN CAO CẢ

người Anh khác, toà án Hoàng gia Anh ở Luân Đôn kết luận: Nguyễn Ái Quốc vô tội và Người được trả lại tự do.

Nhưng rồi, tháng 1 năm 1933, khi vừa đặt chân lên Singapo, Người lại bị bắt và bị trả lại Hồng Kông, với cái cớ là Người vào thuộc địa không có giấy phép. Nhà đương cục Hồng Kông bắt giam Người một lần nữa. Người viết thư gửi luật sư Lôđơbi báo tin Người lại đang bị giam giữ ở Hồng Kông. Được sự giúp đỡ của luật sư, cuối tháng 1-1933, Người được trả lại tự do và bố trí đi Hạ Môn, khoảng tháng 7 năm 1933 đáp tàu thủy từ Hạ Môn lên Thượng Hải.

Mùa thu năm đó, tại Thượng Hải, Người tìm cách bắt liên lạc với các tổ chức cách mạng và đồng chí của mình. Nhờ sự giúp đỡ của bà Tống Khánh Linh, bức thư của Người đã đến tay người bạn, người đồng chí thân thiết là Pôn Vayăng Cutuyriê (Paul Vaillant Couturier), lúc này đang tham gia đoàn đại biểu từ châu Âu đến Viễn Đông tuyên truyền chống chiến tranh đế quốc. Nhờ đó, Người đã thiết lập được quan hệ với tổ chức.

Từ Thượng Hải, Người đến Mátxcơva. Dịp này, Người tiếp xúc với nhiều vị lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản, như Đimitơrốp, Vinhem Pích... và đã thắt chặt mối quan hệ anh em đến tận sau này.

Sau hai năm (1934-1935) vào học trường Quốc tế Lênin, Người lại tích cực chuẩn bị kế hoạch xin về nước. Trong khi chờ đợi một chuyến đi thích hợp, Người đến làm việc tại Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa ở Mátxcơva.

“Một thứ lửa thử vàng”

Vào một buổi chiều se lạnh, tháng 10-1938, Người đáp xe lửa rời Thủ đô của nước Nga Xôviết đi về phương Đông.

Các nhà nghiên cứu cuộc đời và tiểu sử Chủ tịch Hồ Chí Minh cho biết: Chính thời kỳ này (1935-1938), hoạt động của Người có rất nhiều khó khăn, chủ yếu do những quan điểm khác nhau về *mối quan hệ giữa dân tộc và quốc tế*. Có một tài liệu quan trọng cho thấy rõ việc này. Ngay sau khi kết thúc Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Ma Cao (Trung Quốc), ngày 31-3-1935, Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương đã gửi thư cho Quốc tế Cộng sản báo cáo diễn biến của Đại hội và phê phán trực diện đồng chí Nguyễn Ái Quốc và tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội do Người sáng lập: “Ở Đông Dương những tổ chức cộng sản đã tiến hành một cuộc đấu tranh công khai chống những tàn dư của hệ tư tưởng *dân tộc chủ nghĩa* cách mạng pha lẫn chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa duy tân của Thanh niên cách mạng đồng chí Hội và của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Những tàn dư ấy rất mạnh và là một trở ngại rất nghiêm trọng cho sự phát triển chủ nghĩa cộng sản. Cuộc đấu tranh không thương tiếc này chống những lý luận cũ, cơ hội chủ nghĩa của Quốc tế Cộng sản và của thanh niên là cần thiết... Chúng tôi đề nghị đồng chí Lin (bí danh của Bác Hồ thời kỳ này - T.Đ) viết một cuốn sách mỏng phê phán chính mình và những khuyết điểm đã qua”.⁽¹⁾

(1) Dẫn theo Trần Đình Huynh. “*Danh nhân Hồ Chí Minh cuộc đời và những sự kiện*”, Nxb Hà Nội - 2001, tr. 69.

Nhưng, thực tế lịch sử đã cho thấy sự lựa chọn, sự giải quyết những vấn đề dân tộc và quốc tế, đường lối Mặt trận dân tộc thống nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh là hết sức đúng đắn và sáng tạo, là một trong những di sản lý luận mà Người để lại cho chúng ta...”⁽¹⁾

Nguyên Bí thư Trung ương Đảng Hoàng Tùng trong bài *“Lẽ sống của Bác”* đăng trên báo Văn nghệ số Tết Canh Thìn - 2000, đã khẳng định: *“... từ việc nghiên cứu học thuyết giải phóng của Mác - Lênin, Người giải quyết sáng tạo những vấn đề lý luận, thực tiễn cách mạng nước ta. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã được cuộc sống chứng minh là hoàn toàn đúng. Kiên trì chân lý, đồng thời bình tĩnh tránh mọi điều không hay đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta là một đức tính rất quý của Người”*.

Trích dẫn một số ý kiến về sự việc trên, cốt để nói một điều: không chỉ đấu tranh với kẻ địch trong ngục tù ở Hương Cảng trước đó hoặc trong các nhà giam của Quốc dân Đảng ở Tỉnh Tây, Quế Lâm, Liễu Châu sau này, mà ngay trước những thử thách gay gắt về quan điểm, Bác Hồ của chúng ta vẫn hết sức kiên định, *“như một thứ lửa thử vàng”*. Ý kiến sau đây của nhà sử học Đỗ Quang Hưng cũng chính là suy nghĩ của chúng ta trong khi tìm hiểu về vị trí, tầm cao của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh:

“... Được đào tạo trong khung cảnh hùng vĩ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế giữa hai cuộc đại chiến, hơn ai hết Nguyễn Ái Quốc ý thức được yếu tố “quốc tế” sẽ nâng tầm cao như thế nào với cách

(1) Trích từ sách *“Thêm những hiểu biết về Hồ Chí Minh”* của Đỗ Quang Hưng, Nxb Lao Động - 1999.

“Một thứ lửa thử vàng”

mạng Việt Nam. Sánh vai cùng những “hiệp sĩ thực sự của thế kỷ XX” như Bôrôđin, Lôđốpski Manrô, Phirôroa Máclen và cả Chê Ghevara sau này, từ cuối những năm 20 của thế kỷ, anh Nguyễn Ái Quốc đã có tên trong danh sách theo dõi của mật thám quốc tế, ở châu Âu, châu Á: Trung Quốc, Thái Lan và Mã Lai... là chiến sĩ quốc tế, Người không chỉ là người phái viên đầy nhiệt huyết và trách nhiệm của Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản mà từ lâu đã kết án chủ nghĩa thực dân, thậm chí đẩy tới tận cùng của vấn đề là chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

Nhưng Người cũng là *dân tộc* nhất nếu nhìn ở góc khác của sự vật...

... Chính phép ứng xử ấy, bản chất chính trị đúng đắn và trong sáng ấy đã giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh vượt qua được một đoạn đời đầy thử thách chính trị tế nhị và phức tạp, tỏ rõ vị trí một lãnh tụ kiệt xuất của Đảng ta, một chiến sĩ tiêu biểu của phong trào cộng sản và công nhân, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới suốt mấy thập kỷ qua.

Hơn thế nữa, qua tư liệu từ bài viết này, chúng ta càng hiểu rõ hơn tư tưởng Hồ Chí Minh về sự kết hợp tài tình giữa dân tộc và giai cấp, giữa mục tiêu chiến lược và chủ trương sách lược, giữa nội dung cơ bản, lâu dài với nhiệm vụ trước mắt của cách mạng. Bên cạnh đó, chúng ta còn tiếp nhận ở Người tinh thần đoàn kết nội bộ, lòng bao dung, tất cả vì sự nghiệp cách mạng của quốc gia và quốc tế”.⁽¹⁾

(1) Tài liệu đã dẫn.

MỘT BÌNH MINH ĐANG ĐẾN

Giữa năm 1940, theo quyết định của Đảng, Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp được cử sang Côn Minh tìm gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và nhận nhiệm vụ mới. Đối với Võ Nguyên Giáp, đây là lần đầu tiên gặp con người mà ông vẫn hằng nghĩ đến như một hình ảnh lý tưởng. Còn với Phạm Văn Đồng, sau hơn 10 năm, đây là lần gặp thứ hai. Vừa nhìn thấy Người, Phạm Văn Đồng nhận ngay ra người thầy cũ của mình hồi học lớp huấn luyện do Người mở ở Quảng Châu. Người cũng nhận ngay ra Phạm Văn Đồng. Người bảo:

- Chú không có gì thay đổi!

Và với Võ Nguyên Giáp, Người nhận xét:

- Chú có gương mặt đẹp như một cô gái!

Người cùng hai đồng chí trẻ vừa đi dạo quanh Thuý Hồ vừa nói chuyện. Người hỏi về những khó khăn khi đi đường, hỏi tình hình trong nước gần đây, hỏi tình hình Mặt trận dân chủ và hỏi cả chuyện làm báo của họ... Sau cùng, Người nói:

- Các đồng chí ra được thế này là tốt. Vài ngày nữa sẽ bố trí công tác cho các đồng chí.

Võ Nguyên Giáp không quên nói với Người điều mà Hoàng Văn Thụ dặn hỏi Người về vấn đề “Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông”, Người trả lời:

Một bình minh đang đến

- Vẫn rất cần, nhưng điều kiện tổ chức thì hiện nay chưa chín nên chưa đặt ra.

Trước khi bố trí cho Phạm Văn Đồng (bí danh Lâm Bá Kiệt), Võ Nguyên Giáp (bí danh Dương Hoài Nam) đi học trường quân chính của Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Diên An, Nguyễn Ái Quốc đã gặp và hỏi chuyện từng người, về gia đình, nghề nghiệp, về mấy năm hoạt động công khai vừa qua. Người rất vui, được biết vợ của Võ Nguyên Giáp (Nguyễn Thị Minh Thái) chính là em gái của Nguyễn Thị Minh Khai. Biết Phạm Văn Đồng từng nhiều năm bị giam ở Côn Đảo, Người hỏi chuyện về các đồng chí trong tù, trong đó có Tôn Đức Thắng - “người thợ máy” mà Nguyễn Ái Quốc biết tên qua những hoạt động đặc lực trong phong trào công hội ở Pháp, ở Sài Gòn và trước đó nữa, trong cuộc binh biến ở Hắc Hải. Phạm Văn Đồng kể chuyện: ông biết Tôn Đức Thắng từ lúc ông hoạt động trong Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội ở Sài Gòn vào những năm 1927-1929. Tuy nhiên, hồi đó, giữa hai người chưa có quan hệ trực tiếp, vì hoạt động trong hai tổ chức khác nhau. Sau khi bị bắt do vụ án “Barbier”, hai người cùng bị giam ở Khám lớn Sài Gòn, Phạm Văn Đồng mới biết rõ Tôn Đức Thắng hoạt động trong công nhân xưởng Ba Son và các cơ sở khác ở Sài Gòn. Hai người cùng bị đày ra Côn Đảo. Tôn Đức Thắng nhận án khổ sai 20 năm, còn Phạm Văn Đồng bị phạt 10 năm tù cấm cố. Hai người hầu như bị cách biệt hoàn toàn, song Phạm Văn Đồng biết rất rõ: Tôn Đức Thắng phải làm việc cực nhọc như mọi người tù khổ sai Côn Đảo lúc bấy giờ. Tuy vậy, bọn cai ngục rất nể Tôn Đức Thắng, bởi chúng biết rõ phẩm chất kiên cường của người chiến sĩ cộng sản này...

Phạm Văn Đồng kể tiếp: Lúc đầu, chúng đưa Tôn Đức Thắng ra làm “cấp rằng” (caporal) ở *Hầm xay lúa*. Từ ở Hầm xay lúa bị nhốt và suốt ngày phải làm việc quần quật trong khó khăn ồn ào, bụi bặm.

Sau thời gian làm việc tại Hầm xay lúa, năm 1934, Tôn Đức Thắng bị điều chuyển sang *Sở Lưới*.

Có một lần bọn cai ngục chọn một số người đưa đi đày ở Cayen, một nhà tù khủng khiếp ở châu Mỹ. Tôn Đức Thắng là một trong những người bị chọn đưa đi. Trước khi đi, những người này phải qua khám sức khỏe. Có một việc rất lạ: mặc dù sức khỏe Tôn Đức Thắng bình thường, nhưng viên bác sĩ người Pháp, sau khi khám xong, đã kêu lên rằng Tôn Đức Thắng không đủ sức khỏe để đi Cayen. Mọi người rất ngạc nhiên, sau này mới biết: viên bác sĩ này là một người có lương tâm, chắc rằng ông có biết ít nhiều về Tôn Đức Thắng nên đã nhận xét như vậy để cứu Người khỏi phải đi Cayen.

Từ câu chuyện của Phạm Văn Đồng cũng như của Hoàng Quốc Việt, một năm sau đó nhân dự cuộc họp hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám (từ ngày 10 đến 19-5-1941) trong rừng Khuổi Nậm, Nguyễn Ái Quốc được nghe: Tôn Đức Thắng cũng như Ngô Gia Tự... là những nhân vật được mệnh danh là “gan lì tướng quân”... Tiếc thay, Ngô Gia Tự, Tống Văn Trân đã hy sinh trong một chuyến vượt Côn Đảo thất bại. Và cũng tiếc thay, Tôn Đức Thắng và nhiều đồng chí trung kiên khác chưa được trả lại tự do vào năm 1936. Tuy chưa gặp, nhưng Nguyễn Ái Quốc đã hình dung ra ở Tôn Đức Thắng một con người hiền hậu, giàu lòng nhân ái, không những yêu thương các bạn tù cộng sản mà cả các tù thường phạm. Đó là một trung

tâm đoàn kết, một tấm gương đạo đức trong nhà tù. Là con người từng trải, giác ngộ sớm, Tôn Đức Thắng đặc biệt yêu thương những thanh niên còn trẻ mà sớm đi vào con đường cách mạng như Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Nguyễn Văn Linh, Trần Diệp... Tôn Đức Thắng giáo dục cho các bạn tù trẻ tuổi về đường lối cách mạng, về chủ nghĩa cộng sản, về lòng yêu nước... Những người tù thường phạm cũng được Tôn Đức Thắng gần gũi, yêu thương, khích lệ, được giáo dục về chủ nghĩa yêu nước và Người đã chỉ cho họ biết: chính vì nước mình không có độc lập tự do nên họ rơi vào cảnh nghèo khổ và phải làm những việc bất chính để nuôi sống bản thân và gia đình...

Trong cuộc đời riêng của Tôn Đức Thắng có những chuyện thật cảm động. Còn nhớ cái ngày bà Giàu (Hai Oanh) tiễn chồng lưu đày ra Côn Đảo... Bà gạt nước mắt và bỗng con trở về quê ngoại trong nỗi chán chường, u uất, lặng lẽ. Liệu còn có ngày gặp lại không? Sau hơn 5 năm ở Côn Đảo, một hôm, lần đầu tiên, Tôn Đức Thắng gửi thư về cho vợ, trong đó Người khuyên bà nên lấy chồng khác để làm ăn, nuôi con. Đọc thư, bà đau nhói trong tim.

Bà giận, nói với người con gái lớn: “Ba mày coi thường tao quá!”. Trong lòng, bà vẫn nuôi hy vọng ông sẽ có ngày trở về, cho dù thời gian chờ đợi là 15 năm nữa. Vì vậy, bà viết trả lời ông:

“Anh Hai! Nghe lời anh, em đã lấy chồng rồi. Chồng em là Tôn Đức Thắng ở Long Xuyên. Chúng em ăn ở với nhau đã có 3 mặt con, đứa lớn tên Hạnh, đứa thứ hai tên Nghiêm, đứa út con trai tên Liêm, nay phải xa nhau, dù bao năm nữa em cũng vẫn chờ!”.

Đọc thư, biết bà giận, ông đã viết thư xin lỗi.

*

* *

Một trong những cống hiến hết sức to lớn của Tôn Đức Thắng là trong thời gian làm việc ở Sở Lưới, Người đã bí mật tổ chức được một đường dây giao thông liên lạc đặc biệt giữa Chi bộ nhà tù Côn Đảo với tổ chức Đảng trong đất liền. Người cũng vận động được một số công nhân, thủy thủ người Pháp trên các tàu viễn dương đi qua Côn Đảo. Nhờ thế mà ở nhà tù này, chi bộ vẫn thường xuyên nhận được sách báo, tài liệu của Đảng Cộng sản Pháp và của cả Đảng Cộng sản Việt Nam xuất bản từ thời kỳ Mặt trận Dân chủ trở đi. Những thông tin về Hội nghị Trung ương Đảng lần đầu tiên họp ở trong nước do Nguyễn Ái Quốc chủ trì với tư cách đại diện Quốc tế Cộng sản đã làm nức lòng những người cộng sản ở Côn Đảo. Hội nghị đã bầu Ban Chấp hành Trung ương mới và Tổng Bí thư của Đảng là Trường Chinh. Một trong ba uỷ viên thường vụ có Hoàng Quốc Việt, người đã từng ở tù Côn Đảo với Tôn Đức Thắng. Hội nghị chủ trương: Sau khi đánh đuổi đế quốc Pháp - Nhật “sẽ thành lập một Chính phủ nhân dân của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, lấy lá cờ đỏ ngôi sao vàng năm cánh làm lá cờ toàn quốc. Sau Hội nghị này, Nguyễn Ái Quốc đã tập trung vào công tác xây dựng Đảng, xây dựng Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, mở các lớp chính trị và quân sự, chuẩn bị thành lập lực lượng vũ trang. Bức thư “*Kính cáo đồng bào*” bằng hai thứ chữ Việt và Hán của Nguyễn Ái Quốc cũng đã được chuyển tới Côn Đảo, tạo nên không khí hừng hực trong nhà tù, thấy “*cơ hội giải phóng đến rồi*”. Người kêu gọi “*toàn*

Một bình minh đang đến

dân đoàn kết”, phải thấy “*quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*”, đoàn kết lại để đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa bỏng...

Bức thư lịch sử ấy như báo hiệu một bình minh đang đến. Giữa nghìn trùng xa cách, những người cộng sản cảm thấy gần hơn với vị lãnh tụ tài ba của mình. Những lớp học chính trị, về lý luận cơ bản được nhiều người nhiệt liệt hưởng ứng. Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Đức Thuận, Lê Văn Lương... đều hăng hái tham gia học tập.

Ở Côn Đảo có Sở dây thép gió, nhưng tiếc thay, từ ngày Nhật đảo chính Pháp, nó phải ngừng hoạt động. Khi Nhật đưa bảo an binh ra thay thế bọn lính Pháp, qua tiếp cận được với bảo an binh, các chiến sĩ cách mạng mới biết được tin tức trong đất liền. Tháng 9 năm 1945, được tin thành phố Sài Gòn biểu tình suốt cả ngày, cờ đỏ sao vàng xuất hiện. Chi bộ nhà tù Côn Đảo phán đoán: tình thế cách mạng đã chín muồi. Lúc này, Nhật đưa Lê Văn Trà, một công chức cao cấp người Việt lên làm chúa đảo. Chi bộ nhà tù cử người giao dịch với Trà: trước tình hình mới, Trà phải đồng ý giao cho ông Độ, nguyên chủ Sở dây thép gió, phục hồi lại cái đài thu thanh cũ của Pháp để lại. Chi bộ cử ông Quang⁽¹⁾, một người thợ, biết sửa chữa đài thu thanh, cùng ông Độ làm việc này. Thật vui mừng: đúng ngày 2-9-1945, đài thu thanh được sửa chữa xong!

(1) Sau này là Đại sứ của Chính phủ cách mạng Cộng hoà miền Nam Việt Nam tại Liên Xô.

Bật máy nghe thử thì bắt được sóng của *Đài Tiếng nói Việt Nam* phát thanh từ Hà Nội. Từ giờ phút ấy, mọi người được nghe thấy tên Cụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch, cùng tên tuổi các vị thành viên Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Xúc động nhất là khi được nghe Hồ Chủ tịch đọc *Tuyên ngôn độc lập* tại Quảng trường Ba Đình lịch sử.

Trên đảo, ta cũng đã giành được chính quyền tự quản. 18 “Đội phòng thủ Côn Đảo” được thành lập, thường xuyên phân công nhau “cảnh giới” suốt ngày đêm. Tôn Đức Thắng cùng một nhóm thợ giỏi lao vào sửa chữa chiếc ca nô mà bọn Nhật phá hỏng trước khi rút để liên lạc với đất liền.

Ngày 17-9, thực hiện Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương, Ủy ban Hành chính lâm thời Nam Bộ phái một đoàn ghe ra đón những người con ưu tú của cách mạng bị lưu đày ngoài Côn Đảo trở về đất liền.

Về cuộc đón lịch sử này, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ Huỳnh Văn Tiểng kể lại:

Ngay sau ngày Tổng khởi nghĩa ở Sài Gòn thắng lợi, Ủy ban Hành chính lâm thời Nam Bộ đã được thành lập. Trong phiên họp đầu tiên của Ủy ban, trong chương trình nghị sự, bên cạnh những vấn đề bức xúc như xây dựng bộ máy hành chính, một số biện pháp bảo đảm an ninh trật tự của thành phố, ông Ung Văn Khiêm, Ủy trưởng phụ trách nội vụ nêu một vấn đề cấp bách có tính chất quyết định cho sự nghiệp cách mạng là phải nhanh chóng tổ chức giải cứu tù chính trị ở Côn Đảo, trong đó có nhiều cán bộ lãnh đạo cốt cán của Đảng. Đây không chỉ là đền ơn đáp nghĩa cho các chiến sĩ cách mạng mà còn để kịp thời bổ sung

và tăng cường khung cán bộ cho Đảng, chính quyền và mặt trận các cấp.

Thực hiện chỉ thị của Bác Hồ, của Trung ương, với ý kiến lãnh đạo của Xứ uỷ Nam Kỳ, Uỷ ban Hành chính lâm thời Nam Bộ đã có một quyết định quan trọng là tổ chức giải phóng, cứu trợ và trọng dụng đông đảo cán bộ tù nhân Côn Đảo để củng cố, tăng cường chính quyền non trẻ vừa thành lập. Uỷ ban đã cử ra một ban đặc nhiệm cứu tù Côn Đảo gồm một số uỷ viên cốt cán. Ông Ung Văn Khiêm lên danh sách và tình trạng sức khoẻ cán bộ tù Côn Đảo. Ông Ngô Tấn Nhơn nghiên cứu và trình bày kế hoạch sử dụng tài chính. Ông Kha Vạng Cân, Chủ tịch Uỷ ban Hành chính Sài Gòn lên kế hoạch chuẩn bị phương tiện, tàu bè, cơ sở đón tiếp. Kế hoạch cứu tù Côn Đảo dự kiến sẽ dùng tàu có công suất lớn để tranh thủ thời gian giải thoát trước khi địch phản ứng. Ông Đào Duy Kỳ (cựu tù Côn Đảo) báo cáo cụ thể về tình hình tù nhân. Chủ tịch Uỷ ban Hành chính tỉnh Sóc Trăng Dương Kỳ Hiệp được giao nhiệm vụ chuẩn bị địa điểm đón tiếp tù Côn Đảo với đầy đủ phương tiện bồi dưỡng, chăm sóc sức khoẻ, thông báo cho gia đình tù nhân có thể tiếp xúc được, kể cả việc thăm viếng của gia đình. Mọi việc được nhanh chóng nghiên cứu thực hiện. Tuy nhiên, phần lớn tàu bè bị hư hỏng không thể sửa chữa kịp thời, đành phải chuyển qua phương thức dùng thuyền buồm. Dưới sự chỉ đạo của Xứ uỷ Nam Kỳ, một danh sách đặc biệt gồm những cán bộ chủ chốt, trong đó có Tôn Đức Thắng, được ưu tiên đón về càng sớm càng tốt.⁽¹⁾

(1) Xem "Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực...", tr. 189-190.

Trong đất liền, cũng như trên hòn đảo giữa trùng khơi này, ánh sáng của chế độ mới toả sáng với sự hấp dẫn kỳ diệu. 80 năm đen tối dưới ách thực dân đã lùi dần, mở ra một bình minh trong trang sử mới của dân tộc. Những người cộng sản ưu tú trên hòn đảo này khát khao đến cháy bỏng ngày trở về để tiếp tục hoạt động, để chiến đấu dưới lá cờ quang vinh của Hồ Chí Minh. Người ta kể rằng, đêm ấy (19-9-1945), Côn Đảo đã thức trắng, vì Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Nguyễn Văn Linh cùng một số chiến sĩ khác đã phát hiện có một đoàn tàu ghe lạ vừa mới tới địa phận Côn Đảo. Mọi người theo dõi, nắm tình hình, dự kiến diễn biến, định ra phương án cho từng tình huống và được chỉ bộ Đảng chỉ thị cho các đội phòng thủ Côn Đảo ở tư thế sẵn sàng chiến đấu. Ở các “Banh” cũng xôn xao về đoàn tàu ghe lạ ấy.

Quyết tâm chung được nêu cao: “Nếu là địch thì đây là trận quyết tử!”.

Sau khi được trình sát xem xét, lãnh đạo chỉ bộ Đảng khẳng định đó là đoàn tàu, ghe của cách mạng từ đất liền phái ra. Song, trong hầu hết tù nhân, người ta còn bán tín, bán nghi.

Tôn Đức Thắng và Lã Vĩnh Lợi được cử sang Cỏ Ống để xem xét thêm. Ông Lợi sau này kể lại:

“Bác Tôn lái chiếc ca nô vừa được sửa chữa xong. Khi tôi ra tới ca nô thì Bác Tôn đã chuẩn bị mọi việc chu đáo. Chỉ đợi tôi đến là nổ máy.

... Đi một lát, ca nô đến Cỏ Ống.

Thấy chiếc tàu nhỏ đậu sát bờ bên dãy vách đá lởm chởm, tôi nói với Bác Tôn: “Chắc là hoa tiêu và người lái không thạo luồng lạch, không rõ bến ở đâu nên “tấp” vô đây”.

Một bình minh đang đến

... Tôi đề nghị Bác Tôn lái thẳng ca nô đến chiếc tàu, bên hông đề hai chữ “Phú Quốc”.

... Vẫn không thấy động tĩnh gì cả... Mọi người đều ngủ say như chết.

- Này, sao anh lại nằm đây?

Một anh giục mắt nhìn tôi, tự giới thiệu:

- Tôi là Tưởng Dân Bảo được chỉ thị của Chính phủ ra đón các anh ngoài Côn Đảo về. Trên đường từ đất liền ra, đoàn tàu ghe gặp một cơn giông lớn kéo dài gần 2 tiếng đồng hồ, anh em phải chống chọi quyết liệt với chúng, nên tận đêm mới tới đây. đành cứ “tấp” đại vô, sáng ra rồi tính.

- Chúng tôi là đại diện anh em tù đây. Nghe tin sang đón các anh. Cùng đi với tôi có cả anh Hai Thắng.

Nghe nói tới anh Hai, mắt anh Bảo sáng lên, xúc động, sung sướng...”⁽¹⁾

Trong hồi ký “*Con đường theo Bác*” của mình, nguyên Ủy viên thường vụ Trung ương Đảng Hoàng Quốc Việt có kể: “Tôi biết anh Bảo là người yêu nước chân chính. Anh có tư tưởng chống Pháp từ hồi còn niên thiếu. Khi Nguyễn Thái Học lập Quốc dân Đảng, tuyên bố chống Pháp, anh xin tham gia. Bọn thực dân bắt anh, đày giam tại Côn Đảo cùng với một nhóm Quốc dân Đảng yêu nước như Trần Huy Liệu, Tô Chấn, Tô Hiệu, Trần Xuân Độ... Tại Côn Đảo, anh giác ngộ chủ nghĩa cộng sản, xin gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Hai tên Quốc dân Đảng phản động là Nguyễn Ngọc Sơn và Nhượng Tống thù ghét anh Trần Xuân Độ và anh Tưởng Dân Bảo tới mức quyết định mưu sát anh. Chúng nhờ đội Lãng giết. Lừa lúc

(1) Dẫn theo Phương Hạnh, sách “*Tôn Đức Thắng - người cộng sản mẫu mực...*”, tr. 284-285.

sơ hở, đội Lãng cầm dao cắt họng và cắt cổ anh Bảo. May sao anh không chết. Được anh em cứu chữa, dần dần anh Bảo khỏi bệnh. Từ đây anh càng gắn bó với anh em tù cộng sản...”⁽¹⁾

Trong chuyến công tác ở Trung Bộ và Nam Bộ, ông Hoàng Quốc Việt đã gặp lại ông Bảo giữa những ngày sôi động sau Tổng khởi nghĩa. Ông cho biết: giờ đây, Tưởng Dân Bảo đang hoạt động tại Nam Bộ, muốn góp phần mình vào sự nghiệp giải phóng Tổ quốc. Khi được nghe tiếng Bác Hồ qua Đài Tiếng Nói Việt Nam ông Bảo xúc động lắm. Ông nói với mọi người:

- Đời tôi chưa được gặp Cụ Hồ Chí Minh, nhưng tôi rất tôn kính Cụ.

Ra đến Côn Đảo lần này, gặp lại bao nhiêu anh em quen biết cũ, ông Bảo vô cùng xúc động, không cầm được nước mắt.

Tại cuộc mít tinh lớn được tổ chức ngày 21-9-1945 ở Côn Đảo với sự tham gia đầy hân hoan của hàng nghìn người tù - tù chính trị, tù thường, cả viên chức và vợ con họ..., tay cầm cờ đỏ sao vàng và các khẩu hiệu, ông Tưởng Dân Bảo báo cáo tình hình khởi nghĩa trên phạm vi cả nước, việc thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Trung ương và Ủy ban Hành chính Nam Bộ cũng như về chủ trương cử “phái đoàn” ra đón anh em tù chính trị ngoài Côn Đảo về đất liền. Tiếp đó, ông công bố:

- Ngoài các chính trị phạm, một số viên chức và tù thường phạm cũng sẽ được giải quyết về đất liền với thời gian nhanh nhất. Nếu trong đợt 1 đón chưa hết (vì lý do thiếu phương tiện) thì sẽ đón về đợt 2.

(1) Sách đã dẫn, tr. 161.

Một bình minh đang đến

Ông Bảo vừa dứt lời, những tiếng hô vang lên như sấm:

- *Nhiệt liệt hoan hô Chính quyền cách mạng!*
- *Tuyệt đối tin tưởng vào Chính phủ Cách mạng lâm thời Trung ương!*
- *Sẵn sàng cống hiến tất cả cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng đất nước, bảo vệ Tổ quốc!*
- *Việt Nam hoàn toàn độc lập muôn năm!*

v.v.

Sáng sớm ngày 23-9, đoàn tàu ghe gồm 23 chiếc từ đất liền ra nhổ neo cùng chiếc tàu “Phú Quốc” mang theo 1.866 người chiến thắng từ Côn Đảo trở về.⁽¹⁾ Trong đoàn tàu thuyền này còn có một chiếc ca nô do Tôn Đức Thắng cùng hai anh em ruột là Nguyễn Hùng Minh, Nguyễn Hùng Phước may mò sửa chữa, lúc này được kẻ thêm hai chữ “*Giải phóng*”. Chiếc ca nô này chở 13 chiến sĩ cách mạng, trong đó có Phạm Hùng, Phan Trọng Tuệ, Lã Vĩnh Lợi, Nguyễn Văn Vịnh, Đào Văn Trường... do chính Tôn Đức Thắng, nhà cách mạng lúc này đã 57 tuổi, cùng hai anh em Minh, Phước thay nhau điều khiển.

Tàu “Phú Quốc” có sức chứa lớn nhất. Khoảng 200 người đi trên tàu này, trong đó có tất cả “tù chính trị” người nước ngoài.

Ca nô “Giải phóng” dẫn đầu đoàn tàu ghe, phấp phới cờ đỏ sao vàng, rẽ sóng về đất liền. Từ các ghe và tàu “Phú Quốc”, những tiếng hát, tiếng nhạc, tiếng thơ cất lên, hoà lẫn tiếng cười vui, phấn khởi lạ thường. Ôi! Đất Mẹ đang chờ đón những người con ưu tú để siết chặt vào lòng...

(1) Có tài liệu ghi khoảng 1.800 người.

Nhưng, đi được một lúc khá lâu, bỗng nhiên một cơn mưa giông nổi lên rất dữ dội, gây cho đoàn tàu ghe gặp những khó khăn, trở ngại không ngờ. Nguyễn Hùng Minh kể lại:

- Giông to quá, sóng to quá, nước ào vào cả lòng ca nô. Anh em nào còn cố gượng được vội vàng thi nhau tát nước, tát thật nhanh.

Lúc này, trên ca nô, trong tàu, ở các ghe, nhiều anh em đã say sóng. Mặc sóng to gió cả, “cứu thương” vẫn tích cực hoạt động, đưa từng ly nước đường pha sẵn đến cho anh em chống ỏi.

Gió vẫn thổi mạnh. Chiếc ca nô như ngựa bất kham không còn theo sự điều khiển của Bác Tôn nữa. Tôi nhớ chính xác - lúc khó khăn nguy hiểm này - Bác Tôn bảo tôi và Phước để bác lái, còn anh em tôi phụ lái. Giông to, gió lớn, sóng biển ào cả tới, chiếc la bàn trên ca nô bị sóng đánh văng rớt xuống biển. Mất phương hướng. Có lúc hình như ca nô muốn lạc sang Philippin hay Malaixia...

Tất cả anh em đi trên ca nô ai cũng bình tĩnh nhưng rất khó xác định được hướng đi tiếp. Bỗng nhiên, Bác Tôn reo lên:

- A! Còn!

Bác nhanh tay rút ra chiếc bút máy “hàng xén” ở túi áo ngực, trên nắp bút có chiếc la bàn nhỏ xíu. Bác bảo:

- Tao còn la bàn đây, tụi bây ơi!

Phước và tôi mừng rơn như người sắp chết đuối vớ được cọc.

Chiếc la bàn gắn trên nắp bút của Bác Tôn vẫn chạy tốt. Với vật xinh xinh nhưng hữu hiệu ấy, Bác Tôn bẻ lái hướng được ca nô chạy về phía đất liền.

Thật hú vía! Cơn bão đã qua.

Lúc này trời đã chạng vạng về chiều.

Một bình minh đang đến

Vẫn mênh mông là biển cả.

Phước và tôi thay nhau lái để Bác Tôn nghỉ một lát.
Bác dặn chúng tôi:

- Bọn bây nhìn nước biển, nhìn chim bay trên trời nghe! Thấy nước biển trong là còn xa bờ, nếu thấy đục thì đã gần bờ rồi đó. Khi nào thấy chim nhận mỏ cắp lá là còn xa bờ, nếu mỏ không cắp lá là sắp tới đất liền rồi đấy!

“Người chiến sĩ Biển Đen” quả là dày dặn kinh nghiệm vượt biển.

Chiều tà, nhìn xuống biển, thấy nước đục ngòm. Trần Diệp - người nhỏ tuổi nhất trên chiếc ca nô “Giải phóng” - tinh mắt nhìn về phía xa xa, rồi bỗng thét lên:

- Đã nhìn thấy đất liền rồi! Bác ơi! Các anh ơi!

Nghe nói vậy, anh nào anh nấy như khoẻ ra.

Chừng một tiếng sau đã hiện lên trước mắt mọi người những lùm cây, bãi cát... Và, người...

Trời ơi! Cơ man nào là người...

Ca nô càng vào gần, càng nhìn rõ hơn. Người! Đúng rồi, đông đặc người! Lại nhìn thấy cả cò nữa! Nhưng sao có những lá cò “lạ hoắc” thế kia? Bên cạnh những lá cò Tổ quốc mà anh em đã biết, sao lại có những lá cò nền vàng sao đỏ? Sao lại có những lá cò màu già và cả cò trắng có thập ác nữa?!(1)

Tiếng một anh nào đó nói rất to:

- Đất ta hay đất người! Cảnh giặc! Anh em chuẩn bị lên đạn, đề phòng bất trắc.

Ca nô đã tiến sát bờ. Tự nhiên máy ngừng nổ.

(1) Cò nền vàng sao đỏ là của lực lượng Thanh niên Tiền phong. Cò màu già là của lực lượng giáo phái Hoà Hảo. Cò có dấu thập là cò của tổ chức Chữ thập đỏ.

Phước kiểm tra thấy cạn không còn một giọt nhớt!
Từ trên bờ vang lên những tiếng hô:

- *Hoan hô chính trị phạm!*

- *Hoan hô Việt Minh!*

- *Hoan hô chính trị phạm! Hoan hô Việt Minh!*

Đúng là đất ta rồi! Nhưng đây là đâu?

Lúc chúng tôi lên bờ, bà con cô bác ào tới hỏi thăm:

- Các anh mạnh chứ? Hoan hô các anh! Chúng tôi
đợi đón các anh suốt từ trưa đến giờ.

Có má ôm lấy chúng tôi khóc nức nở, tay vuốt vuốt
đầu tóc lởm chồm và thân hình gầy guộc của anh em
chúng tôi...

... Hỏi ra mới biết đây là cửa biển Mỹ Thanh, thuộc
huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Tàu “Phú Quốc” và
đoàn ghe không cập bến này, mà đều cập bến Đại
Nghĩa (cùng huyện Long Phú) trong ngày 23-9-1945⁽¹⁾.

Thật cảm động: trong cuộc đón đầy ấn tượng này,
có hai người con gái lần tìm kiếm tù nhân Tôn Đức
Thắng. Mà người được họ hỏi có biết cha mình là Tôn
Đức Thắng không lại chính là Bác Tôn! Bác Tôn tát
yêu vào hai người con gái và nghẹn ngào trả lời:

- Thằng cha mày ở đây mà không biết à! Mà đi tìm
ở đâu?

Kể cũng dễ hiểu. 15 năm trước, các cô còn quá nhỏ,
có đi dự buổi kết án ở Sài Gòn cùng má, nhưng không
thể nào nhớ nổi mặt cha. Nhất là lúc này, người cha
sau những năm trường vượt bao gian nguy, đói khổ,
ốm đau, người gầy gò, nước da sạm nắng, khó lòng
nhận ra được.

(1) Dẫn theo Phương Hạnh, sách “Tôn Đức Thắng - Người cộng sản
mẫu mực...”, tr. 289-291.

Một bình minh đang đến

... Bà Đoàn Thị Giàu (Bác Tôn gái) nghe tin chồng về, quá đỗi vui mừng. Lúc đó, bà đang bắt gà ở hàng xóm để sáng lên chợ bán, vội chạy về, hai tay xách bốn con gà buông rơi lúc nào không biết. Về đến nhà, thấy hai con⁽¹⁾ đang ôm cha mà khóc, bà ôm góc cột nhìn chồng gầy gò, xơ xác cũng không cầm được nước mắt.

Bác Tôn chỉ ở nhà một ngày với vợ con. Người phải lên đường nhận công việc của đoàn thể. Tình hình đang hết sức khẩn trương.

(1) Người con trai út của Bác Tôn (Tôn Đức Liêm) đã mất khi mới lên ba tuổi do một trận sốt đột ngột và uống nhầm thuốc.

ANH HÙNG ĐÃ GẶP ANH HÙNG!

Tính ra, từ khi bị bắt và tra khảo tại Khám lớn Sài Gòn rồi bị đày đi Côn Đảo cho đến ngày Bác Tôn trở về, đã 17 năm trôi qua. Cũng như tất cả các đồng chí của mình, lẽ ra, Bác có thể nghỉ ngơi, an dưỡng một thời gian để phục hồi sức khỏe và giúp đỡ gia đình, song, vừa về tới đất liền, đã là lúc quê hương rền vang tiếng súng. Từ bên kia đại dương - núp dưới bóng Anh - Mỹ và Nhật - những chiếc tàu chiến khổng lồ của Pháp đã ùn ùn kéo tới. Bọn Pháp bắt đầu đánh phá Sài Gòn, đánh phá các tỉnh ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Chúng đang âm mưu chiếm lại mảnh đất thân yêu của Tổ quốc một lần nữa! Nhưng, chúng đã bị quân và dân ta chặn đánh quyết liệt, tất cả xả thân ra tiền tuyến, chiến đấu ngoan cường với ý chí *“Độc lập hay là chết!”*.

Bác Tôn chỉ kịp về Vĩnh Kim - như đã nói - thăm vợ con không đầy một ngày - rồi về thăm người mẹ ở Cù lao Ông Hổ. Nỗi đau lớn nhất của Bác khi trở về là không được gặp mặt người cha thân yêu và đứa con trai út của mình. Về thăm mẹ ở quê hương, Bác bước nhanh qua cụm lau sậy, vào tới nhà, rồi quỳ xuống bên giường, úp mặt vào lòng bàn tay mẹ già. Người ta kể lại rằng, trên giường, đôi mắt bà mẹ nhoà lệ, cất giọng rưng rưng với người con đã 57 tuổi: *“Thằng Hai,*

Anh hùng đã gặp anh hùng

mày về tao mừng quá, tưởng đâu lần này tao theo ông theo bà không có mày tiến đưa". Ngắm nhìn mẹ hồi lâu, Bác bước nhẹ ra hiên ngoài, ngồi trên lan can, dựa lưng vào cột hàng ba, đôi mắt đỏ hoe nhìn thẳng về phía chân trời. Sáng hôm sau, gia đình và hàng xóm đến mở tiệc mừng, tiệc chưa xong Bác lại giã từ mẹ và mọi người thân để tiếp tục ra đi. Một người bà con chú bác ruột của Bác Tôn gạn hỏi:

- Anh ở tù lâu mới về, cách mạng đã giành được chánh quyền, còn gì nữa mà anh đi gấp vậy?...

Bác Tôn trả lời:

- Chưa êm đâu các chú, các anh à, thằng Pháp bây giờ như cái đèn hết dầu, nó còn chớp lên mấy trận nữa mới tắt...⁽¹⁾

Thế là, từ bán đảo Cà Mau, Bác đã nhanh chóng đến với đồng chí, đồng bào để góp sức mình vào cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương, Tổ quốc. Bác đã dự Hội nghị Xứ uỷ mở rộng tại Thiên Hộ, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho, ngày 25-10-1945. Dự Hội nghị này, ngoài các uỷ viên của Xứ uỷ, còn có Bác Tôn, ông Lê Duẩn vừa ở Côn Đảo về và đại biểu các đảng bộ tỉnh, thành của Nam Bộ. Chủ trì Hội nghị là ông Hoàng Quốc Việt, thay mặt Thường vụ Trung ương Đảng. Hội nghị diễn ra giữa lúc cuộc kháng chiến ở Nam Bộ đang chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn chiến đấu trên toàn chiến trường miền Nam. Cho nên, một trong những nhiệm vụ khẩn cấp lúc này là củng cố và phát triển gấp các lực lượng vũ trang...

(1) Dẫn theo Nguyễn Văn Tri, sách "Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực...", tr. 519-520.

Với sự tín nhiệm cao, Bác Tôn được cử làm Bí thư Xứ uỷ, nhưng Bác khiêm tốn từ chối và sau đó đề nghị ông Lê Duẩn làm Bí thư - người đã từng tham gia Ban thường vụ Trung ương cùng thời kỳ với Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ. Bác Tôn nhận nhiệm vụ bổ sung và tăng cường để chỉ đạo Uỷ ban Kháng chiến Nam Bộ, trực tiếp làm chủ nhiệm hậu cần và chỉ đạo lực lượng vũ trang.

Về thời gian này, nguyên Phó Chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến Nam Bộ Huỳnh Văn Tiểng kể:

... “Chúng tôi ngày đêm trông đợi Bác Tôn về và sau đó được biết Bác đã về đến Mỹ Tho vào giữa tháng 10. Lúc bấy giờ, giặc Pháp công phá vòng vây của lực lượng kháng chiến tại Sài Gòn và dùng tàu tấn công bằng đường sông, lực lượng phòng thủ dưới quyền chỉ huy của đồng chí Nguyễn Văn Khánh ra sức ngăn trở âm mưu của địch. Chúng tôi càng lo lắng về sự an toàn của Bác Tôn. Ba ngày sau, vào buổi trưa, tôi được lực lượng bảo vệ Uỷ ban Kháng chiến cho biết có một nhóm người vũ trang muốn xin gặp trực tiếp thường trực Uỷ ban Kháng chiến. Thì ra đó là Bác Tôn Đức Thắng từ chiến trường nóng bỏng Mỹ Tho về gặp Uỷ ban Kháng chiến như kế hoạch đã định. Tôi rất sốt ruột chờ đợi được tiếp đón người cán bộ cách mạng kỳ cựu mà cuộc đời được ghi dấu bằng những điểm sáng trong phong trào vận động công nhân Việt Nam, nhân dân thế giới lên án đế quốc Pháp, ủng hộ, giúp đỡ cuộc kháng chiến Việt Nam.

Tôi đã tưởng tượng Bác Tôn là một công nhân lực lưỡng, gan góc vì đã trải qua bao nhiêu sóng gió một cách vững vàng. Nhưng tôi sững sờ đón tiếp một cụ

già có tiểu hình nhỏ nhắn, tóc nhuộm bạc, đầu lại quấn băng trắng vì có cục bướu ở sau ót, mặc bộ đồ bà ba cũ kỹ bạc màu lại mang trên vai khăn gói như một thường dân chạy giặc lúc bấy giờ. Với bề ngoài giản dị ấy, Bác Tôn vẫn tỏ ra là một người nhanh nhẹn, cởi mở. Chúng tôi thực hiện chế độ chăm sóc dưỡng bệnh và bảo vệ sức khoẻ cho Bác. Vì đồng chí Trần Văn Giàu đi công tác miền Đông nên chúng tôi đã tổ chức báo cáo cho Bác Tôn tình hình những ngày đầu kháng chiến...”⁽¹⁾

Nghe báo cáo, Bác Tôn đã khen ngợi những việc mà Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ đã làm được, đồng thời căn dặn nhiều ý kiến quý báu, trong đó có việc “chất chiu, giữ gìn đoàn kết trong nội bộ cán bộ, đảng viên, đoàn kết giữa quần chúng công-nông và trí thức tư sản yêu nước”.

Tuy đã được Đảng và Nhà nước uỷ nhiệm công tác, nhưng Bác Tôn vẫn cẩn thận đề nghị ông Huỳnh Văn Tiểng nhân danh Phó Chủ tịch thường xuyên của Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ ký quyết định chính thức cử đồng chí Tôn Đức Thắng làm nhiệm vụ kiểm tra và chỉnh đốn công tác hậu cần...

Theo điện khẩn cấp của Trung ương, Xứ uỷ và Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ tiến hành hai nhiệm vụ có tầm chiến lược quan trọng: tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc hội để khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và tổ chức lại bộ máy kháng chiến toàn miền Nam Việt Nam (gồm Nam Bộ và Liên khu 5 bị chiếm đóng).

(1) “Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực...”, tr. 191.

Cuộc Tổng tuyển cử ở khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã thành công tốt đẹp. Bác Tôn đắc cử đứng đầu danh sách 5 đại biểu gồm những cán bộ cách mạng đã kinh qua thử thách và được nhân dân tín nhiệm. Với uy tín rất cao, Bác Tôn cùng nhiều cán bộ chủ chốt làm việc ngày đêm, không quản tuổi cao, lặn lội trong phong trào đang vô cùng sôi động ở khắp miền Nam.

Tháng 2-1946, theo chỉ thị của Bác Hồ và Thường vụ Trung ương, Bác Tôn được triệu tập ra Hà Nội nhận công tác mới. Ông Trần Quốc Hương, hồi này là vệ sĩ và là người giúp việc gần gũi của Tổng Bí thư Trường Chinh kể:

“Tôi nhớ hôm đó, cũng như mọi ngày, tôi lái chiếc xe Citroën TA20 đưa anh Trường Chinh đi làm việc với Bác Hồ, rồi sau đó đưa anh đến một địa điểm bí mật của Toà soạn báo *Sự thật* đặt tại một căn gác nhỏ trong kho Nhà Đoan cũ ở số 8 phố Balny (nay là phố Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội).

Anh Trường Chinh vui mừng bảo tôi:

- Từ mấy tuần trước, tôi có bảo anh điện mời anh Hoàng Quốc Việt ra họp Ban thường vụ Trung ương. Nhưng bận nhiều công việc trong Nam quá, anh Việt chưa ra được. Nay Trung ương mới nhận được tin Đoàn đại biểu Nam Bộ do đồng chí Tôn Đức Thắng dẫn đầu vừa mới lên xe lửa ở Tuy Hoà (Phước Yên). Chỉ nay mai, đoàn sẽ ra đến Hà Nội thôi.

Thú vị lắm đấy! Đồng chí Tôn Đức Thắng là một chiến sĩ cách mạng dân tộc và chiến sĩ cách mạng thế giới mà Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quý mến...”⁽¹⁾

(1) “Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực...”, tr. 65-66.

Anh hùng đã gặp anh hùng

Tổng Bí thư Trường Chinh giới thiệu những nét đặc sắc về con người và cuộc đời của Bác Tôn cho ông Hương nghe. Ông Hương cũng đầy lòng cảm mến người thợ máy anh hùng, từng dũng cảm kéo ngọn cờ đỏ ở Hắc Hải để bảo vệ nước Cộng hoà Xôviết Nga non trẻ, từng sáng lập *Công hội bí mật* ở Sài Gòn, lãnh đạo bãi công của công nhân Ba Son, trải qua 17 năm lao tù...

Tổng Bí thư Trường Chinh nói với ông Hương:

- Bác Hồ dự kiến sẽ gặp Bác Tôn ngay sau khi Bác ra tới Hà Nội. Sau đó, Bác Hồ sẽ gặp toàn thể Đoàn đại biểu Quốc hội Nam Bộ. Tôi cũng sẽ gặp Bác Tôn. Vậy giao cho anh việc sắp xếp thời gian, địa điểm, chuẩn bị đón tiếp Bác Tôn đây. Anh thấy thế nào, nên gặp ở đâu?

Ông Hương vốn quen biết công việc nên nói ngay:

- Thưa anh, không thiếu gì nơi tiếp khách. Nhưng, theo tôi, thuận tiện hơn cả vẫn là trong khu phố cũ. Ngõ nhà 51 Hàng Bồ, trên gác là nơi Xứ uỷ Bắc Bộ thường tiếp khách.

Ông Hương kể tiếp:

- Những ngày đầu ra Hà Nội, Bác Tôn là “khách quý” của Bác Hồ và Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Bác Hồ thường ăn sáng với cháo hoa và miếng đậu phụ kho hoặc chút ít đường “cát”. Còn “khách” mà Bác thường xuyên tiếp ở đây là các anh trong Ban thường vụ Trung ương Đảng. Tất cả “khách” của Bác đến đều được mời ăn phở gánh ở đầu phố Hàng Hành do anh Khương, tù chính trị Sơn La mua về. Anh Khương, được anh Nguyễn Lương Bằng giao nhiệm vụ chăm lo cơm nước cho Bác Hồ.

Ăn sáng xong, tôi mời Bác Tôn ra xe:

- Thưa Bác, hôm nay cháu đưa Bác đến chỗ anh Trường Chinh.

Bác Tôn nheo mắt cười:

- Đồng chí ơi, đừng kêu tôi là Bác. Tiếng Bác chỉ nên dành cho Bác Hồ của chúng ta thôi! Cứ gọi tôi là anh Hai Thắng...⁽¹⁾

*

* *

Cho đến hôm nay, người biên soạn cuốn sách này chưa tìm được một tư liệu nào mô tả lại cuộc gặp đầu tiên giữa Bác Hồ và Bác Tôn, vào mùa xuân năm 1946, ở Phủ Chủ tịch. Song, có thể tưởng tượng được giờ phút vui mừng và cảm động giữa hai con người mang tầm vóc lịch sử lớn lao này. Bác Hồ ít hơn Bác Tôn hai tuổi, coi như cùng lứa tuổi, đều đã có sau lưng mình những năm hoạt động vô cùng sôi động, đầy gian khổ vì tương lai của dân tộc. Giờ đây, nước nhà đã độc lập, lịch sử đã sang trang. Niềm mơ ước về một chế độ do nhân dân làm chủ mà hai Bác từng theo đuổi và phấn đấu, hôm nay đã thành hiện thực. Còn gì vui sướng bằng! Cho dù công cuộc bảo vệ chính quyền còn đầy gian nan, thử thách. Riêng hai Bác, đã 25, 26 năm biết tên nhau và cảm phục nhau, thông qua những sự tích anh hùng! Máy thập kỷ qua, ra tù vào tội, ra sinh vào tử, bao lần thoát chết, để hôm nay có ngày hội ngộ:

Anh hùng lại gặp anh hùng

Tri âm nay hội ngộ cùng tri âm!

(1) Sách đã dẫn, tr. 67.

Anh hùng đã gặp anh hùng

Bác Tôn nhìn ở Bác Hồ vị lãnh tụ anh minh của dân tộc, người đang lái con thuyền cách mạng băng qua những thác ghềnh. Bác Hồ nhìn ở Bác Tôn một người đồng chí kiên cường, gan góc, một người con thân yêu của “Thành Đồng Tổ quốc”, một người bạn chiến đấu gần gũi, keo sơn trong cuộc tranh đấu mới.

Nhân dân ta ở hai miền Nam Bắc thật hạnh phúc, thật may mắn được cảm nhận và chứng kiến cuộc gặp gỡ của hai nhân vật lịch sử - những tên tuổi đem đến cho dân tộc niềm tin tưởng, kính yêu, làm quân thù khiếp sợ. Phía sau hai Bác, ở miền Nam và miền Bắc, là cả một đội ngũ những người con yêu quý, những cộng sự trung thành, đang sẵn sàng noi gương hai Bác, làm theo hai Bác, quyết sống xứng đáng vì dân tộc!

Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong những ngày giờ ấy, bận trăm công ngàn việc, phân lo cùng Trung ương giải quyết những vấn đề to lớn liên quan đến vận mệnh Tổ quốc, của chính quyền mới, phân suy tính bao nhiêu đối sách trước thù trong giặc ngoài. Người đang cần những cộng sự, những người tài ba để gánh vác trách nhiệm cùng Người. Bao nhiêu nhân sĩ, trí thức cũng đã tụ tập quanh Người, quanh Trung ương, quanh Chính phủ. Những con người như Tôn Đức Thắng càng cần, càng quý biết bao!

Từ ngục tù Côn Đảo, khi nghe tiếng nói của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trên cương vị Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời đồng dục tuyên bố trước thế giới về chủ quyền của nước Việt Nam - dù chỉ qua máy truyền thanh - Tôn Đức Thắng và các đồng chí của Người đã rạo rực biết nhường nào trước buổi bình minh của đất nước. Hôm nay, vị Chủ tịch đang ngồi trước mặt đây, bằng xương bằng thịt.

Không vui sướng sao được, không vinh hạnh sao được. Vốn là người ít nói, làm nhiều, hành động là chính, hành động tiên phong, Tôn Đức Thắng mong mỗi có ngày được chiến đấu dưới lá cờ của vị lãnh tụ, cho nên Người đã vượt qua bão tố trên đại dương để về đất liền, chỉ ở bên mẹ, bên vợ con thân yêu một hai ngày ngắn ngủi, lại vượt qua lửa đạn, chiến trường miền Nam, lại cùng đoàn đại biểu Quốc hội của Nam Bộ về đây, giữa thủ đô Hà Nội. Chỉ vài hôm trước đây thôi, từ Nam Bộ đi, đường ra Bắc vì Pháp đã chiếm đóng hết, nên Bác Tôn phải lái con thuyền cũ kỹ, la bàn sộc sệch, đưa mọi người về đến Tuy Hoà. Từ Cà Mau đến Tuy Hoà, con đường thuỷ mệnh mông sóng gió, Bác Tôn đã cùng các đại biểu đi tàu lửa về tới đây, bên Bác Hồ yêu quý của đồng bào Nam Bộ, của toàn thể quốc dân đồng bào.

Ngay tại cuộc gặp đầu tiên đó, sau khi hỏi thăm sức khoẻ, công tác ở Nam Bộ và gia đình, Bác Hồ thay mặt Trung ương phân công Bác Tôn tham gia chỉ đạo thành lập Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam, gọi tắt là Hội Liên Việt.

Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 29-5-1946, tại Nhà hát Lớn Hà Nội, Hội chính thức ra mắt đồng bào cả nước, do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Hội trưởng danh dự, cụ Huỳnh Thúc Kháng - Bộ trưởng Bộ Nội vụ, *“một người đạo đức danh vọng mà toàn thể quốc dân ai cũng biết”* (lời Hồ Chủ tịch) - làm Hội trưởng và cụ Tôn Đức Thắng làm Phó Hội trưởng. Ban lãnh đạo Hội gồm 27 thành viên, là những nhân vật tiêu biểu trong hàng ngũ các nhà cách mạng, các nhân sĩ trí thức, những quan lại cũ có lòng yêu nước, đại diện các đảng phái trong và ngoài Việt Minh, các tôn giáo,

dân tộc... Bên cạnh các cụ Huỳnh Thúc Kháng, Tôn Đức Thắng là Nguyễn Lương Bằng, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Trần Huy Liệu, Dương Đức Hiền, Phạm Ngọc Thạch, Ngô Tử Hạ, Cù Huy Cận, Nguyễn Tường Long... những gương mặt tạo nên hình ảnh hoà hợp dân tộc vì đại nghĩa: *Độc lập hoàn toàn cho dân tộc Việt Nam*.

Trước đó hơn một tháng, ngày 16-4, Bác Tôn được cử tham gia lãnh đạo đoàn đại biểu Quốc hội nước ta đi thăm thiện chí nước Pháp, nhằm mở rộng việc tuyên truyền về nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà non trẻ trước dư luận Pháp và quốc tế, đề cao chính nghĩa của cuộc đấu tranh của dân tộc ta giành và bảo vệ nền độc lập. Đoàn đại biểu có 12 thành viên, do Phó Chủ tịch Quốc hội Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn và uỷ viên Ban thường trực Quốc hội làm Phó trưởng đoàn. Tổng thư ký của đoàn là Huỳnh Văn Tiểng, có nhiệm vụ chuẩn bị tư liệu giới thiệu cuộc đấu tranh giành tự do độc lập trong cuộc chiến ở khu 5 và Nam Bộ, giữ liên lạc chặt chẽ với giới báo chí tiến bộ ở Pháp, phát động phong trào nhân dân Pháp mà nòng cốt là các đảng phái chính trị tiến bộ, trước hết là Đảng Cộng sản và Đảng Xã hội Pháp, chống lại chính sách thuộc địa xâm lược của Pháp ở Đông Dương.

Trong đoàn còn có các vị: Dương Bạch Mai, Nguyễn Tấn Gi Trọng, Đinh Gia Trình, Trần Ngọc Danh (em ruột của cố Tổng Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Trần Phú), Nguyễn Mạnh Hà, Đỗ Đức Dục...

Đã 26 năm trôi qua, kể từ ngày Bác Tôn rời nước Pháp. Sau một phần tư thế kỷ, Bác trở lại, nhưng không còn là người thuỷ thủ luôn luôn bị bọn thực dân

theo dõi, mà ở cương vị một công dân, một người đại biểu của Nhà nước có chủ quyền.

Ngay từ đầu, trên máy bay Dakota, một loại máy bay dân dụng của Pháp, Bác Tôn và trưởng đoàn Phạm Văn Đồng luôn ân cần thăm hỏi sức khỏe từng đoàn viên, nhất là các đại biểu Quốc hội trí thức. Bác Tôn nhắc nhở các đại biểu hết sức giữ gìn sức khỏe, đừng để ảnh hưởng đến nhân cách, quốc thể của dân tộc Việt Nam.

Khi đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam tới Pháp, tại sân bay Orly, phía Pháp đã thực hiện đúng các nghi thức đón tiếp phái đoàn Quốc hội chính thức. Bước xuống máy bay, Bác Tôn vỗ vai ông Huỳnh Văn Tiểng, chỉ lên lá cờ đỏ sao vàng đang phấp phới bay trên cột cờ cao chót vót. Nhớ lại khung cảnh này, ông Tiểng cho biết:

- Tôi cũng như anh em trong đoàn rất xúc động, xem lá cờ này là một tiêu biểu rạng rỡ của nước Việt Nam tự do, độc lập vừa ra đời sau một thế kỷ nô lệ. Phái đoàn được bố trí ở và làm việc tại khách sạn Le Louvre hạng nhất ở Paris, trước khách sạn có treo Quốc kỳ Việt Nam đánh dấu sự có mặt của phái đoàn, ở tiền sảnh khách sạn có bố trí phòng cảnh binh bảo vệ và kiểm soát khách ra vào... Người tháp tùng phái đoàn là đại tá Tutange, một sĩ quan cao cấp, đồng thời là đại biểu Quốc hội Pháp”.⁽¹⁾

Ngoài nhiệm vụ một Phó Trưởng đoàn, Bác Tôn có trách nhiệm vận động kiều bào ta ở Pháp trong suốt cuộc hành trình dài đi thăm nước Pháp. Ngay từ phút đầu tiên, trên sân bay, hàng trăm kiều bào ta tung hô

(1) *“Tôn Đức Thắng - người cộng sản mẫu mực...”*, tr. 199.

Anh hùng đã gặp anh hùng

mừng rỡ chào mừng đoàn với khẩu hiệu bằng vải giương cao: “*Việt Nam hoàn toàn độc lập muôn năm!*” “*Hồ Chủ tịch muôn năm!*”, “*Chào mừng phái đoàn Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà!*”...

Sau này, Trưởng đoàn Phạm Văn Đồng có nhận xét rằng: “*Đúng là đoàn đại biểu đi thăm thiện chí. Có điều là thiện chí chỉ có ở phía ta. Ở Paris, chúng tôi không tiếp xúc với bất cứ cơ quan nào có thẩm quyền của nước Pháp. Trưởng đoàn Việt Nam chỉ gặp Chủ tịch Quốc hội Pháp (lúc ấy là Vanhxăng Ôriôn) ít phút trong giờ giải lao ở Quốc hội Pháp*”.⁽¹⁾

Tuy nhiên, với giới báo chí, và nhất là với kiều bào ta, Đoàn đã có nhiều dịp tiếp xúc (như với Việt kiều liên minh, với kiều bào ở Toulon, Nagent sur Marue...). Ở các cuộc thăm các chính giới, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, công đoàn, chính đảng, các vị lãnh đạo Đoàn giới thiệu tình hình Nam Bộ, tình hình trong nước, nêu cao thiện chí của Việt Nam, giải thích về Hiệp định Sơ bộ...

Trong giới Việt kiều, có nhiều lính chiến, lính thợ, trí thức. Bà con rất vui mừng đón thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thư Quốc hội, thư Thành bộ Việt Minh Hà Nội và phần khởi nhận cờ của Quốc hội, các tấm ảnh có chữ bút của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Huy hiệu Sao Vàng có ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh... Được sự giải thích và động viên, kiều bào ta bày tỏ lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch, của Chính phủ cách mạng, nguyện đoàn kết gắn bó để góp phần vào sự nghiệp chung của đất nước.

(1) Sách đã dẫn, tr. 26.

Bác Tôn có những giây phút rất cảm động khi tiếp xúc với bà con Việt kiều, trong đó có một số gương mặt quen biết cũ. Bác rất xúc động khi gặp lại một người bạn Pháp là André Marty, đại biểu Đảng Cộng sản Pháp, vốn là một nhân vật nòng cốt trong cuộc khởi nghĩa của binh sĩ chiến hạm France tại Hắc Hải năm 1919. Chính André Marty là người chỉ đạo cuộc binh biến đó và Bác Tôn là thuỷ thủ được cử ra kéo lá cờ đỏ ủng hộ Cách mạng Nga. Sau những phút hàn huyên thấm thiết, sôi nổi, người cộng sản Pháp từng trải ấy nói:

- Các đồng chí của phái đoàn Quốc hội Việt Nam sang xây dựng quan hệ hữu nghị giữa hai dân tộc Pháp - Việt và gây phong trào nhân dân Pháp ủng hộ Việt Nam là việc làm cần thiết; nhưng tình hình chính trị nước Pháp hiện nay còn phức tạp, Chính phủ Ramadier nghiêng về quyền lợi của các tập đoàn tư bản, giới tư bản Pháp không dễ dàng nhả ra những quyền lợi béo bở ở Đông Dương như than Hồng Gai, cao su Nam Bộ. Nếu có thể được, các đồng chí nên thu xếp về sớm để chuẩn bị đối đầu với cuộc chiến tranh xâm lược sẽ nổ ra. Bên đây, tại Pháp và châu Âu, chúng tôi sẽ kiên trì hoạt động ủng hộ cuộc chiến đấu chính nghĩa của dân tộc Việt Nam.

Cuộc tiếp xúc với bà André Viollis, chủ bút tờ tuần báo *Vendredi* của Đảng Cộng sản Pháp, tác giả quyển sách *Đông Dương cấp cứu* (L' Indochine S. O.S.) xuất bản năm 1930, cũng tạo ấn tượng xúc động mạnh mẽ khi mới gặp nhau, bà và Bác Tôn ôm hôn thấm thiết. Bác Tôn nhắc lại những kỷ niệm hợp tác đấu tranh chống thực dân Pháp ở Đông Dương những năm 30.

Lúc đó bà phụ trách tổ chức *Quốc tế đỏ* liên lạc và giúp đỡ tù chính trị ở Đông Dương. Bác Tôn nhắc lại

Anh hùng đã gặp anh hùng

những gói quà và các bức thư bà gửi cho tù nhân chính trị ở Côn Đảo hồi đó. Như một lời tiên tri kỳ diệu, lá thư của bà năm 1930 viết: *“Nếu đế quốc Pháp không thay đổi chính sách thuộc địa ở Đông Dương thì dường như chắc chắn 15 năm sau chính sách này sẽ sụp đổ”*.

Đúng vậy, năm 1945, đúng 15 năm sau, chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương đã sụp đổ!

Có điều, bà không ngờ, trong phái đoàn Quốc hội Việt Nam hôm nay có một người tù chính trị hiện diện trên đất Paris, trên đất Pháp ở cương vị Phó trưởng đoàn, đó là Tôn Đức Thắng!

Bác Tôn đã dẫn đầu một bộ phận của phái đoàn đi thăm một số nhân vật tiêu biểu của Pháp như nhà bác học Ranh Rivet, Giám đốc Viện Nhân chủng học Pháp, bà Vaillant Cuturier, Chủ tịch Hội Phụ nữ Pháp, ông Jolio Frédéria Curie, Giám đốc Viện Nguyên tử Pháp, cháu của bà Marie Curie, nhà bác học đã phát minh ra năng lượng nguyên tử... Ông Paul Rivet năm đó 76 tuổi, khi được giới thiệu Bác Tôn là *niên trưởng* của phái đoàn (58 tuổi), đã cười và nói: *“Các ông là những người trẻ tuổi kể từ trưởng đoàn đến đoàn viên và cả nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chưa đầy 1 tuổi. Tương lai thuộc về sức trẻ!”*

Gặp gỡ, tiếp xúc với những người con trung thành của Cách mạng Pháp, của Công xã Paris, Bác Tôn nhận xét: *“Họ là những con người chân chính vốn quý của dân tộc Pháp”*.

Sau bao nhiêu năm tù tội, tiếp đó là những tháng ngày lăn lộn trên chiến trường Nam Bộ, sức khoẻ Bác Tôn giảm sút nhiều, có lúc rất mệt, nhưng Bác đã hoạt động với một nghị lực phi thường. Đây là những hoạt động đối ngoại đầu tiên của Bác ở cương vị một

nhà chính trị, người đại biểu chính thức của nhân dân Việt Nam.

Từ ngày lên đường, lãnh đạo phái đoàn luôn có điện báo cáo Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trưởng ban thường trực Quốc hội Nguyễn Văn Tố.

Sau hơn một tháng trời hoạt động trên đất Pháp, ngày 23 tháng 5, phái đoàn Quốc hội ta về đến Hà Nội. Bác sĩ Nguyễn Tấn Gi Trọng, người ghi *Nhật ký* đều đặn về cuộc hành trình lịch sử của phái đoàn, viết về chiều 23-5:

“... Các người đi đón cho hay rằng hôm nay được tin muộn. Nhưng hôm trước thì toàn thể đồng bào thủ đô tập nập đi đón phái đoàn, chật cả phố, chật cả trường bay.

Hôm nay, có tất cả các giới, từ cụ Nguyễn Văn Tố, Trưởng ban thường trực Quốc hội đến ông Trần Duy Hưng, Thị trưởng Hà Nội, đến ông Phan Anh, Bộ trưởng Quốc phòng, ông Hoàng Minh Giám, Thứ trưởng Nội vụ, các anh trong Vệ Quốc đoàn, trong Quân y cục, trong báo giới, trong Nha Tuyên truyền.

14 giờ, đoàn xe từ trường bay Gia Lâm, qua cầu Long Biên, đến phố Hàng Đậu, đồng bào đứng chật hai bên phố hoan hô phái đoàn (...). Tiếp, đi ra Hàng Giầy, chợ Đồng Xuân, Hàng Đường, Hàng Đào, xuống Bờ Hồ Hoàn Kiếm, đỗ tại trụ sở Quốc hội. Suốt dọc đường, rất đông đồng bào hoan hô. Chào hỏi nồng nàn, thân mật, vui vẻ (...). Lại ra ô tô, đi đến Dinh Chủ tịch, vào chào Chủ tịch Hồ Chí Minh - xong, ai về nhà nấy”.

Bác Tôn vui mừng gặp lại Bác Hồ, thông báo cho Bác Hồ những chuyến thăm Việt kiều, đặc biệt về tình cảm của đồng bào đối với vị Chủ tịch nước và Chính phủ. Bác Hồ chúc mừng phái đoàn Quốc hội đã có những hoạt động tích cực trên đất Pháp, qua đó

Anh hùng đã gặp anh hùng

Người càng hiểu hơn dư luận các chính giới và kiều bào ta ở Pháp, trước khi Người lên đường sang thăm chính thức nước Pháp với tư cách thượng khách của Chính phủ nước này.

Về đến Hà Nội, Bác Tôn mới biết tin là sau khi Bác đi Pháp được ít ngày thì hai người con gái của Bác (Tôn Thị Hạnh và Tôn Thị Nghiêm) cũng ra tới Hà Nội cùng với bà Hai Sốc, một đảng viên kiên cường, hoạt động cách mạng từ những năm 1929-1930, có nhiều công lao với cách mạng. Bà được Trung ương điều động ra Hà Nội công tác. Nhân dịp này, bà Giàu (Bác Tôn gái) có gửi hai con ra Bắc cùng cha để học tập. Đường sá xa xôi, vượt biển từ Cà Mau đến Phan Thiết, rồi còn phải lội bộ, vượt qua đường mòn trong rừng sâu, đến Tuy Hoà mới có thể đi tiếp bằng xe lửa tới Quảng Ngãi, Hạnh và Nghiêm bị ốm mệt, phải nằm lại trị bệnh. Bà Hai Sốc ở lại trông nom, chăm sóc hai chị em Hạnh - Nghiêm, mãi gần đây mới ra tới Hà Nội.

*

* *

Ngày 31 tháng 5 năm 1946, tức một tuần sau khi Bác Tôn về đến Hà Nội, Bác Hồ lên đường đi thăm nước Pháp. Cùng ngày, đoàn đại biểu Chính phủ ta do ông Phạm Văn Đồng dẫn đầu lên đường tham dự cuộc đàm phán tại Phôngtennoblô, cách Paris chừng 60 cây số.

Tin Bác Hồ đi thăm Pháp được lan truyền rất nhanh chóng, trong cán bộ và nhân dân ta, nhiều người tỏ ý rất lo lắng. Thư, điện từ khắp nơi gửi về xin Bác hoãn chuyến đi vì khá mạo hiểm. Tình hình trong nước đang vô cùng căng thẳng, có thể nói đất nước đang nằm giữa vòng vây nguy hiểm của các thế lực đế

quốc xâm lược. Với 18 vạn quân Tưởng Giới Thạch, ba vạn quân Nhật, mối nguy cơ nước Việt Nam bị thôn tính, chính quyền cách mạng vừa thiết lập bị tiêu diệt không phải là không có. Ngay trong Trung ương cũng không một ai yên tâm về quyết định đi Pháp của Bác. Một số vị trong thường vụ đã đề nghị Bác dừng chuyến đi với nhiều lý do. Nhưng Bác vẫn giữ thái độ bình tĩnh và kiên quyết, giữ nguyên quyết định của mình. Bác cho thấy: trong Chính phủ Pháp hiện nay có Đảng Cộng sản tham dự, ta có thể tin vào sự giúp đỡ của Đảng bạn. Sang Pháp, cũng là dịp tốt để đề cao vị trí của Việt Nam, tranh thủ tình cảm của nhân dân Pháp và thế giới. Cộng đồng người Việt ở Pháp cũng là một chỗ dựa quan trọng. Từ lâu, Người thường xuyên tiếp xúc với Việt kiều, cả các tổ chức và cá nhân. Người khích lệ lòng yêu nước ở họ, động viên họ đoàn kết và tìm mọi cách hỗ trợ cho cuộc đấu tranh của phái đoàn Chính phủ ta.

Đêm 30-5, Bác không ngủ được. Bác đặc biệt nghĩ nhiều đến đồng bào Nam Bộ. Bác nhớ những đồng bào, đồng chí đang gian khổ chiến đấu bảo vệ phần đất thiêng liêng của Tổ quốc. Người đến bên bàn viết bức thư gửi *“Đồng bào yêu quý Nam Bộ”*, đề ngày 31-5-1946, trong đó Người nêu rõ:

“Đồng bào Nam Bộ đã hy sinh tranh đấu mấy tháng trường, để giữ gìn non sông cho toàn nước Việt Nam. Cho nên đồng bào cả nước đều phải nhớ ơn đồng bào Nam Bộ.

Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam.

Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!”.

*

* *

Anh hùng đã gặp anh hùng

Sau bốn tháng 20 ngày, Bác xa Tổ quốc. Nói chính xác hơn: Tổ quốc Việt Nam đã vắng Bác 142 ngày, Bác trở về an toàn, cả nước vui mừng xúc động, nhất là với nhân dân thành phố cảng, mảnh đất đầu tiên của Tổ quốc được Bác đặt chân lên sau chuyến đi lịch sử.

Từ Hà Nội xuống Hải Phòng đón Bác, có các vị trong Quốc hội và Chính phủ. Đó là các cụ, các ông: Nguyễn Văn Tố, Phạm Bá Trục, Tôn Đức Thắng, Phạm Văn Đồng, Trần Huy Liệu, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Bạch, Nguyễn Tấn Gi Trọng, Đặng Phúc Thông, Vũ Đình Hoè, Đặng Thai Mai, Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Xiển, Thiếu tướng Lê Thiết Hùng...

Thế là, chỉ sau ít tuần, Bác Hồ và Bác Tôn gặp nhau, hai Bác đã trở lại nước Pháp - nơi ngày nào trước đó 35, 36 năm hai người con yêu quý của dân tộc đã làm việc và hoạt động tìm đường cứu nước. Quãng thời gian ấy, đối với đời người là dài, nhưng đối với lịch sử một dân tộc, chỉ là một khoảnh khắc. Song, đó là khoảnh khắc hết sức kỳ diệu góp phần tạo ra bước ngoặt trên con đường tìm đường cứu dân tộc.